BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2019-2024**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An 8/2024**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2019-2024**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An 8/2024**



**MỤC LỤC**

[**MỤC LỤC**](#_Toc174343559)

[**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**](#_Toc174343560)

[**DANH MỤC BẢNG**](#_Toc174343561)

[**PHẦN I. KHÁI QUÁT** 1](#_Toc174343562)

[1.1. Đặt vấn đề 1](#_Toc174343563)

[1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá 1](#_Toc174343564)

[1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá 3](#_Toc174343565)

[1.2. Tổng quan chung 5](#_Toc174343566)

[1.2.1 Khái quát về Trường Đại học Vinh 5](#_Toc174343567)

[1.2.2. Khái quát về Trường sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh 14](#_Toc174343569)

[1.2.3. Khái quát về Khoa Vật lý 19](#_Toc174343570)

[**PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ** 22](#_Toc174343571)

[**Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** 22](#_Toc174343572)

[**Mở đầu** 22](#_Toc174343573)

[Tiêu chí 1.1. 22](#_Toc174343574)

[Tiêu chí 1.2. 28](#_Toc174343576)

[Tiêu chí 1.3. 33](#_Toc174343579)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 1 36](#_Toc174343580)

[**Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo** 37](#_Toc174343581)

[**Mở đầu** 37](#_Toc174343582)

[Tiêu chí 2.1. 37](#_Toc174343583)

[Tiêu chí 2.2. 40](#_Toc174343585)

[Tiêu chí 2.3. 44](#_Toc174343587)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 2 46](#_Toc174343588)

[**Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học** 47](#_Toc174343589)

[**Mở đầu** 47](#_Toc174343590)

[Tiêu chí 3.1 48](#_Toc174343591)

[Tiêu chí 3.2 52](#_Toc174343596)

[Tiêu chí 3.3 56](#_Toc174343597)

[Kết luận về tiêu chuẩn 3 59](#_Toc174343598)

[**Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học** 59](#_Toc174343599)

[**Mở đầu** 59](#_Toc174343600)

[Tiêu chí 4.1. 59](#_Toc174343601)

[Tiêu chí 4.2. 66](#_Toc174343604)

[Tiêu chí 4.3. 70](#_Toc174343605)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 4 73](#_Toc174343606)

[**Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học** 74](#_Toc174343607)

[**Mở đầu** 74](#_Toc174343608)

[Tiêu chí 5.1. 74](#_Toc174343609)

[Tiêu chí 5.2. 78](#_Toc174343610)

[Tiêu chí 5.3. 82](#_Toc174343611)

[Tiêu chí 5.4. 86](#_Toc174343612)

[Tiêu chí 5.5. 89](#_Toc174343613)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 5 93](#_Toc174343614)

[**Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên** 93](#_Toc174343615)

[**Mở đầu** 93](#_Toc174343616)

[Tiêu chí 6.1. 94](#_Toc174343617)

[Tiêu chí 6.2. 100](#_Toc174343620)

[Tiêu chí 6.3. 106](#_Toc174343623)

[Tiêu chí 6.4. 109](#_Toc174343624)

[Tiêu chí 6.5. 112](#_Toc174343625)

[Tiêu chí 6.6. 116](#_Toc174343629)

[Tiêu chí 6.7. 121](#_Toc174343631)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 6 127](#_Toc174343635)

[**Tiêu chuẩn 7 Đội ngũ nhân viên** 129](#_Toc174343636)

[**Mở đầu** 129](#_Toc174343637)

[Tiêu chí 7.1. 129](#_Toc174343638)

[Tiêu chí 7.2. 133](#_Toc174343639)

[Tiêu chí: 7.3. 136](#_Toc174343640)

[Tiêu chí: 7.4. 140](#_Toc174343641)

[Tiêu chí: 7.5. 143](#_Toc174343643)

[Kết luận của Tiêu chuẩn 7 146](#_Toc174343644)

[**Tiêu chuẩn 8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học** 146](#_Toc174343645)

[**Mở đầu** 146](#_Toc174343646)

[Tiêu chí 8.1. 146](#_Toc174343647)

[Tiêu chí 8.2. 149](#_Toc174343650)

[Tiêu chí 8.3. 151](#_Toc174343651)

[Tiêu chí 8.4. 155](#_Toc174343653)

[Tiêu chí 8.5. 158](#_Toc174343654)

[**Kết luận về Tiêu chuẩn 8 161**](#_Toc174343655)

[**Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị 162**](#_Toc174343656)

[**Mở đầu** 162](#_Toc174343657)

[Tiêu chí 9.1. 163](#_Toc174343658)

[Tiêu chí 9.2. 165](#_Toc174343659)

[Tiêu chí 9.3. 169](#_Toc174343662)

[Tiêu chí 9.4. H 173](#_Toc174343664)

[Tiêu chí 9.5. 176](#_Toc174343666)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 9 180](#_Toc174343667)

[**Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng** 181](#_Toc174343668)

[Tiêu chí 10.1. 181](#_Toc174343669)

[Tiêu chí 10.2. 185](#_Toc174343670)

[Tiêu chí 10.3. 192](#_Toc174343671)

[Tiêu chí 10.4. 196](#_Toc174343672)

[Tiêu chí 10.5. 201](#_Toc174343677)

[Tiêu chí 10.6. 206](#_Toc174343679)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 10 213](#_Toc174343680)

[**Tiêu chuẩn 11 Kết quả đầu ra** 214](#_Toc174343681)

[**Mở đầu** 214](#_Toc174343682)

[Tiêu chí 11.1 214](#_Toc174343683)

[Tiêu chí 11.2 221](#_Toc174343688)

[Tiêu chí 11.3 223](#_Toc174343690)

[Tiêu chí 11.4 227](#_Toc174343694)

[Tiêu chí 11.5 231](#_Toc174343695)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 11 234](#_Toc174343696)

[**PHẦN III. KẾT LUẬN** 235](#_Toc174343697)

[1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT 235](#_Toc174343698)

[2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo 240](#_Toc174343699)

[3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo 241](#_Toc174343700)

[4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT (Phụ lục 6a) 244](#_Toc174343701)

[**PHẦN IV. PHỤ LỤC** 245](#_Toc174343702)

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Từ viết tắt** | **Từ đầy đủ** |
| 1 | BGH | Ban giám hiệu |
| 3 | CTĐT | Chương trình đào tạo |
| 4 | CTDH | Chương trình dạy học |
| 5 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 6 | HV | Học viên |
| 7 | HTSV | Hỗ trợ sinh viên |
| 8 | ĐBCL | Đảm bảo chất lượng |
| 9 | ĐGN | Đánh giá ngoài |
| 10 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 11 | GV | Giảng viên |
| 12 | NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| 13 | SPVL | Sư phạm Vật lý |
| 14 | SV | Sinh viên |
| 15 | SLSVNH | Số lượng sinh viên nhập học |
| 16 | SLSVTH | Số lượng sinh viên thôi học |
| 18 | TLTH | Tỉ lệ sinh viên thôi học |

DANH MỤC HÌNH

[Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh 12](#_Toc174343568)

[Hình 3.1.1. Mô hình CAM trong phát triển CTDH 49](#_Toc174343592)

[Hình 3.1.2. Quy trình thiết kế ngược đối với CTDH 49](#_Toc174343593)

[Hình 10.5.1. Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh 202](#_Toc174343678)

DANH MỤC BẢNG

[Bảng 1.1.1. Mục tiêu CTĐT so với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường và Khoa 24](#_Toc174343575)

[Bảng 1.2.1. Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành SPVL năm 2021 29](#_Toc174343577)

[Bảng 1.2.2: Đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành SPVL năm 2021 với CĐR trình độ bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia 30](#_Toc174343578)

[Bảng 2.1.1: So sánh Bản mô tả CTĐT ngành SPVL giai đoạn 2017-2024 38](#_Toc174343584)

[Bảng 2.2.1: So sánh đề cương học phần của khóa 57, 58 và 61 ngành SPVL 42](#_Toc174343586)

[Bảng 3.1. Tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTĐH năm 2021 50](#_Toc174343594)

[Bảng 3.1.4. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động dạy học 51](#_Toc174343595)

[Bảng 4.1.1: Triết lý giáo dục được chuyển tải vào chương trình dạy học 61](#_Toc174343602)

[Bảng 4.1.2. Chuyển tải triết lý giáo dục vào các bên liên quan của ngành SPVL 62](#_Toc174343603)

[Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại GV cơ hữu Khoa Vật lý theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2023-2024 (tính đến tháng 8/2024): 96](#_Toc174343618)

[Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Khoa Vật lý trong 5 năm qua 97](#_Toc174343619)

[Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 - 2024 101](#_Toc174343621)

[Bảng 6.2.2. Tỷ lệ SV/GV quy đổi 102](#_Toc174343622)

[Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2019-2024 113](#_Toc174343626)

[Bảng 6.5.2.Thống kế số lượt cán bộ cơ hữu của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡngtrong 5 năm chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2024) 113](#_Toc174343627)

[Bảng 6.5.3. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh 114](#_Toc174343628)

[Bảng 6.6.1. Danh hiệu thi đua khen thưởng của CB, GV Khoa Vật lý (từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024) 119](#_Toc174343630)

[Bảng 6.7.1. Bảng tổng hợp chi cho NCKH của Giảng viên trong 5 năm của Trường Đại học Vinh 122](#_Toc174343632)

[Bảng 6.7.2. Số giờ NCKH qui định cho GV 123](#_Toc174343633)

[Bảng 6.7.3. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu Khoa Vật lý từ năm 2019 đến năm 2024 124](#_Toc174343634)

[Bảng 7.4.1. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh 141](#_Toc174343642)

[Bảng 8.1.1: Tổng hợp tình hình tuyển sinh của ngành trong 5 năm 148](#_Toc174343648)

[Bảng 8.1.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành SPVL (trong 5 năm học gần nhất) 148](#_Toc174343649)

[Bảng 8.3.1: Thống kê kết quả đánh giá rèn luyện của trong 5 năm (Từ 2019-2024) 154](#_Toc174343652)

[Bảng 9.2.1. Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành (2023) 167](#_Toc174343660)

[Bảng 9.2.2. Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường (đơn vị tính: triệu đồng) 167](#_Toc174343661)

[Bảng 9.3.1. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm máy móc, thiết bị và và sửa chữa trang thiết bị trong 5 năm của Trường Đại học Vinh 171](#_Toc174343663)

[Bảng 9.4.1. Bảng tổng hợp chi cho công nghệ thông tin trong 5 năm của Trường Đại học Vinh 175](#_Toc174343665)

[Bảng 10.4.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTÐT được nghiệm thu trong 5 nãm gần 197](#_Toc174343673)

[Bảng 10.4.2: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây: 198](#_Toc174343674)

[Bảng 10.4.4. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây 200](#_Toc174343675)

[Bảng 10.4.5. Thành tích NCKH của SV (Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố) 200](#_Toc174343676)

[Bảng 11.1.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học ngành SPVL giai đoạn 2019-2024 215](#_Toc174343684)

[Bảng 11.1.2. Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành SPVL giai đoạn 2019-2024 216](#_Toc174343685)

[Bảng 11.1.3. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) của sinh viên ngành Sư phạm Vật lý với các ngành trong trường 216](#_Toc174343686)

[Bảng 11.1.4. Đối sánh Tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Sư phạm Vật lý với các ngành trong trường 218](#_Toc174343687)

[Bảng 11.2.1. Bảng tỉ lệ SV tốt nghiệp giai đoạn đánh giá 221](#_Toc174343689)

[Bảng 11.3.1: Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành SPVL 224](#_Toc174343691)

[Biểu 11.3.2: Đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ngành SPVL Đại học Vinh với một số cơ sở đào tạo trong nước (2019 - 2024) 225](#_Toc174343692)

[Bảng 11.3.3. Đối sánh tỷ lệ (%) người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Vật lý với các ngành trong cùng cơ sở giáo dục 226](#_Toc174343693)

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong những năm qua, đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đã được các trường Đại học hết sức coi trọng. Đặc biệt, Thông tư 32/2018/TT- Bộ GD&ĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới (Chương trình GDPT 2018), với nhiều thay đổi so với hiện tại đã đặt ra những yêu cầu bức thiết đối với các cơ sở giáo dục có đào tạo giáo viên.

Là một khoa đào tạo giáo viên của trường Đại học Vinh, trong những năm qua, Khoa Vật lý thường xuyên quan tâm đến việc đổi mới và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Vật lý (SPVL). Với mong muốn rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo của đơn vị, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành SPVL theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành SPVL giúp Nhà trường, khoa Vật lý tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

*1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá*

Công tác tự đánh giá CTĐT ngành SPVL đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPVL được thành lập theo Quyết định số 1546/QĐ/ĐHV ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh gồm Ban Giám hiệu, cán bộ giảng viên khoa Vật lý, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như SV, cựu SV, giảng viên, nhà tuyển dụng,... là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu (BGH) chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kĩ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Báo cáo tự đánh giá gồm 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần Khái quát của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPVL giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính theo các tiêu chuẩn. Phần khái quát mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu lên mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách đảm bảo chất lượng của khoa Vật lý, Trường SP - Trường ĐH Vinh.

Phần Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPVL được thực hiện theo Thông tư số 04/2016/TT- Bộ GD&ĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT), Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020,  *Công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng)*. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: TC1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT; TC2. Bản mô tả CTĐT; TC3. Cấu trúc và nội dung CTDH; TC4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; TC5. Đánh giá kết quả học tập của người học; TC6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV); TC7. Đội ngũ nhân viên (NV); TC8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học; TC9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị; TC10. Nâng cao chất lượng; TC 11. Kết quả đầu ra.

Phần Kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ngành SPVL, Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh.

Phần Phụ lục gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT ngành SPVL.

*1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá*

*Mục đích tự đánh giá:*

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành SPVL theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH*** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT- Bộ GD&ĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho Khoa Vật lý tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo giáo viên, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm tồn tại của Khoa Vật lý/ Trường sư phạm/ Trường ĐH Vinh trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của ngành SPVL.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành SPVL theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

***Quy trình tự đánh giá:*** Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ngành SPVL được thực hiện theo thứ tự 6 bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT- Bộ GD&ĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.

- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.

- Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

- Bước 4. Viết báo cáo TĐG.

- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.

- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

*Phạm vi tự đánh giá:*

Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh thực hiện tự đánh giá CTĐT ngành SPVL dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường với các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây, cụ thể là từ năm 2019 đến 2024.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPVL được thành lập theo Quyết định số 1546/QĐ-ĐHV ngày 30/6/2022 và kiện toàn theo Quyết định số 2010/QĐ-ĐHV ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHV. Các thành viên Hội đồng gồm: cán bộ quản lý của Trường, Khoa, GV, viên chức trong Trường. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban Thư ký gồm các giảng viên khoa Vật lý và chuyên viên các phòng ban chức năng trong trường. Các thành viên Hội đồng và Ban thư ký được phân thành 5 nhóm chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ.

*Phương pháp đánh giá:*

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành SPVL dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT- Bộ GD&ĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/ QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021; Hướng dẫn số 1074/ QLCL-KĐCLGD ngày 28/6/2016; Hướng dẫn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019của Cục quản lí chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí, Khoa tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại; Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

*Phương pháp mã hóa minh chứng:*

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) như hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPVL được thành lập theo Quyết định số 1546/QĐ-ĐHV ngày 30/6/2022 và kiện toàn theo Quyết định số 2010/QĐ-ĐHV ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHV gồm Ban Giám hiệu, thành viên Hội đồng Trường, cán bộ GV của khoa Vật lý, các cán bộ phòng, ban, trung tâm trong trường.

Sự phản hồi của sinh viên, các cựu sinh viên là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo, Phòng KH & Hợp tác Quốc tế cung cấp thông tin về đề tài khoa học các cấp, các công trình sách, giáo trình, các bài báo. Phòng Tổ chức Cán bộ, phòng Hành chính tổng hợp cung cấp minh chứng về các quyết định. Khoa Vật lý tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến các nhiệm vụ của Khoa.

## 2. Tổng quan chung

***2.1. Tổng quan về Trường Đại học Vinh***

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh THPT chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**

Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269

Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn) Email: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn)

Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

***Chính sách chất lượng:***

i. Phát triển bền vững giáo dục và KHCN; phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

ii. Đảm bảo cung cấp CSVC, trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục đại học, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục và NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

iii. Tăng cường hợp tác với các trường thuộc top 500 của châu Á về giáo dục và NCKH; học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao KHCN; tất cả CTĐT và văn bằng của Trường đều được các tổ chức KĐCLGD có uy tín kiểm định và công nhận.

***Sứ mạng:*** Trường Đại học Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

***Tầm nhìn:*** Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng tốp 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

***Giá trị cốt lõi:***

**Trung thực***(Honesty)*

**Trách nhiệm***(Accountability)*

**Say mê***(Passion)*

**Sáng tạo***(Creativity)*

**Hợp tác***(Collaboration)*

***Triết lý giáo dục:* Hợp tác - Sáng tạo**

Trường Đại học Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường Đại học Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa chuyên ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:

- Trạm Y tế

- Trung tâm Đảm bảo chất lượng

- TT Dịch vụ, HTSV và QHDN

- Trung tâm GDQPAN Vinh

- Trung tâm GDTX

- Trung tâm KĐCL giáo dục

- TT NC, Đổi mới - Sáng tạo

- Trung tâm Nội trú

- TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào

- TT Thực hành - Thí nghiệm

- Trường KHXH và Nhân văn

- Trường Kinh tế

- Trường Sư phạm

- Trường THPT chuyên

- Trường Thực hành sư phạm

**BAN GIÁM HIỆU**

**ĐẢNG ỦY**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

**Các tổ chức đoàn thể**

**Hội đồng Khoa học và Đào tạo**

- Khoa Sư phạm ngoại ngữ

- Khoa Giáo dục thể chất

- Khoa Xây dựng

- Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến

- Viện Kỹ thuật - Công nghệ

- Viện Nông nghiệp và Tài nguyên

- Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường

- Ban quản lý cơ sở II

- Nhà xuất bản

- Phòng Công tác Chính trị và HSSV

- Phòng Đào tạo

- Phòng Đào tạo Sau đại học

- Phòng Hành chính Tổng hợp

- Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế

- Phòng Quản trị và Đầu tư

- Phòng Thanh tra - Pháp chế

- Phòng Tổ chức Cán bộ

- Văn phòng Đảng - Hội đồng Trường - Đoàn thể

- Văn phòng đại diện tại TPHCM

- Văn phòng đại diện tại tỉnh Thanh Hóa

Hiện nay, Trường Đại học Vinh đã và đang triển khai đề án tái cấu trúc Nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức; tiếp tục xây dựng Nhà trường thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thành trung tâm NCKH, đổi mới sáng tạo, trung tâm ĐBCL và KĐCLGD của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Trên cơ sở sắp xếp công tác tổ chức, nhân lực, Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại giáo viên và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho khu vực và cả nước. Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, quy hoạch lại các ngành và chuyên ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và CTĐT chất lượng cao bắt đầu được đào tạo từ 2021.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng. Từ năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 1, đạt chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 2 vào tháng 4 năm 2023. Từ năm 2018 đến nay đã có 30 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục trong đó có 2 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA, 5 CTĐT đang chờ cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Nhà trường cũng đã có nhiều hoạt động nhằm phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; cải tiến chất lượng CSGD và CTĐT và không ngừng phát triển văn hóa chất lượng nhằm đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn đã đề ra.

*2.2. Tổng quan về Khoa Vật lý*

Khoa Vật lý thuộc Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong đào tạo ngành cử nhân sư phạm Vật lý. Đồng hành với trường ĐH Vinh từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của khoa Vật lý trải dài hơn 60 năm lịch sử. Trong hơn 60 năm qua, khoa Vật lý đã đào tạo hơn 3.000 cử nhân SPVL, hơn 600 thạc sĩ, và 50 tiến sĩ. Đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ. Hiện nay, Trường Sư phạm đang đào tạo 90 SV ngành SPVL, 35 học viên cao học thuộc 2 chuyên ngành (Quang học, Lí luận và PPDH Bộ môn Vật lý), 6 nghiên cứu sinh thuộc 2 chuyên ngành (Quang học, Lí luận và PPDH Bộ môn Vật lý).

Bên cạnh đó, Khoa còn đảm nhận công tác bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển kinh tế- xã hội cho địa phương và trong cả nước. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường, tham gia biên soạn, thẩm định sách giáo khoa của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa/Trường đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPVL. Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của Nhà trường và cơ bản phản ảnh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kĩ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật các vấn đề mới nhất liên quan đến CTĐT. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành SPVL trường Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Vật lý và khoa học giáo dục. Ngoài ra chương trình ngành SPVL còn có nhiều học phần giúp SV rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp và kĩ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lí thuyết, kĩ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Chương trình được thiết kế đáp ứng các CĐR ngành SPVL; được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. SV tốt nghiệp CTĐT ngành SPVL có khả năng áp dụng kiến thức, kĩ năng cơ bản và chuyên sâu về Vật lý; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình môn Vật lý trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Khoa Vật lý có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành SPVL có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác.

Khoa/Trường đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành SPVL và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành SPVL có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Vật lý. Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng Trường Đại học Vinh, Trường sư phạm, Khoa Vật lý, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Mở đầu**

CTĐT ngành Sư phạm Vật lý được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT ban hành và quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành SPVL được xây dựng theo hướng tiếp cận người học, đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu xã hội.

CTĐT ngành SPVL được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến. Mục tiêu và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của khoa học kỹ thuật trong nước và trên thế giới. CĐR, Khung CTĐT và ĐCCT các học phần được cung cấp đầy đủ đến người học thông qua các kênh thông tin như Website, kênh thông tin điện tử, thư viện, sổ tay sinh viên và trong quá trình giảng dạy các học phần của giảng viên. Tiêu chuẩn 1 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

*1. Mô tả hiện trạng*

Mục tiêu của CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với khung trình độ Quốc gia và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học [[H1.01.01.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.01_VB%20ch%E1%BB%89%20%C4%91%E1%BA%A1o%20v%E1%BB%81%20CT%C4%90T%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99%20GD%20%C4%90T/) Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2024), CTĐT ngành sư phạm Vật lý có các phiên bản 2019, 2021 [[H1.01.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.02_Q%C4%90%20ban%20h%C3%A0nh%20CT%C4%90T%20c%E1%BB%A7a%20Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20%C4%90HV/) CTĐT ngành SPVL được cập nhật và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) theo quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2019 [[H1.01.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.03_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20quy%20tr%C3%ACnh%20XD%20v%C3%A0%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20CT%C4%90T/) Năm 2021, sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường tiến hành đánh giá tổng kết CTĐT tiếp cận CDIO trên cơ sở đó Nhà trường tiến hành hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [[H1.01.01.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.04_R%C3%A0%20so%C3%A1t,%20c%E1%BA%ADp%20nh%E1%BA%ADt%20CT%C4%90T%202019-2024/) Sau khi tiến hành quy trình rà soát và khảo sát các bên liên quan, Khoa Vật lý đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu của CTĐT ngành SPVL. Cụ thể là: *Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Vật lý có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, chuyên sâu về khoa học giáo dục và khoa học vật lý, có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý; có năng lực tự học, tự rèn luyện, nghiên cứu khoa học, đổi mới, sáng tạo để phát triển bản thân, đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế*[*.* [H1.01.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.05_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/)

Mục tiêu CTĐT ngành SPVL đã bám sát sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh. Sứ mạng của Trường Đại học Vinh được xác định *“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”* vàvới tầm nhìn là *“Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*” (năm 2021). Sau đó, ngày ngày 18/10/2022 Hội đồng trường đã ra nghị quyết điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh thành: Sứ mạng *” Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.*”; Tầm nhìn “*Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045*” [[H1.01.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.06_KH%20chi%E1%BA%BFn%20l%C6%B0%E1%BB%A3c,%20t%E1%BA%A7m%20nh%C3%ACn%20s%E1%BB%A9%20m%E1%BA%A1ng%20c%E1%BB%A7a%20Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20%C4%90HV/) Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0, trong đó có hướng dẫn các bước xây dựng mục tiêu của CTĐT ở tiêu chí 1.1 để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường (***bước 1: Yêu cầu phân tích về tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường và bước 3 đối sánh mục tiêu của chương trình đào tạo với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường***) [[H1.01.01.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.07_B%E1%BB%99%20chu%E1%BA%A9n%20%C4%90BCL%20CT%C4%90T/) Hiện nay, Khoa Vật lý đang rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu CTĐT ngành sư phạm Vật lý để phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng mới ban hành. Theo đó, CTĐT ngành SPVL được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, trong đó chú trọng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành SPVL đáp ứng yêu cầu của xã hội [[H1.01.01.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.08_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/)

*Bảng 1.1.1. Mục tiêu CTĐT so với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi  
 của Trường và Khoa*

| **Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường** | **Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Khoa** | **Mục tiêu CTĐT 2021** |
| --- | --- | --- |
| **Sứ mệnh**:  Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.  **Tầm nhìn**: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.  **Triết lý giáo dục của Trường:**  Hợp tác - Sáng tạo  Trường Đại học Vinh xác định Hợp tác (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.  Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác  Trường Đại học Vinh coi Sáng tạo (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.  Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.  **Giá trị cốt lõi của Trường:**   Trung thực (Honesty)   Tráchnhiệm (Accountability)  Say mê (Passion)  Sáng tạo (Creativity)   Hợp tác (Collaboration) | **Tầm nhìn**: Khoa Vật lý của Trường Đại học Vinh phấn đấu trở thành một trong những trung tâm đào tạo giáo viên và ***nghiên cứu*** Vật lý uy tín, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành SPVL trong các đại học có đào tạo giáo viên ở Việt nam đồng thời trở thành khoa đào tạo và nghiên cứu Vật lý uy tín, chất lượng trong khu vực Đông Nam Á.  **Sứ mệnh**: Khoa Vật lý tiếp tục truyền thống đã có là một trong những khoa nòng cốt của Trường Đại học Vinh là nơi đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực đội ngũ trí thức khoa học cao với những phẩm chất nhân văn tốt đẹp, cung cấp cho xã hội các sản phẩm khoa học chất lượng để phục vụ xã hội, cộng đồng.  **Tôn chỉ giáo dục của Khoa**:  + Trách nhiệm  + Hợp tác  + Sáng tạo | **PO1.** Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học Khoa học tự nhiên vào lĩnh vực giáo dục đào tạo nói chung và nghiên cứu, dạy học môn Vật lý nói riêng;  **PO2.** Có kỹ năng dạy học và thực hành môn Vật lý, kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề, năng lực ICT; Có phẩm chất, đạo đức, tác phong nhà giáo và năng lực phát triển nghề nghiệp trongbối cảnh cuộc CMCN 4.0  **PO3.** Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp đa phương thức, hợp tác hiệu quả; Có năng lực ngoại ngữ theo quy định chung và sử dụng trong các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động chuyên môn khác.  **PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý và các hoạt động chuyên môn khác trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. |

Mục tiêu CTĐT ngành SPVL được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục 2005, Luật Giáo dục 2019 xác định: Đào tạo trình độ đại học giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Mục tiêu này cũng phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 Quyết định số 1982 về phê duyệt Khung trình độ Quốc gia. Từ năm 2017, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học Vinh, Khoa Vật lý đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT theo tiếp cận năng lực, trong đó chú trọng nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp của người học [[H1.01.01.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.09_HD%20x%C3%A2y%20d%E1%BB%B1ng%20v%C3%A0%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20CT%C4%90T/) Sau khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, CĐR và đề cương chi tiết các học phần, Khoa đã khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT ngành SPVL đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường [[H1.01.01.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.1/H1.01.01.10_D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20l%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20c%C3%A1c%20BLQ%20v%E1%BB%81%20CT%C4%90T/)

*2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học, được mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung.

*3. Điểm tồn tại*

Việc tham vấn, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành SPVL chưa được tiến hành một cách khoa học, chưa đa dạng hình thức.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn | Nhà trường  Khoa Vật lý | Khi có kế hoạch |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành SPVL | Khoa Vật lý | Định kỳ |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)*

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng về những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành SPVL đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành SPVL được xây dựng dựa trên các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT [[H1.01.02.01];](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.01_V%C4%83n%20b%E1%BA%A3n%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99%20v%E1%BB%81%20GD%20%C4%90H,%20THPT/) tuân thủ theo quy định/quy trình của Nhà trường [[H1.01.02.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.02_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20quy%20tr%C3%ACnh%20XD%20v%C3%A0%20ph%C3%A1t%20tri%E1%BB%83n%20CT%C4%90T/) và các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Trường Đại học Vinh [[H1.01.02.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.03_R%C3%A0%20so%C3%A1t,%20c%E1%BA%ADp%20nh%E1%BA%ADt%20CT%C4%90T%202019-2024/) Trong chu kỳ đánh giá từ năm 2019-2024, CĐR ngành SPVL của Trường Đại học Vinh được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và có các phiên bản 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*), phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [[H1.01.02.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.04_Q%C4%90%20ban%20h%C3%A0nh%20CT%C4%90T,%20B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3,%20C%C4%90R%20CT%C4%90T/) CĐR chương trình đào tạo được xây dựng dựa theo đề cương CDIO, khung trình độ quốc gia, chuẩn CTĐT, năng lực nghề nghiệp và yêu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia). Đồng thời, các PLO cần được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường Đại học Vinh. Kể từ năm 2017, CĐR ngành Giáo dục SPVL được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến).

Năm 2023, Nhà trường đã Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0, trong đó hướng dẫn cụ thể hơn trong việc xây dựng CĐR thể hiện mức độ quan trọng trong việc xây dựng CĐR để làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH. Việc xây dựng CĐR được thực hiện theo 7 bước, quy định ở tiêu chí 1.2 Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo. Hiện nay, Khoa Vật lý đang rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR CTĐT ngành SPVL theo quy trình hướng dẫn Nhà trường mới ban hành [[H1.01.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.05_B%E1%BB%99%20chu%E1%BA%A9n%20%C4%90BCL%20CT%C4%90T/)

CĐR được thiết kế chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm; được mô tả rõ ràng, súc tích theo 4 nhóm năng lực, tương ứng với 4 trụ cột giáo dục của UNESCO:

*Bảng 1.2.1. Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT   
ngành SPVL năm 2021*

| **Mục tiêu cụ thể** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| --- | --- |
| PO1. Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục, khoa học Vật lý vào lĩnh vực giáo dục đào tạo nói chung và nghiên cứu, dạy học vật lý nói riêng; | **PLO 1.1.** Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, Toán học, khoa học tự nhiên vào hoạt động nghề nghiệp, phát triển bản thân và cuộc sống  **PLO 1.2.** Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục trong hoạt động dạy học và nghiên cứu  **PLO 1.3.** Vận dụng các kiến thức của khoa học vật lý quá trình dạy học và nghiên cứu |
| **PO2.** Vận dụng được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và học tập suốt đời trong các hoạt động dạy học, giáo dục ở bối cảnh mới; | **PLO 2.1.** Thể hiện các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học, các hoạt động chuyên môn khác và phát triển bản thân  **PLO 2.2.** Thể hiện được phẩm chất cá nhân, trách nhiệm nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân và tập thể. |
| **PO3.** Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và năng lực sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp; | **PLO 3.1.** Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp  **PLO 3.2.** Thể hiện giao tiếp hiệu quả đa phương thức và ngoại ngữ trong các hoạt động cá nhân và nghề nghiệp |
| **PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý và các hoạt động chuyên môn khác trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. | **PLO 4.1.** Xác định được bối cảnh hoạt động nghề nghiệp: xã hội, Nhà trường, gia đình và lĩnh vực chuyên ngành  **PLO 4.2.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển được các hoạt động dạy học vật lý, hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp |

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.6], và làm cơ sở cho việc xây dựng ĐCCT học phần của CTĐT ngành SPVL.

*Bảng 1.2.2: Đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành SPVL năm 2021 với CĐR trình độ   
bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia*

| **Khung TĐQG** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 |
| Kiến thức | | | | | | | | | |
| Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |
| Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |  |
| Kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu công việc |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể |  |  |  |  |  |  |  | *√* |  |
| Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn |  |  |  |  |  |  |  | *√* |  |
| Kỹ năng | | | | | | | | | |
| Kỹ năng cần thiết có thể giải quyết các vấn phức tạp |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác |  |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |
| Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam |  |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| Mức tự chủ và trách nhiệm` | | | | | | | | | |
| Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm các nhân và làm việc đối với nhóm |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định |  |  |  |  | *√* |  | *√* |  |  |
| Tự định hướng, đưa ra những kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |

CĐR CTĐT đã chú trọng đến năng lực tự chủ, trách nhiệm và sáng tạo trong nghề nghiệp, năng lực tự học và học suốt đời, năng lực làm việc nhóm và giao tiếp. CĐR đặt ra yêu cầu đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, và năng lực sử dụng tin học đạt trình độ B.

So với CĐR ban hành trong những năm trước đó, CĐR năm 2021 được cụ thể hóa, mỗi CĐR xác định mức độ đào tạo cụ thể, được cập nhật, chỉnh sửa và cụ thể hóa thông qua các đề tài CDIO từ năm 2017-2024 theo hướng tiếp cận năng lực. Chất lượng CĐR được thể hiện qua các điểm: CTĐT được điều chỉnh, xây dựng theo định hướng CDIO, đúng quy trình rõ ràng; Đáp ứng yêu cầu năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ [[H1.01.02.06];](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.06_%20D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BB%91i%20s%C3%A1nh%20CT%C4%90T/) Phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhóm đối tượng nhà khoa học, GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu SV; Được kiểm định đánh giá chất lượng để có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển giáo dục trong nước và quốc tế [[H1.01.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.2/H1.01.02.06_%20D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BB%91i%20s%C3%A1nh%20CT%C4%90T/)

Phân tích trên cho thấy CĐR của CTĐT đã mô tả rõ ràng và bao quát các năng lực chung và năng lực chuyên biệt đối với SV ngành SPVL, đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu của vị trí việc làm của người học khi tốt nghiệp là trở thành giáo viên THPT trong bối cảnh tự chủ, sáng tạo và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, đồng thời có những năng lực chung phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm ngày nay như năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề,...

*2. Điểm mạnh*

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

*3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT | Bộ phận ĐBCL của Khoa/ Trường | Khi có kế hoạch |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên | Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT ngành | Định kỳ |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)*

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT ngành SPVL phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức. Trên cơ sở dự thảo CĐR của CTĐT được xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với người học khi tốt nghiệp CTĐT cử nhân ngành SPVL [[H1.01.03.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.01_HN%20tham%20v%E1%BA%A5n%20c%C3%A1c%20BLQ%20v%E1%BB%81%20m%E1%BB%A5c%20ti%C3%AAu,%20C%C4%90R%20CT%C4%90T/) Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Vật lý đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [[H1.01.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.02_D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20kh%E1%BA%A3o%20s%C3%A1t%20v%E1%BB%81%20CT%C4%90T/)]. Đồng thời, Khoa Vật lý đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành SPVL của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH sư phạm - Đại học Huế, Trường ĐH sư phạm- Đại học Đà Nẵng và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành SPVL. CĐR của CTĐT ngành SPVL Trường Đại học Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [[H1.01.03.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.03_B%E1%BA%A3ng%20%C4%91%E1%BB%91i%20s%C3%A1nh%20C%C4%90R,%20CT%C4%90T/)

Trong giai đoạn tự đánh giá (2019-2024), CĐR của CTĐT ngành SPVL đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường [[H1.01.03.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.04_R%C3%A0%20so%C3%A1t,%20c%E1%BA%ADp%20nh%E1%BA%ADt%20CT%C4%90T%202019-2024/) CĐR của CTĐT SPVL được rà soát và chỉnh sửa vào các năm 2017, 2019, 2021. Năm 2017 Nhà trường ban hành CTĐT tiếp cận CDIO) (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*), triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT ngành SPVL và được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) [[H1.01.03.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.05_Q%C4%90%20ban%20h%C3%A0nh%20CT%C4%90T%20n%C4%83m%202017,%20C%C4%90R%20CT%C4%90T%202017/) Năm 2019, Nhà trường cập nhật, chỉnh sửa CTĐT (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [[H1.01.03.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.06_Q%C4%90%20ban%20h%C3%A0nh%20CT%C4%90T%20n%C4%83m%202019,%20C%C4%90R%20CT%C4%90T%202019/) Năm 2021, CĐR CTĐT tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của Sinh viên khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [[H1.01.03.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.07_Q%C4%90%20ban%20h%C3%A0nh%20CT%C4%90T%20n%C4%83m%202021,%20C%C4%90R%20CT%C4%90T%202021/) Kết quả của các lần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR của CTĐT ngành SPVL là số lượng chuẩn đầu ra được rút gọn, súc tích, định lượng được, năng lực chuẩn đầu ra đảm bảo, bám sát vào các yêu cầu kết quả khảo sát của các bên liên quan. CĐR của CTĐT năm 2021 là 24 CĐR (áp dụng từ K62). Việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT hàng năm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên SPVL qua các năm [[H1.01.03.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.08_D%E1%BB%AF%20li%E1%BB%87u%20KS%20c%C3%A1c%20BLQ,%20%C4%91%E1%BB%91i%20s%C3%A1nh%20v%E1%BB%81%20CT%C4%90T/) Năm 2023, Nhà trường tiếp tục hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT thông qua việc ban hành bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 [[H1.01.03.9](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.09_HD%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1%20theo%20C%C4%90R,%20b%E1%BB%99%20chu%E1%BA%A9n%20%C4%90BCL/)]. MT và CĐR của CTĐT đã được thẩm định bởi Hội đồng nghiệm thu cấp trường và công bố theo QĐ của HT [[H1.01.03.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.10_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/)

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và subweb của Khoa/Trường, được đặt đường dẫn từ trang đăng ký học của tất cả SV trên website Nhà trường [[H1.01.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.10_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/)]. Khoa/Trường đưa các nội dung cơ bản của CĐR vào nội dung các tờ rơi giới thiệu CTĐT, giới thiệu trực tiếp MT và CĐR CTĐT cho SV mới nhập học vào dịp sinh hoạt chính trị đầu khóa [[H1.01.03.11].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.12_S%E1%BB%95%20tay%20SV,%20KH%20g%E1%BA%B7p%20m%E1%BA%B7t%20%C4%91%E1%BA%A7u%20kh%C3%B3a/) Ngoài ra, việc tìm hiểu CĐR và CTĐT còn được hướng dẫn cho SV trong Sổ tay SV, được các giảng viên thường xuyên truyền thông qua các môn học, được quán triệt bởi hệ thống cố vấn học tập và quản lí SV. Việc SV nắm rõ MT và CĐR của CTĐT có tác động tích cực đến kết quả xếp loại tốt nghiệp những năm gần đây [[H1.01.03.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%201/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%201.3/H1.01.03.12_S%E1%BB%95%20tay%20SV,%20KH%20g%E1%BA%B7p%20m%E1%BA%B7t%20%C4%91%E1%BA%A7u%20kh%C3%B3a/)

Như vậy, trong giai đoạn 2019 đến 2024, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên các yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

*2. Điểm mạnh*

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành SPVL được được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến phản hồi và đóng góp của các bên liên quan. CĐR được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tại các cơ sở giáo dục và yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

*3. Điểm tồn tại*

Việc thu thập thông tin phản hồi về CĐR của các bên liên quan chưa được thường xuyên và rộng rãi.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT | Khoa Vật lý Trung tâm CNTT | Khi có kế hoạch |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên | Khoa Vật lý | Định kỳ |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)*

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Mục tiêu CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục Đại học, được mô tả rõ ràng và được công khai trên website của Nhà trường. Việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

CĐR CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi tốt nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH. CĐR của CTĐT ngành SPVL được xây dựng, điều chỉnh bao quát được cả các yêu cầu chung theo hệ thống giáo dục Việt Nam và các quy trình của Nhà trường. CĐR ngành SPVL đã được rà soát, điều chỉnh theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai trên Website, và các trang tin của Trường và của Khoa.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Điểm tồn tại cơ bản là việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đồng bộ và đầy đủ.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

**Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho người học và người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lí, học sinh trong hoạt động tuyển sinh, các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Nhà nước, với đầy đủ các thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát bổ sung. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CĐR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lí dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT của ngành SPVL có đầy đủ các thông tin và được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục số 34/2018, quyết định 1982 Ban hành khung trình độ quốc gia, về khối lượng kiến thức và tiêu chuẩn đánh giá CTĐT, Thông tư Số 07/2015/TT- Bộ GD&ĐT, Thông tư 49/2012/TT- Bộ GD&ĐT về đánh giá CTĐT giáo viên THPT, Thông tư 17/2021/TT- Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học [[H2.02.01.01],](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.01/) được biên soạn bởi bộ phận xây dựng CTĐT của Khoa/Trường theo mẫu quy định của Nhà trường [[H2.02.01.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.02/) và được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng KHĐT Khoa/Trường thông qua [[H2.02.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.02/)

Bản mô tả CTĐT ngành SPVL năm 2021 bao gồm các nội dung chính [H1.01.01.03]:

1. Cơ sở giáo dục: Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh
2. Chương trình đào tạo: Sư phạm Vật lý, trình độ đại học
3. Thời gian đào tạo: 4 năm
4. Mục tiêu: bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể
5. CĐR của CTĐT: được mô tả theo 4 trụ cột của CDIO bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống kỹ thuật điện để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.
6. Tiêu chí tuyển sinh: áp dụng theo quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.
7. Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH): được thể hiện qua chương trình khung gồm 126 tín chỉ, 36 học phần và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.
8. Ma trận kỹ năng
9. Đề cương các môn học/học phần
10. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Từ năm 2017 đến nay, CTĐT đã được rà soát, cập nhật 2 lần vào 2019, 2021 [[H2.02.01.04],](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.04/) trung bình ít nhất 2 năm/lần. Theo đó bản mô tả CTĐT đã được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan như đã cập nhật các nội dung và yêu cầu từ Thông tư 20/2018/TT- Bộ GD&ĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và Thông tư 32/2018/TT- Bộ GD&ĐT về Ban hành Chương trình GDPT tổng thể, [[H2.02.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.05/) Qua các lần rà soát, các nội dung CĐR được đối sánh với CĐR của một số CTĐT trong và ngoài nước, qua đó cập nhật các năng lực cần thiết vào CĐR của CTĐT [[H2.02.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.06/)

Những thông tin trong các nội dung của bản mô tả CTĐT năm 2019 bao hàm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước. Điểm mới trong bản mô tả này chính là ma trận CĐR và nâng cao tỉ trọng đánh giá quá trình. Năm 2021, Trường đã tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT trong đợt xây dựng chương trình ngành SPVL theo định hướng CDIO. Trên cơ sở đó CTĐT đã được tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra, ma trận phân nhiệm CĐR, các học phần, phương pháp đánh giá; tăng cường các học phần dạy học theo đồ án, dự án [[H1.01.01.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.07/)

*Bảng 2.1.1: So sánh Bản mô tả CTĐT ngành SPVL giai đoạn 2017-2024*

| **Đặc điểm** | **Khóa 58, 59**  **2017** | **Khóa 60, 61**  **2019** | **Khóa 62, 63**  **2021** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian đào tạo** | 4 năm | 4 năm | 4 năm |
| **Mục tiêu và CĐR đào tạo** | Theo 4 trụ cột của CDIO | Theo 4 trụ cột của CDIO | Theo 4 trụ cột của CDIO |
| **Tiêu chí tuyển sinh** | Tổ hợp A00, A01 | Tổ hợp A00, A01 | Tổ hợp A00, A01 |
| **Số tín chỉ** | 125 tín chỉ | 125 tín chỉ | 126 tín chỉ |
| **Số học phần** | 36 học phần | 36 học phần | 36 học phần |

Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0, hướng dẫn cụ thể về xây dựng CTĐT với quy trình chặt chẽ từ việc có các bước xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng CĐR phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, cũng như hướng dẫn đối sánh CĐR của CTĐT với đề cương CDIO, Khung trình độ quốc gia,… hướng dẫn thiết kế và phát triển CTDH dựa trên CĐR theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB. Bên cạnh đó, việc đánh giá người học theo CĐR được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và điểm năng lực của CĐR. Đề cương học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class) [[H2.02.01.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.08/) Hiện nay, Khoa Vật lý đang thực hiện cải tiến và hoàn thiện CTĐT ngành SPVL theo quy trình và hướng dẫn của Nhà trường mới ban hành [[H2.02.01.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.1/H2.02.01.09/)

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT Ngành SPVL có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo và cung cấp thông tin cho các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên về nội dung và hình thức, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

*3. Điểm tồn tại*

Quá trình cập nhật CTĐT có đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Thiết lập mạng lưới các cựu sinh viên ngành SPVL hiện nay là giáo viên, nhà quản lý ở các trường phổ thông để thường xuyên góp ý và phản hồi về bản mô tả CTĐT của đơn vị | Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật bản mô tả CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT và nhu cầu xã hội | Khoa Vật lý | Định kỳ |

1. *Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. *Mô tả hiện trạng*

100% đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPVL cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 07/2015/TT- Bộ GD&ĐT, Số 17/ TT- Bộ GD&ĐT), được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu [[H2.02.02.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.01/) Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo hệ đại học và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [[H2.02.02.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.02/) Khi xây dựng đề cương học phần, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [[H2.02.02.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.03/) Cụ thể:

(1) Thông tin tổng quát (tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy)

(2) Mô tả học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học...).

(3) Mục tiêu học phần

(4) Chuẩn đầu ra học phần

(5) Đánh giá học phần

(6) Nội dung và kế hoạch dạy - học

(7) Nguồn học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.

(8) Quy định học phần

(9) Phụ trách học phần

(10) Thông tin phê duyệt đề cương học phần

Mặc dù cấu trúc trình bày của Đề cương học phần có 10 mục nêu trên nhưng các thông tin trong Đề cương học phần đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản, trong đó đã nêu rõ được tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy (Mục 1: Thông tin tổng quát); tên môn học/ học phần; số tín chỉ; (Mục 2: Mô tả học phần), mục tiêu, (Mục 3: Mục tiêu học phần), CĐR của môn học/ học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR (Mục 4: Chuẩn đầu ra học phần); các yêu cầu của môn học/ học phần (Mục 8: Quy định học phần); cấu trúc môn học/ học phần; phương pháp dạy học (Mục 6: Nội dung và kế hoạch dạy học)- phương thức kiểm tra đánh giá (Mục 5: Đánh giá học phần); tài liệu chính và tài liệu tham khảo (Mục 7: Nguồn học liệu). Ngoài ra, Đề cương môn học còn có thêm Mục 9: Phụ trách học phần quy định Bộ môn/ Khoa/ Ngành quản lý học phần để thuận lợi trong công tác quản lý đào tạo. Đề cương học phần giúp GV và SV nắm vững nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy học, đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương học phần, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch. Đề cương học phần có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng hơn trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của học phần, đồng thời giúp các bên liên quan có thông tin đầy đủ về học phần để giám sát quá trình đào tạo của chương trình. Năm 2023, Trường Đại học Vinh ban hành Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo, trong đó có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần (hướng dẫn xây dựng bản đề cương chi tiết học phần ở tiêu chí 2.1 và mẫu đề cương học phần ở phần phụ lục trong bộ chuẩn). Đề cương học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class),… Hiện nay, các giảng viên Khoa Vật lý đang rà soát, xây dựng ĐCCT HP ngành SPVL theo quy trình và hướng dẫn của Nhà trường mới ban hành [[H1.01.02.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.04/)

100% đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPVL được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần [[H2.02.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.05/) Các nội dung trong đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam [[H2.02.02.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.05/) Năm 2016, Nhà trường chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT. Đề cương các học phần cũng được thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới và ban hành năm 2017. Trong đó, các nội dung liên quan đến mô tả học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, quy định kiểm tra đánh giá, nội dung và kế hoạch dạy học cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp. Hoạt động dạy - học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của học phần; trong đó chú trọng đến phần tự học, nội dung và thời gian chuẩn bị của sinh viên trước khi lên lớp [[H2.02.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.07/) Nhà trường cũng đã ban hành các quy định đánh giá cho CTĐT tiếp cận CDIO nhằm phát triển năng lực của người học, bao gồm đánh giá quá trình (thái độ, chuyên cần, hồ sơ môn học, đánh giá giữa kỳ), đánh giá cuối kỳ (tự luận, trắc nghiệm, thực hành, kết hợp tự luận và thực hành, đồ án môn học) [[H2.02.02.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.08/) Năm 2021, sau 01 chu trình triển khai các CTĐT theo tiếp cận CDIO, các giảng viên đã tiến hành đối chiếu, rà soát lại các nội dung trong Đề cương học phần nhằm tương thích với sự phân nhiệm của CĐR đối với học phần, góp phần đáp ứng CĐR của CTĐT. Một số học phần được điều chỉnh số tín chỉ, phân nhiệm CĐR cho phù hợp hơn với CTĐT sau rà soát, điều chỉnh (áp dụng từ khóa đào tạo thứ 62) [[H2.02.02.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.2/H2.02.02.09/) Có thể thấy rõ sự điều chỉnh, cập nhật đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPVL qua bảng sau đây:

*Bảng 2.2.1: So sánh đề cương học phần của khóa 57, 58 và 61 ngành SPVL*

| **Đặc điểm** | **Khóa 58, 59**  **2017** | **Khóa 60, 61**  **2019** | **Khóa 62, 63**  **2021** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Cấu trúc | 9 mục | 9 mục | 9 mục |
| 2. Mục tiêu học phần | Gắn với khả năng đáp ứng CĐR CTĐT, thang đo năng lực | Gắn với khả năng đáp ứng CĐR CTĐT, thang đo năng lực | Gắn với kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được; thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên |
| 3. CĐR học phần | Phát biểu CĐR, tương quan mức độ dạy học ITU, thang đo năng lực | Phát biểu CĐR, tương quan mức độ dạy học ITU, thang đo năng lực | Thể hiện sự đóng góp của môn học để đạt được CĐR CTĐT; |
| 4. Đánh giá học phần | Đánh giá quá trình 30%  Đánh giá tổng kết 70% | Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-test online), hồ sơ học phần (20%), cuối kỳ (50%) | Đánh giá thường xuyên (30%), đánh giá giữa kỳ (20%) và cuối kỳ (50%);  Bộ tiêu chí đánh giá (Rubric) cho từng bài đánh giá. |
| 5. Kế hoạch giảng dạy | Nội dung buổi học, hoạt động dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CĐR | Nội dung, PPDH, Kiểm tra đánh giá | Nội dung buổi học, phương pháp dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CĐR |
| 6. Hướng dẫn tự học | Không | Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học | Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học |

*2. Điểm mạnh*

Tất cả đề cương chi tiết của học phần đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ và tường minh các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận liên quan đến đào tạo, cũng như các bên liên quan giám sát.

100% Đề cương học phần liên tục được thường xuyên cập nhật, bổ sung về nội dung và thay đổi về hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Bộ môn định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần để làm cơ sở cho các điều chỉnh | Khoa Vật lý | Khi có kế hoạch |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật đề cương học phần thường xuyên để phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT | Khoa Vật lý | Định kỳ |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)*

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành SPVL sau khi được Trường Đại học Vinh phê duyệt và ban hành được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa/Viện, công bố trên trang đăng ký học của SV, giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV [[H2.02.03.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.01/) Hàng năm, khi tiếp đón tân SV, Khoa Vật lý tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả [[H2.02.03.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.02/)

100% đề cương chi tiết của các học phần đều được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để cung cấp cho người học theo đúng quy định. Các thông tin liên quan đến Đề cương học phần đã được tích hợp và quản lý trên hệ thống quản lí học tập (LMS), nhằm chuyển tải đến người học một cách thuận tiện và chính xác nhất [H2.02.03.03]. Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được. CTĐT ngành SPVL tiếp cận CDIO dành một học phần Nhập môn ngành sư phạm với thời lượng 03 tín chỉ để giúp SV năm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT sư phạm, cấu trúc, logic và yêu cầu cần đạt của CTĐT. [[H2.02.03.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.05/)

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giáo viên, người học đã tốt nghiệp, ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT thông qua website của Nhà trường và Khoa [[H2.02.03.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%202/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%202.3/H2.02.03.05/) Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn Bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, Nhà trường chưa chú trọng đến việc truyền thông rộng rãi và hiệu quả các nội dung đổi mới trong từng Đề cương học phần đến các trường Phổ thông, ví dụ áp dụng các hình thức dạy học theo Đồ án/ Dự án, mô hình lớp học đảo ngược, dạy học kết hợp, vv

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT ngành SPVL và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của Nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*3. Điểm tồn tại*

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các đơn vị sử dụng lao động (các trường Phổ thông) còn chưa thật sự hiệu quả. Một số nội dung đổi mới trong CTĐT chưa được cập nhật và lan tỏa đến cộng đồng nhà tuyển dụng.

1. *Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động chuyên môn ở các trường Phổ thông nhằm truyền thông về CTĐT ngành SPVL  Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên là các giáo viên Vật lý ở trường Phổ thông để quảng bá và lan tỏa CTĐT | Khoa Vật lý  Khoa Vật lý | Năm 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT | Khoa Vật lý | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)*

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

*Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Bản mô tả CTĐT ngành SPVL đầy đủ các nội dung và thông tin, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT. Bản mô tả CTĐT được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển khoa học công nghệ của thế giới.

100% ĐCCT các học phần của CTĐT thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt mức độ đóng góp của HP vào việc đạt CĐR của CTĐT; tính kết nối các nội dung học phần với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR của học phần, để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR CTĐT mà sinh viên cần đạt được sau khi học xong học phần. Tất cả các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt các CĐR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của Nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Việc ban hành và cung cấp thông tin về bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên liên quan vẫn còn hạn chế; phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất.

**Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

**Mở đầu**

Chương trình dạy học (CTDH) ngành SPVL được thiết kế tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành SPVL trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CTDH ngành SPVL được tham khảo CTDH của các Trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

CTDH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách lôgic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ; các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành; học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo; các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp; Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Phương pháp dạy-học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Đồng thời, CTDH của ngành SPVL liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

CTDH ngành SPVL được Khoa Vật lý xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. CTDH ngành SPVL trong giai đoạn (2019-2024) được Nhà trường công bố trong các năm 2017, 2019 và 2021 sau khi xây dựng, điều chỉnh, và tiếp tục được cải tiến, hoàn thiện trong các đề tài CDIO cấp trường từ năm 2017, 2021, 2023, 2024 được hội đồng Khoa học đào tạo nghiệm thu trước khi công bố hoặc sau khi hoàn thành đề tài [[H1.03.01.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.01/). Từ năm 2016 Trường Đại học Vinh đã triển khai xây dựng CĐR và CTDH tiếp cận CDIO và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có ngành SPVL từ K58 tuyển sinh năm 2017 trên cơ sở mục tiêu và CĐR, và quy trình hướng dẫn về thiết kế CTDH tương thích với CĐR [[H3.03.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.02/) CTDH bao gồm PLO, khung CTDH, ma trận phân nhiệm các PLO cho các học phần, sơ đồ mô tả cấu trúc và trình tự các học phần, đề cương học phần. Chương trình dạy học được thiết kế theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB. Theo đó, mô hình tương thích kiến tạo (CAM - Constructive Alignment Model) dựa trên thuyết kiến tạo (Constructivism) và mô hình tương thích (Alignment Model). Theo mô hình này, CTDH được thiết kế nhằm đảm bảo sự tương thích giữa CĐR, PPDH và Kiểm tra đánh giá tương ứng với 3 cấp độ từ cơ bản đến nâng cao (Hình 3.1.1). CTDH ngành SPVL của Trường Đại học Vinh được thiết kế theo mô hình tương thích kiến tạo ở cấp độ cao, tương ứng với CĐR ở mức năng lực cao; PPDH chủ động, độc lập nghiên cứu; hoạt động kiểm tra đánh giá hướng tới các sản phẩm có tính sáng tạo. Để đảm bảo tính tương thích này, Nhà trường chú trọng việc triển khai các hình thức dạy học tích cực, trọng tâm là dạy học dự án (Project Based Learning- PBL), với trọng số tối thiểu 25% tổng số tín chỉ trong toàn CTDH. Quy trình thiết kế CTDH của Nhà trường là quy trình thiết kế ngược; Mô hình tổ chức dạy học của Nhà trường được hướng tới là mô hình *Mô hình CFB* (**C**DIO-**F**lipped- **B**lended Learning).

**A diagram of a diagram

Description automatically generated**

*Hình 3.1.1. Mô hình CAM trong phát triển CTDH*

- *Quy trình thiết kế ngược*: quy trình thiết kế CTDH ngành SPVL được xuất phát từ PLO, từ đó triển khai thiết kế theo tuần tự: *Khung CTDH; Phân nhiệm các PLO cho các học phần*; *CĐR học phần* (CLO); *Bài đánh giá theo ma trận các CLO; Kế hoạch dạy học* (Hình 3.1.2).

**Kế hoạch dạy học**

**Bài đánh giá theo ma trận CLO**

**CLO**

**Phân nhiệm PLO/HP**

**Khung CTDH**

**CĐR CTĐT (PLO)**

*Hình 3.1.2. Quy trình thiết kế ngược đối với CTDH*

- *Mô hình CFB* (**C**DIO-**F**lipped- **B**lended Learning) là mô hình tích hợp giữa các mô hình: CDIO, dạy học đảo ngược (Flipped Learning) và dạy học kết hợp (Blended Learning).

Việc thiết kế CTDH ngành SPVL được thực hiện theo quy trình do Nhà trường ban hành bao gồm 7 bước, trong đó các bước 1,2 và 5 thể hiện rõ CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: (1)Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CĐR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....); (2) Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1; (3)Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; (4) Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất; (5) Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (6) Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (7) Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT [[H3.03.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.03/)

Các phiên bản của CTDH ngành SPVL có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành SPVL, trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, và rèn luyện NVSP: thực tập sư phạm. Cụ thể:

*Bảng 3.1. Tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần* *bắt buộc,   
tự chọn trong cấu trúc CTĐH năm 2021*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ bắt buộc** | **Số tín chỉ tự chọn** | **Tổng số tín chỉ** | **Tỉ lệ (%)** |
| 1 | Khối kiến thức đại cương | 35 | 00 | 35 | 28,0 |
| 2 | Khối kiến thức cơ sở ngành | 53 | 03 | 56 | 44.8 |
| 3 | Khối kiến thức chuyên ngành | 25 | 03 | 28 | 22.4 |
| 4 | Thực tập sư phạm | 8 | 00 | 8 | 4.8 |
| **Tổng** | | **120** | **6** | **126** | **100** |

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành SPVL đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Điều này được thể hiện rõ ở bảng phân nhiệm PLO của CTĐT cho các học phần.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trên cơ sở CTĐT được phê duyệt, CTDH của các học phần được triển khai với nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, góp phần đạt CĐR [[H3.03.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.04/)]. Nhà trường đã tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường các năm 2017, 2018 và 2019 nhằm mục đích đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH ngành SPVL. Theo đó, các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. [[H3.03.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.05/) Trên tinh thần đó, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng theo hướng dạy học khám phá, hoạt động hóa người học, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm…. Kiểm tra, đánh giá phối hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, bài kiểm tra, đồ án học tập…, đồng thời có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập. Việc kiểm tra đánh giá học phần đào tạo được quy định một cách rõ ràng, CTDH được thường xuyên điều chỉnh phù hợp hơn thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ người học[. [H3.03.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.06/) Các phương pháp dạy học ngành SPVL được xây dựng phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện rõ trong các Ma trận phương pháp dạy học và CĐR [[H3.03.01.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.1/H3.03.01.07/)

*Bảng 3.1.4. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động dạy học*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động dạy học** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Thuyết trình | X | X | X | X | X |  |  |  |  |
| Vấn đáp | X |  | X | X | X |  |  |  |  |
| Dạy học giải quyết vấn đề | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Tự học | X | X | X | X | X |  |  | X | X |
| Thảo luận | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Thực hành |  |  | X | X | X | X | X | X | X |
| Hoạt động nhóm | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Dạy học khám phá |  | X |  | X | X | X | X | X | X |
| Dạy học dự án |  | X | X | X | X | X | X | X | X |

*2. Điểm mạnh*

Khoa đã triển khai xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm một cách khoa học và hệ thống theo tiếp cận CDIO; đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ GD&ĐT.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH được điều chỉnh, cập nhật liên tục, góp phần đạt được CĐR đã công bố.

*3. Điểm tồn tại*

CTDH ngành SPVL thiết kế các hoạt động gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của các đơn vị khi tham gia trong CTDH chưa được nhiều.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Trung tâm DV, HTSV&QHDN ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động tham gia vào CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR. | Khoa Vật lý | Thường xuyên |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố. | Khoa Vật lý | Năm 2025 |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

*Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng*

*1. Mô tả hiện trạng*

100% các môn học/học phần trong CTDH ngành SPVL có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Với tổng số 126 tín chỉ tích lũy của CTĐT, các học phần được phân nhiệm góp phần vào các chủ đề của CĐR: (1) *Về kiến thức và lập luận ngành*, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh,...), kiến thức tâm lý học và sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp (Nhập môn ngành Sư phạm, Tâm lý học, Giáo dục học,...). Bên cạnh đó các học phần như Vật lý đại cương, cơ học, nhiệt học v.v.. giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành gắn liền với hoạt động nghề nghiệp. *(2) Về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp,* SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục dục. Bên cạnh đó, các học phần giúp sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng (Phương pháp dạy học vật lý, Kiểm tra đánh giá trong dạy học vật lý, vv*).* (3) *Về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, các học phần về dạy học dự án* giúp sinh viên triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ. (4) *Về năng lực hình thành ý tưởng thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình* môn Vật lý, các học phần *Nhập môn ngành Sư phạm*, *Lý luận và PPDH vật lý, Kiểm tra đánh giá trong dạy học vật lý, Phân tích chương trình môn Vật lý,...* yêu cầu sinh viên cóhiểu biết bối cảnh xã hội và ngành giáo dục; xác định nhu cầu và mục tiêu dạy học, phác thảo quy trình dạy học, các hoạt động giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh; Kỹ năng Thiết kế chương trình bao gồm xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, xây dựng lịch trình dạy học. Các học phần kiến *Thực tập sư phạm và đồ án tốt nghiệp* giúp sinh viên triển khai kế hoạch dạy học; giám sát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động dạy học, xử lý các tình huống sư phạm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các tình huống sư phạm, phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kĩ năng, năng lực và thái độ cho người học sau khi hoàn thành chương trình [[H3.03.02.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.01/) Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học – CĐR mục tiêu, CĐR. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm PLO-CLO trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [[H3.03.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.02/)] và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đặc biệt từ phía nhà tuyển dụng lao động, cựu người học) cho nội dung các học phần/môn học trong CTDH[[H3.03.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.03/)].

100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Trong CTDH ngành SPVL, Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. [[H3.03.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.04/)]. Các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ năng lực), trong đó, các học phần đại cương làm cơ sở, hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành; các học phần tiên quyết được phân nhiệm giới thiệu cho các học phần kế tiếp. Nhìn chung, CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì [[H3.03.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.05/)]. Để đánh giá người học đạt được CĐR của mỗi học phần, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, dự án học tập, kiểm tra thường kỳ…) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học [[H3.03.02.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.06/)

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan [[H3.03.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.07/) Trên cơ sở kết quả phản hồi, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/ đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất. [[H3.03.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.08/)]. Hiện nay, CTĐT của ngành SPVL đã được trường ĐHV công bố công khai trên trang web của trường, tài liệu quảng bá chương trình tuyển sinh. [[H3.03.02.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.2/H3.03.02.09/)]. Như vậy, Sau khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh cũng như có lòng yêu nghề, kĩ năng giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh.

*2. Điểm mạnh*

Tất cả các học phần được thiết kế trong CTĐT ngành SPVL tương thích về nội dung, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR, được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Đóng góp của mỗi học phần được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học-CĐR và phân nhiệm ma trận PLO-CLO. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy-học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

*3. Điểm tồn tại*

Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với học phần chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên thực hiện một cách chủ động và thực chất. Hiện nay, việc phản hồi của người học đối với học phần đang được thực hiện đồng bộ trong toàn trường. Do đó, thông tin thu thập được chưa phản ánh sát với chuyên môn, phù hợp với đặc thù của CTĐT ngành SPVL.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Khoa/ bộ môn/ Giảng viên chủ động lập kế hoạch lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học đối với CTDH của học phần | Nhà trường/ Khoa Vật lý  Khoa Vật lý | Năm 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tối ưu hóa các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong CTDH các học phần nhằm hướng đến sự phát triển năng lực cho người học, đáp ứng CĐR của CTĐT | Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

*1. Mô tả hiện trạng*

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.01]. Căn cứ theo văn bản hướng dẫn của trường Đại học Vinh đã ban hành, CTDH ngành SPVL hiện nay được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng, nội dung, CĐR của CTĐT tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [[H3.03.03.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.02/) Cấu trúc CTDH thể hiện được các học phần khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỉ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỉ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Theo cách thức tiếp cận này, tổng số tín chỉ của CTĐT ngành SPVL là 126 tín chỉ, trong đó có 08 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành chiếm 72.8%, kiến thức chuyên ngành chiếm 27.2% khối lượng chương trình. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. CTDH ngành SPVL được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 4 năm, 8 học kỳ [[H3.03.03.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.03/)

*Bảng 3.3.1. Cấu trúc chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh**năm 2021*

Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH và CĐR của CTĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các mô-đun** | | **Số TC** | **Phần trăm** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| GDDC |  |  | 16,7% | *√* |  |  |  | *√* | *√* | *√* |  |  |
|  |  | 19,8% |  | *√* |  |  | *√* | *√* | *√* |  |  |
| Giáo dục chuyên nghiệp |  |  | 27,8% | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* |  |  |
|  |  | 29,3% |  |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
|  |  | 6,4% |  |  |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| **Tổng** | | **126** | **100%** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lí (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Các học phần kiến thức đại cương được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTDH quy định rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. [[H3.03.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.01/)]. Đối với một số học phần chuyên ngành, sinh viên được yêu cầu tham gia trực tiếp tại các lớp học của Trường THPT Chuyên Đại học Vinh. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành SPVL.

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần và có tham khảo các CTĐT trong và ngoài nước. Sau mỗi học kỳ, trên cơ sở ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan khác, [[H3.03.03.04],](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.03/) giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát CTDH của học phần để điều chỉnh, bổ sung và cập nhật, ví dụ cân nhắc bổ sung/ giảm bớt CĐR phân nhiệm cho học phần để tăng tính hợp lý; thay đổi trình tự phân bố các học phần theo học kỳ để tăng mức độ gắn kết và liền mạch. Một số giảng viên trong khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành[. [H3.03.03.05];](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.05/) Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu mới của xã hội về chất lượng đào tạo giáo viên, Khoa luôn chú ý tổ chức các buổi seminar khoa học cung cấp thêm cho người học những thông tin về sự thay đổi của ngành SPVL. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành SPVL, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. [[H3.03.03.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.06/)

CTDH được xây dựng theo CĐR theo tiếp cận CDIO, có tham khảo CTĐT của các trường có kinh nghiệm đào tạo giáo viên Vật lý trong cả nước (như Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Đà nẵng, v.v..) [[H3.03.03.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%203/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%203.3/H3.03.03.07/) CTDH được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm với 8 học kì, khối lượng là 126 tín chỉ, trung bình 15,75 tín chỉ/1 học kỳ. Tuy nhiên, với quy định sinh viên được lựa chọn xây dựng thời khóa biểu cá nhân tối thiểu 14 tín chỉ/1 học kỳ và tối đa 30 tín chỉ/1 học kỳ đã phát huy tính linh hoạt của chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, giúp sinh viên chủ động trong xây dựng chương trình học của mình và có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong 6 học kỳ. Ngoài ra, chương trình có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo. Mỗi học kì sinh viên có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành ví dụ kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm được bố trí trong nhiều khối kiến thức và trong một số học phần như *Cơ học, Điện từ học, Quang học, Nhập môn sư phạm, ICT trong giáo dục.*.. Nói cách khác, nhiều học phần được thiết kế nhằm đóng góp cho 01 CĐR của CTĐT. Nội dung chủ đề trong CTDH các học phần được cập nhật, có tính linh hoạt và tích hợp cao. Bên cạnh các sách in có bản quyền, sinh viên còn được giới thiệu các giáo trình môn học bằng tiếng anh để tăng thời gian tự học của người học. Giảng viên được cung cấp các phần mềm hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá học phần theo hướng tích hợp và hiện đại.

*2. Điểm mạnh*

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành SPVL có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, phù hợp với quy định của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

CTDH ngành SPVL được xây dựng theo tiếp cận CDIO và có tham khảo các CTĐT ngành SPVL của một số trường Đại học trong nước và quốc tế và được định kỳ rà soát ít nhất 02 năm/ lần. Trong đó, thời lượng dành cho các hoạt động liên quan đến trải nghiệm, thực hành kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng CĐR của CTĐT đã được tăng thêm và tích hợp trong CTDH của ngành.

*3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với học phần nhằm tạo cơ sở cho hoạt động rà soát định kỳ CTDH chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên thực hiện một cách chủ động và thường xuyên.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Khoa/ bộ môn/ Giảng viên chủ động lập kế hoạch lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học đối với CTDH của học phần | Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Thường xuyên cập nhật CTDH theo hướng tích hợp và linh hoạt | Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 3

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Điểm mạnh của CTDH ngành SPVL là tính logic, cập nhật, tích hợp và đáp ứng CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp, bổ trợ cho nhau nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ đại cương đến chuyên ngành và thuận tiện cho việc lựa chọn đăng ký học. Đồng thời, CTDH được thường xuyên cập nhật và rà soát, nhằm phát triển năng lực gắn với nghề nghiệp cho SV ngành SPVL.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Điểm tồn tại của CTDH ngành SPVL xuất phát từ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên chủ động tiến hành đồng bộ và thường xuyên, mà còn phụ thuộc vào kế hoạch chung của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

**Mở đầu**

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng CĐR đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Tương tự như các chương trình khác, CTDH ngành SPVL được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại, bám sát mục tiêu đào tạo CĐR của chương trình, đáp ứng yêu cầu xã hội. Kể từ năm học 2017-2018, Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành SPVL tiếp tục phát huy các phương pháp tiếp cận tích cực trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực người học, nhấn mạnh các CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình môn Vật lý ở trường phổ thông.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

*1. Mô tả hiện trạng*

Triết lý giáo dục được Nhà trường xây dựng và ban hành chính thức qua Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 theo Nghị quyết của Hội đồng Trường số 18/NQ-HĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022, với triết lý giáo dục được giữ nguyên [[H4.04.01.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.01/) Nội dung của Triết lý giáo dục là “**Hợp tác - sáng tạo**” được diễn giải cụ thể như sau:

Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn.

Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm”.

Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và thực hiện. Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử và Báo cáo thường niên các năm của Nhà trường [[H4.04.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.02/) Trong quá trình xây dựng, rà soát, triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục đã được lấy ý kiến cán bộ, giảng viên và người học. Thông qua các kỳ họp khai giảng, tổng kết, mục tiêu giáo dục cũng được công bố [[H4.04.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.03/) Trong biên soạn chương trình, Khoa Vật lý đã thành lập Ban xây dựng và phát triển CTĐT theo CIDO cấp khoa, đồng thời đã xây dựng mục tiêu giáo dục và CĐR về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Từ tuyên bố mục tiêu của Trường đến chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPVL đã được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV và các nhà tuyển dụng [[H4.04.01.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.04/)

*Bảng 4.1.1: Triết lý giáo dục được chuyển tải vào chương trình dạy học*

|  |  |
| --- | --- |
| **Triết lý giáo dục** | **Nội dung chuyển tải vào chương trình dạy học** |
| **Hợp tác** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác, giao tiếp, trách nhiệm với bản thân và trách nhiệm với xã hội, từ đó triển khai vào hoạt động dạy học cho các học phần (đặc biệt là các học phần dạy học dự án - Project Based Learning) |
| **Sáng tạo** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tri thức, thích ứng với sự thay đổi và hướng tới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, “Sáng tạo” còn yêu cầu một số CĐR cần hướng tới mức độ nhận thức cao nhất (mức 5 - sáng tạo) trong thang đo CĐR. Ưu tiên việc chuyển tải triết lý “Sáng tạo” vào các học phần dạy học dự án |

+ “*Hợp tác - Sáng tạo*” chuyển tải vào chu trình dạy học CDIO (Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành) về kiến tạo “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” của ngành đào tạo. Tất cả các CTĐT đều có PLO gắn với chu trình dạy học CDIO. Tùy thuộc vào đặc điểm ngành học và học phần, giảng viên lựa chọn “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” cụ thể để thiết kế hoạt động dạy học theo chu trình CDIO có thể được thiết kế theo chuỗi các học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp CTĐT) hoặc chuỗi các hoạt động trong phạm vi một học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp học phần).Trên cơ sở Triết lý giáo dục của Nhà trường và Triết lý CDIO, giảng viên thiết kế các CLO và thể hiện vào đề cương học phần. Triết lý giáo dục giúp Khoa thiết kế CTDH và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với CTDH để đạt CĐR, Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của Khoa và được thể hiện trong CĐR chương trình đào tạo tiếp cận CDIO thể hiện rõ trong mục tiêu, CĐR và đề cương chi tiết học phần. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành SPVLvà triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, CĐR của ngành SPVL đặt ra là người học cần đạt được các yêu cầu của CĐR CTĐT [[H4.04.01.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.04/)

*Đối với sinh viên*: Ngay từ khi sinh viên nhập học, Triết lý giáo dục được phổ biến tới sinh viên trong buổi lễ Khai giảng đón chào tân sinh viên, nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. Ngoài ra, Khoa cũng tổ chức buổi gặp gỡ và giao lưu giữa tân sinh viên của Khoa cùng với BCN Khoa nhằm cung cấp các thông tin về CTĐT, phương pháp học tập, các hình thức kiểm tra đánh giá, giới thiệu các Câu lạc bộ học thuật hiện có của Nhà trường, của Khoa các hoạt động hướng nghiệp,…giúp các sinh viên hiểu rõ hơn về Khoa, về ngành và tiềm năng ngành học mà mình đã chọn để gắn bó nghề nghiệp trong tương lai và về phương pháp học tập chủ động trong quá trình học tập tại Trường.

*Đối với nhà tuyển dụng*: Các nhà tuyển dụng được phổ biến triết lý giáo dục trong các buổi Hội thảo, họp Hội đồng khoa học góp ý về chương trình đào tạo.

*Đối với xã hội*: Triết lý giáo dục của Nhà trường được công khai trên Website; mục tiêu đào tạo và CĐR CTĐT của Khoa được công khai trên website của Trường và qua fanpage của Khoa. Để truyền tải triết lý giáo dục tới toàn xã hội, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành SPVL được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội đảm bảo phù hợp với phương thức đào tạo, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình, đồng thời tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành SPVL, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá sinh viên, mức độ kiến thức sinh viên cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương học phần [[H4.04.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.05/)

*Bảng 4.1.2. Chuyển tải triết lý giáo dục vào các bên liên quan của ngành* SPVL

| **Triết lý giáo dục** | **Bên liên quan** | **Các hoạt động** |
| --- | --- | --- |
| **Hợp tác** | Giảng viên | - Hợp tác trong các hoạt động seminar như chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, phương pháp giảng dạy và đánh giá người học.  - Hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và động phục vụ cộng đồng |
| Người học | - Hợp tác trong các hoạt động học tập như thảo luận, hoạt động nhóm.  - Hợp tác trong các hoạt động của lớp học.  - Hợp tác trong các hoạt động phục vụ cộng đồng |
| Cựu người học | - Hợp tác trong việc khảo sát thông tin việc làm và chương trình đào tạo.  - Hợp tác trao đổi chuyên môn, hỗ trợ sinh viên các trong các hoạt động thực tập. |
| Doanh nghiệp | - Hợp tác trong đào tạo như gửi sinh viên thực tập, khảo sát chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo.  - Hợp tác hỗ trợ các hoạt động của ngành *ngành* SPVL |
| **Sáng tạo** | Giảng viên,  Sinh viên | - Sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp.  - Sáng tạo trong các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.  - Sáng tạo trong quá trình "*Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành*" các sản phẩm trong việc thực hiện đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp. |

Hằng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đang học tập tại trường và cả người học đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy các hoạt động của Nhà trường, Nhà trường tiến hành việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục nhằm đo lường mức độ hài lòng. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành SPVL được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lí thông tin từ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy triết lý giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [[H4.04.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.06/)

Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục Nhà trường được giới thiệu, phổ biến tới các bên liên quan, đăng công khai trên website của Nhà trường, và nhiều hình thức như tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên. Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [[H4.04.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.05/) Đối với SV, ngay từ năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu khóa dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành SPVL cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội SV cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của họ trong quá trình học tập [[H4.04.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.05/) Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Văn bản tuyên bố chính thức về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường để các bên liên quan có thể tiếp cận. Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng [[H4.04.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.1/H4.04.01.06/)]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa, các nhà tuyển dụng; tất cả cán bộ và nhân viên của Trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

*2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

*3. Điểm tồn tại*

Việc công bố CTĐT chỉ được công bố cho các nhà tuyển dụng ở một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, chưa công bố đến đông đảo các nhà tuyển dụng ở các khu vực khác. Nguyên nhân chính là do công tác quảng bá, truyền thông về mục tiêu giáo dục của ngành và Nhà trường chưa rộng rãi tới các đơn vị tuyển dụng.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Đa dạng hóa kênh truyền thông và hình thức quảng bá như mạng xã hội, bộ nhận diện thương hiệu, v.v.. để phổ biến và thu thập ý kiến về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường, CTĐT ngành SPVL trên cả nước. | - Phòng Đào tạo  - Ban truyền thông  - Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tăng cường hoạt động và gắn kết của Ban liên lạc cựu SV Khoa Vật lý nhằm phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan để hiểu rõ triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh, của Khoa Vật lý và ngành SPVL.  - Trường/Khoa tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương hơn để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của ngành. | Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong các phiên bản của Chương trình SPVL, hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đã được thiết kế xây dựng đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Cùng với điều chỉnh CTĐT, Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định về CTĐT hướng dẫn thực hiện kèm theo [[H4.04.02.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.01/) Các CTDH và phương pháp giảng dạy đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần của các khóa K56 (đào tạo theo hệ thống tín chỉ), K57 (đào tạo theo nhóm ngành), K58 trở đi (đào tạo theo tiếp cận CDIO) [[H4.04.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.02/)]. Hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra [[H4.04.02.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.03/) Từ năm 2017, CTĐT ngành SPVL được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành, theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHV ngày 08/3/2016 của Nhà trường [[H4.04.02.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.03/) Theo đó, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPVL chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kĩ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn từ thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp [[H4.04.02.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.04/) Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực, GV các Bộ môn ngành SPVL đã xây dựng và triển khai các hình thức, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học khám phá, dạy học theo Dự án/ đồ án, phương pháp động não (Brainstorming), lớp học đảo ngược (Flipped Classroom). Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [[H4.04.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.05/) Bên cạnh đó, người học còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập LMS. Trong tình hình dịch bệnh, dựa trên công văn, kế hoạch của Nhà trường về việc tổ chức giảng dạy học tập trực tuyến trong thời gian dãn cách do Covid 19, các bộ môn và GV cũng đã điều chỉnh phương pháp dạy - học nhằm phù hợp với hoàn cảnh [[H4.04.02.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.06/)

Khoa Vật lý và các giảng viên đã hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức để đạt được chuẩn đầu ra. Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập trải nghiệm đa dạng, giúp SV đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia câu lạc bộ Tiếng anh, câu lạc bộ thiết bị tự làm, câu lạc bộ STEM,… [[H4.04.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.07/) Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 5 tín chỉ. SV được cử đến các cơ sở rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tại các trường phổ thông. Trường đã xây dựng một trường thực hành sư phạm và mạng lưới trường vệ tinh để sử dụng làm môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Việc thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của SV ngành SPVL tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. Kết thúc mỗi đợt thực tế phổ thông, thực tập sư phạm, đều có các báo cáo tổng kết về hoạt động này nhằm đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế, từ đó đưa ra những đề xuất/giải pháp để cải tiến, nâng cao hiệu quả của hoạt động, đáp ứng tốt hơn chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPVL [[H4.04.02.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.08/) Hằng năm, vào tháng 11 Trường Đại học Vinh tổ chức tháng “Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm” cho các Khoa/Viện đào tạo sư phạm và hội thi: “Nghiệp vụ Sư phạm”, nhằm rèn luyện kĩ năng nghiệp nghiệp cho SV ngành SPVL nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai, góp phần điều chỉnh nội dung, chương trình và PPDH; bổ sung những kĩ năng nghiệp vụ cần trang bị cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bản báo cáo kết quả của hội thi đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế trong từng ngành, từ đó đưa ra được những đề xuất để cải tiến cho giảng viên và SV như Báo cáo tổng kết tháng Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm, Hội thi “Nghiệp vụ Sư phạm” [[H4.04.02.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.09/) Giảng viên của ngành SPVL tham gia chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp nhà nước, cấp bộ, cấp trường, cấp khoa nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [[H4.04.02.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.10/) Trường Đại học Vinh và Khoa/Viện đã có những chỉ đạo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Hằng năm, GV của Khoa đã tham dự các khóa tập huấn về đổi mới giảng dạy tiếp cận CDIO, seminar trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy tiếp cận CDIO, tổ chức các hoạt động thăm lớp dự giờ, và tham gia Hội thi giảng viên giỏi toàn Trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy. Năm 2019, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO trong đó đã chỉ ra những tồn tại, thách thức cũng như những điều chỉnh cần thiết khi triển khai CDIO cho những học phần tiếp theo [[H4.04.02.11].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.11/)

Giảng viên, Người học hài lòng với các hoạt động dạy và học, và các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT. PPDH, hình thức, tài liệu, tác phong … của giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng việc qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường. Ngoài ra, Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của sinh viên và GV về các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy hầu hết các sinh viên hài lòng với PPDH được sử dụng trong CTĐT [[H4.04.02.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.2/H4.04.02.12/)

*2. Điểm mạnh*

Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt. CTĐT chú trọng đến hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế chuyên môn. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV. Sinh viên thể hiện sự hài lòng cao với các PPGD của GV.

*3. Điểm tồn tại*

Một bộ phận người học vẫn chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học và tự nghiên cứu.

Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực, dạy học theo dự án.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Ứng dụng CNTT để tăng cường giám sát và thúc đẩy việc tự học và tự nghiên cứu của người học  - Tăng cường các sinh hoạt học thuật, các seminar về phương pháp giảng dạy chú trọng đến các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực, giảng dạy theo dự án ... | - Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp dạy học tích cực ở tất cả các môn học để SV phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPVL | Khoa Vật lý | Thường xuyên |

1. *Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

100% Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành SPVL mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. CĐR của CTĐT ngành SPVL đã xác định: *SV có khả năng vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn Vật lý, giáo dục và nghiên cứu khoa học; vận dụng kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học môn Vật lý, giáo dục và nghiên cứu khoa học;* Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành SPVL [[H4.04.03.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.01/) thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học để rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT [[H4.04.03.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.02/) Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Mỗi đề cương chi tiết (ĐCCT) đều có mô tả rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CĐR. Những nội dung đánh giá kĩ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng. Bên cạnh đó, để nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường đã ban hành Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV, về việc Quy định chuẩn đầu ra kỹ năng mềm cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các kế hoạch, thông báo về tổ chức các lớp đào tạo kĩ năng mềm cho sinh viên [[H4.04.03.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.02/)

100% đề cương chi tiết các học phần trong CTDH ngành SPVL nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Thông tin liên quan đến học phần bao gồm số tín chỉ, loại học phần, quy định rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Do vậy, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng cũng được GV nhấn mạnh nhằm thúc đẩy hoạt động tự học của SV. Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, Elearning hoạt động giảng dạy và học tập trên các nền tảng của phần mềm Zoom, Microsoft Team đã mang lại những sự thay đổi đáng khích lệ, thích nghi được với tình hình diễn biến phức tạp trong thời gian từ 1/2020 đến 12/2021. Bài giảng được giảng viên thu âm và đưa lên hệ thống Elearning. Sinh viên tự chủ động học các bài giảng đã được đưa lên và có hệ thống ghi nhận, đánh giá quá trình tự học này, từ đó tăng tính chủ động tự giác trong hoạt động học tập của sinh viên. Việc kết hợp hình thức học trực tuyến và trực tiếp được kết hợp linh hoạt từ đó luôn đảm bảo được tiến độ và chất lượng của hoạt động dạy và học của giảng viên, sinh viên [[H4.04.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.03/)]. Ngoài ra, Đồ án tốt nghiệp là phần rất quan trọng để sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tế. Điều này đã khuyến khích và thúc đẩy người học tính tự tìm tòi và nghiên cứu tài liệu, kỹ năng trao đổi và giải quyết các vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tự học để người học có thể học tập suốt đời. Quá trình làm đồ án cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, trong đó có việc thúc đẩy khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới, khả năng vận dụng kiến thức và đặc biệt là khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác. [[H4.04.03.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.04/)

GV giảng dạy các học phần trong CTDH ngành SPVL sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. SV được khuyến khích tham gia vào các hoạt động thảo luận, trao đổi, thuyết trình về một nội dung chủ đề trong học phần. SV phải hình thành được khả năng tự nghiên cứu, tự học để hoàn thành nội dung giáo viên yêu cầu. Đồng thời, SV cũng được khuyến khích tham gia NCKH, seminar, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với GV. Khoa Vật lý cũng tổ chức các chương trình trong các năm học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng tự học của SV như các Hội nghị Học tốt nhằm giới thiệu phương pháp học tập cho SV, tổ chức *Ngày hội việc làm cho SV*, v.v.. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Nhà trường và Khoa tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học và giao lưu khoa học [[H4.04.03.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.05/)

Ngoài ra, Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website Nhà trường, thư viện trường, qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV, tạo thói quen, nhu cầu tự học [H4.04.03.06]. Để chuẩn bị hành trang vững chắc cho SV ngành sư phạm khi tốt nghiệp, hằng năm, Nhà trường, Khoa/Viện tổ chức hội thi “Nghiệp vụ sư phạm”, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, Thực tập sư phạm cho sinh viên ngành SPVL [[H4.04.03.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.05/) Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV cuối khóa, triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công và lấy kiến của các nhà tuyển dụng lao động giúp Nhà trường, Khoa Vật lý, ngành SPVL có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, để tăng cường hơn nữa quá trình thực hiện các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, trường Đại học Vinh ban hành các thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học về CTĐT ngành SPVL, bao gồm cả các hoạt động dạy học rèn luyện kỹ năng, thúc đẩy khả năng tự học của người học đáp ứng CĐR của CTĐT. [[H4.04.03.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%204/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%204.3/H4.04.03.07/)

*2. Điểm mạnh*

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành SPVL đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kĩ năng thiết yếu, kỹ năng mềm giúp SV hình thành năng lực tự học và tự chủ, năng lực nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong học tập, trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai.

100% đề cương chi tiết các học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa đã giúp cho SV có thói quen độc lập suy nghĩ, tự giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

*3. Điểm tồn tại*

Một số sinh viên còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học với GV.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | - Tổ chức thêm các seminar, các hoạt động ngoại khóa cho SV;  - GV cùng SV tham gia nghiên cứu để hướng dẫn, giám sát và thúc đẩy năng lực tự học của SV;  -Giám sát chặt chẽ hơn hoạt động tự học của SV. | Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp dạy học tích cực để SV phát huy năng lực tự học và tự chủ, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPVL | Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Điểm mạnh nổi bật là phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành SPVL được lựa chọn phù hợp với triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt và phù hợp với từng học phần và CĐR của CTĐT được phân nhiệm cho từng học phần như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV đạt được CĐR của CTĐT và có khả năng tự học tập suốt đời.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Điểm tồn tại cơ bản liên quan đến việc xây dựng cơ chế, mô hình kiểm soát việc tự học của SV. Mặc dù tất cả các học phần đều quy định thời gian tự học, tự nghiên cứu của SV, nhưng việc đánh giá kết quả tự học chưa đồng bộ và thống nhất.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

**Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành SPVL tại Khoa Vật lý được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH [[H5.05.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.01/)], Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy định đào tạo đại học chính quy các ngành, trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá cũng như quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.03/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.04/)]; Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [[H5.05.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.06/)]. Theo đó, Trung tâm ĐBCL là đơn vị quản lý nhập điểm và dữ liệu kết quả điểm của SV, học viên trên hệ thống phần mềm quản lý điểm, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xử lý kết quả do trung tâm ĐBCL cung cấp, trong khi các khoa chủ quản chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý kết quả học tập của SV, học viên [[H5.05.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.07/)]. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi học phần và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm ĐBCL gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần bổ sung câu hỏi và rà soát ngân hàng đề thi cũ [[H5.05.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.08/)]. Trong thời gian quy định, các GV phụ trách học phần nộp lại bộ đề thi bổ sung, chỉnh sửa cho Trưởng Bộ môn. Khi đã có đủ số lượng câu hỏi thi trong ngân hàng đề thi, Trung tâm ĐBCL tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Theo quy định, GV phụ trách học phần phải hoàn thành điểm chuyên cần, giữa kỳ và chuyển cho bộ phận văn phòng vào điểm. Kết quả học tập của người học được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá SV.

Từ Khóa đào tạo thứ 58 (năm 2017), Trường Đại học Vinh bắt đầu triển khai chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Để thống nhất thực hiện, trường đã kịp thời ban hành quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Theo đó việc kiểm tra đánh giá của HP trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, đánh giá kết quả học tập của người học theo quy định tại:

CTĐT từ năm 2017 đến 2020 trở, áp dụng từ khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) đến khóa tuyển sinh 61 (tuyển sinh năm 2020) (Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.02/)];

Đối với khóa tuyển sinh 62 (tuyển sinh năm 2021), đánh giá kết quả học tập của người học được bổ sung thêm theo quy định tại (Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.04/)].

Từ năm 2024, đánh giá và kết quả học tập trong đào tạo đình độ đại học hệ chính quy được thực hiện theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)]. Theo đó, kết quả học tập của người học được đo lường, đánh giá mức độ đạt được theo chuẩn đầu ra, ngoài điểm số còn có điểm năng lực; trong đó điểm năng lực của chuẩn đầu ra học phần, điểm năng lực của chuẩn đầu ra CTĐT được hướng dẫn cụ thể qua các công thức tính điểm.

Các quy định về đánh giá người học trong các học phần bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ (đánh giá kết thúc học phần). Trọng số điểm quá trình là 50%, điểm cuối kỳ là 50%. Những học phần có phương pháp đánh giá riêng phải được BGH phê duyệt. Đầu mỗi học kỳ, các thông tin về việc đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đều được GV thông báo trực tiếp và được Khoa, Trường công bố trên Website của Phòng Đào tạo, và được gửi trực tiếp đến từng sinh viên qua elearning của sinh viên. Đề cương môn học được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học [[H5.05.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.03/)]. Nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc bài tập lớn [H5.05.01.04]. Các GV phụ trách học phần có nhiệm vụ xây dựng bản đặc tả ma trận đề thi/ câu hỏi thi bám sát các mục tiêu học phần. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học ở mức độ nhận thức bậc thấp, đó là Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng (Theo Thang năng lực nhận thức của Bloom; đánh giá cuối kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học trên cả 5 mức: Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo. Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát CĐR của học phần sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTDH, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [[H5.05.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.05/)].

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được cụ thể hóa trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, Khoa Vật lý cũng đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm [[H5.05.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.09/)]. Đối với hoạt động thực tập sư phạm và xét tốt nghiệp, Trường Đại học Vinh và Khoa Vật lý cũng có các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp minh bạch, rõ ràng [[H5.05.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.1/H5.05.01.07/)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV. | Khoa Vật lý  Trung tâm ĐBCL | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Cập nhật, hoàn thiện các quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (theo CDIO), đa dạng hóa các hình thức đánh giá quá trình; sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá, thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhập, phù hợp với CĐR của CTĐT. | Khoa Vật lý | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành SPVL - Khoa vật lý được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học Bộ Giáo dục và Đào tạo [[H5.05.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.01/)] và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Trường Đại học Vinh trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường.

*Về thời gian:* Các hình thức kiểm tra đánh giá (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

*Về trọng số điểm:* Giai đoạn 2016-2017, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (20%) và thi cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường.

Từ năm học 2017-2018 (khóa 58), Nhà trường cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá ý thức học tập (gồm học tập chuyên cần và học tập tích cực trên lớp và ở nhà, chiếm 10%), hồ sơ học tập (gồm viết báo cáo, thuyết trình, bài thu hoạch, bài tập theo dự án, v.v… tùy theo đặc thù từng học phần, chiếm 20%), kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 lần theo hình thức trắc nghiệm trên máy đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống và kiểm tra 2 lần đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên, chiếm 20%) và thi kết thúc môn học (theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận, chiếm 50%) [[H5.05.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.02/)] [[H5.05.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.03/)] [[H5.05.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.04/)] [[H5.05.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.05/)].

Hiện nay, CTĐT năm 2023-2024 đánh giá người học theo Quyết định (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh [[H5.05.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.06/)]. Điểm cải tiến quan trọng nhất về đánh giá kết quả học tập của người học trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV so với các quy định trước đây là quy định đánh giá mức độ người học đạt được CĐR của học phần để từ đó tổng hợp mức độ người học đạt được CĐR cấp CTĐT dựa trên ma trận phân nhiệm trọng số của CĐR. Chi tiết về đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học được quy định tại (Chương II của Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh. Điểm khác biệt của năm 2023 so với các năm trước là không có quy định về trọng số các bài đánh giá trong điểm quá trình mà tùy thuộc vào số tín chỉ và mức độ đóng góp các bài đánh giá. Giảng viên xác định trọng số đóng góp các bài đánh giá trong điểm quá trình và được quy định trong đề cương học phần. Hoạt động thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được thiết kế thành học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp, có tối thiểu 8 tín chỉ và tối đa 12 tín chỉ, là một học phần bắt buộc đối với tất cả các CTĐT của Nhà trường. Điểm học phần thực tập nghiệp và đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của phần thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp với trọng số tương ứng theo số tín chỉ của phần thực tập nghiệp và số tín chỉ của phần đồ án tốt nghiệp. Trong đó, điểm của phần thực tập tốt nghiệp và phần đồ án tốt nghiệp đều phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) [[H5.05.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.04/)]. Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ công thông tin điện tử của Trường, Khoa và cổng thông cá nhân SV [[H5.05.02.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.02/) Trung tâm đảm bảo chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

*Về nội dung:* Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử phải đảm bảo đáp ứng CĐR, bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành SPVL đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [[H5.05.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.03/)].

*Về hình thức:* Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu.

*Về tiêu chí đánh giá:* Việc kiểm tra đánh giá ý thức học tập, hồ sơ học tập, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ đều có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng học phần [H5.05.02.04]; đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể; đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến SV theo đúng tiến độ và quy trình. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hằng năm [[H5.05.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.05/)

SV được cung cấp Cẩm nang SV từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra [[H5.05.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.06/)]. Nhà trường cũng tổ chức các chương trình gặp mặt, các lớp học chính trị đầu khoá cho tân SV để SV có cơ hội làm quen với môi trường mới [[H5.05.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.07/)]. Ngoài ra, SV ngành SPVL được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v… từ Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập của khoa [[H5.05.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.2/H5.05.02.08/)]. Các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

*2. Điểm mạnh*

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành SPVL là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trên trang web của Nhà trường và của Khoa, tuy nhiên việc truy cập vào website của người học chưa được thường xuyên, liên tục.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Khoa Vật lý tăng cường sử dụng website môn học và phần mềm quản lý người học (LMS) qua đó GV sẽ đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các bài tập hỗ trợ việc học tập để làm cơ sở kiểm tra đánh giá quá trình học tập, đồng thời giúp SV chủ động truy cập quy định và kế hoạch kiểm tra đánh giá. | Trung tâm CNTT  Trung tâm ĐBCL  Khoa Vật lý | Thường xuyên |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để SV phát huy năng lực; tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá. | Khoa Vật lý | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

### Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

*1. Mô tả hiện trạng*

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH Vinh. Theo đó các giảng viên đã sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học.

Căn cứ trên các quy chế, quy định về thi, kiểm tra của Bộ GD&ĐT [[H5.05.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.01/)]. Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy trình/quy định rõ ràng và các hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CĐR như:

Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.05/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.04/)]; Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [[H5.05.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.03/)]. Các văn bản này được Nhà trường công bố công khai, rộng rãi trên website và các kênh truyền thông của Nhà trường. Việc đánh giá sinh viên được Nhà trường thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, đánh giá qua quá trình học tập các học phần (do GV chịu trách nhiệm) cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học (do Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm) và thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xây dựng các kế hoạch về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên kèm các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.

Khoa Vật lý đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng GV trong các phiên họp Bộ môn. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [[H5.05.03.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.03/) Khoa Vật lý cũng yêu cầu đội ngũ GV, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HS-SV phải luôn bám sát quá trình học tập của SV. Đối với những SV thuộc diện cảnh báo thì các bên liên quan phải theo dõi và nhắc nhở, hỗ trợ tốt nhất cho SV trong quá trình học tập. Khi kết thúc học phần, nếu GV cấm thi trường hợp SV nào đều phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo SV với Trưởng Bộ môn; nếu trong quá trình giảng dạy, GV không nhắc nhở cảnh báo SV, thì GV phải chịu trách nhiệm [[H5.05.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.03/)]. Các Bộ môn ngành SPVL luôn luôn chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [[H5.05.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.07/)].

*Độ giá trị:* Để đảm bảo độ giá trị, Trường có các quy định cụ thể về việc thiết kế các câu hỏi thi, đề thi [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)] [[H5.05.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.10/)]. GV phải thiết kế đề thi nhằm đảm bảo đo đúng cái cần đo (các yếu tố/tiêu chí đánh giá tương thích với kiến thức/kỹ năng phản ánh trong CĐR tương ứng) và có trọng số cho từng loại bài kiểm tra, đáp ứng CĐR nào của học phần. Yêu cầu các đề thi đồng đều về độ khó, không trùng nhau và tương thích với thang điểm; các nhóm câu hỏi thi bao quát được các kiến thức trong HP, đo lường việc đạt được các CĐR của HP. Tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tính tương thích với số tín chỉ và thời gian thi kết thúc HP theo quy định. Yêu cầu, quy trình soạn thảo và ban hành đề thi cũng được quy định chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật, khách quan. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi Khoa Vật lý dựa vào các công cụ và cách thức sau: (i) Các văn bản của Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT; trình/quy định xây dựng đề thi; điều 9 trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [[H5.05.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.06/)]; (ii) Mục tiêu, CĐR HP; (iii) Đề cương chi tiết HP [[H5.05.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.08/)] [[H5.05.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.09/)], Trong đề cương chi tiết đã quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực [[H5.05.03.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.11/)]; (iv) Bản ma trận đề thi; (v) Ma trận câu hỏi thi; (vi) Kết quả thi của NH [[H5.05.03.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.12/)].Điều này giúp GV, Khoa Vật lý lượng hóa được việc dạy học của GV và sinh viên trong CTĐT ngành SPVL có đạt được CĐR đã công bố hay không.

*Độ tin cậy*: Độ tin cậy được đảm bảo thông qua công tác Tổ chức thi: Cán bộ coi thi là GV của trường. Đối với hình thức thi vấn đáp, mỗi phòng thi vẫn phải có 02 GV cùng hỏi thi. Công tác chấm thi do Trung tâm ĐBCL tổ chức điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi. Các Khoa/Viện chuyên ngành trực tiếp kiểm tra hoạt động thi và chấm thi học phần; giám sát và kiểm tra quá trình chấm thi, vào điểm. Giảng viên chấm thi theo thang điểm, đáp án, tiêu chí đánh giá đã được bộ môn thông qua. Nhà trường cũng có quy định trong quản lý kết quả học tập tạo sự thống nhất tại các đơn vị liên quan, đảm bảo sự chính xác, công bằng, minh bạch, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [[H5.05.03.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.13/)].

*Công bằng*: Để đảm bảo tính công bằng, đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và được thể hiện trong đáp án/Rubric nhằm đảm bảo tính công bằng. Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về các kiến thức, kỹ năng cần có để đáp ứng các tiêu chí đánh giá trong các buổi ôn tập sau mỗi Chương/Bài hay buổi học cuối trước khi kết thúc học phần. Bài kiểm tra của sinh viên được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với sinh viên. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều lập bộ phận thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng [[H5.05.03.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.14/)]. Phòng Thanh tra - Pháp chế kết hợp TT Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra việc cho điểm vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tổng kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [[H5.05.03.15](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.15/)]. Các kết quả sai lệch điểm thi và các khiếu nại của sinh viên (nếu có) đều được điều chỉnh kịp thời trong phần mềm trước khi công bố lên Website và trên elearning sinh viên [[H5.05.03.16](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.16/)] [[H5.05.03.17](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.17/)] [[H5.05.03.18](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.18/)]. Các quy định, quy chế của Trường về đánh giá sinh viên được Khoa phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và sinh viên. Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, GV) về các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá. Tất cả các bên liên quan đều hài lòng về tiêu chí này [[H5.05.03.19](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.3/H5.05.03.19/)].

*2. Điểm mạnh*

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Khoa Vật lý tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá toàn bộ học phần. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để SV phát huy năng lực, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPVL | Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT [[H5.05.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.01/)], Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017) [[H5.05.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.02/)]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017) [[H5.05.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.03/)]; Quy định đào tạo trình độ đại học (số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021) [[H5.05.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.04/)]; Quy trình phúc khảo điểm đánh giá cuối kỳ (Số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023) [[H5.05.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.05/)]; Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (điều 29, 30 chương V số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.06/)], trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quá đánh giá của NH.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của Nhà trường và Khoa được công bố công khai, kịp thời đến GV và sinh viên. Cụ thể, đối với GV: Đầu mỗi năm học, mỗi học kỳ. Nhà trường, Khoa Vật lý cung cấp các quy định về việc thi, kiểm tra, đánh giá và công bố kết quả đến GV kịp thời. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn đầu mỗi học kỳ, Khoa Vật lý đều có phổ biến cho toàn thể GV về các nội dung này. Đối với sinh viên: Ngoài các phương tiện truyền thông như Website của Phòng Đào tạo, Khoa Vật lý, cũng như của Trường ĐH Vinh, Fanpage, Sổ tay sinh viên, …. Trong các buổi sinh hoạt sinh viên đầu khóa do Phòng Đào tạo tổ chức, vào buổi học đầu tiên của học phần, GV công bố công khai các yêu cầu và hình thức đánh giá học phần cho sinh viên, tất cả sinh viên đều nắm rõ quy định về các nội dung này [[H5.05.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.07/)]. Ngoài ra, Trên hệ thống cổng thông tin của Phòng Đào tạo, sinh viên sau khi nhập học có thể truy cập vào hệ thống dữ liệu để nắm bắt các thông tin đầy đủ thông qua các văn bản được đưa lên trên hệ thống như: quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và thực hiện đồ án tốt nghiệp… giúp người học nắm bắt được các quy trình nội dung nhằm kịp thời cải thiện được việc học tập của cá nhân [[H5.05.04.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.08/)].

Trong giai đoạn đánh giá, SV ngành SPVL được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Hiện nay, việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của người học được thực hiện tại Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023) [[H5.05.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.06/)]. Theo đó, GV phải công bố công khai trước lớp điểm đánh giá quá trình (điểm bài tập lớn, điểm chuyên cần và điểm thảo luận) trước khi kết thúc học phần để SV có phản hồi kịp thời trước khi kết thúc học phần. Việc thông báo điểm cho SV được thông qua hệ thống phần mềm quản lí (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi (thông báo, bảng điểm, tài khoản) [[H5.05.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.09/)]. SV được đề nghị kiểm tra lại điểm thi và đơn đề nghị phúc khảo điểm muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Trung tâm ĐBCL trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm. Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần chuyển về khoa để công bố cho sinh viên muộn nhất là 14 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị [[H5.05.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.10/)].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sinh viên sử dụng để cải thiện việc học tập. Trong quá trình đào tạo, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của SV kịp thời có giá trị rất quan trọng trong việc cải thiện việc học tập, sắp xếp việc học tập, tốt nghiệp của họ. Đối với kết quả thi - kiểm tra quá trình, khi nhận được các phản hồi, các nhận xét của GV về bài làm kịp thời, đúng hạn thì SV sẽ có đủ thời gian khắc phục, điều chỉnh việc học của mình để có thể vừa bổ sung, nâng cao kiến thức vừa cải thiện kết quả thi cuối kỳ tốt hơn, giúp SV định hướng học tập, nắm được điểm mạnh và yếu của bản thân, cũng như có các kế hoạch cải thiện học tập ngay trong chính học phần đó. Ngoài ra, Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông tin cho SV có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời Nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất [[H5.05.04.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.11/)].

Nhà trường, Khoa Vật lý tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Khảo sát được tiến hành dưới dạng bảng hỏi qua Cổng thông tin trực tuyến của SV, mỗi năm học tiến hành 2 lần vào thời điểm trước khi SV đăng ký học cho học kỳ mới; kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn [[H5.05.04.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.4/H5.05.04.12/)].

*2. Điểm mạnh*

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng SV và GV, đặc biệt là đội ngũ Trưởng bộ môn, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo và GV chủ nhiệm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và phản hồi kịp thời đến người học.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập, song theo kết quả khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, vẫn còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm GMC hoặc LMS để SV tự đối chiếu với bài thi qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa Vật lý | Năm 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện việc công tác quản lý, lưu trữ kết quả học tập của người học, đảm bảo tính hệ thống, chính xác, minh bạch | Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kì học/học phần. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐH Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa*, *Gặp mặt SV Khoa Vật lý*, *Cẩm nang SV* và trang thông tin điện tử của Trường [[H5.05.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.02/)], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép, theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, cán bộ chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa Vật lý và Tổ trưởng tổ chấm hoặc cán bộ chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV.

Quy trình phúc khảo điểm thi (số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023) [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)] được tiến hành theo các bước sau:

1. Tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm

+ Sinh viên làm đơn đề nghị phúc khảo điểm và nộp lệ phí tại bộ phận một cửa, đơn đề nghị phúc khảo điểm phải nộp chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm cuối học kỳ (nếu phúc khảo điểm có thay đổi kết quả do Nhà trường thì hoàn trả kinh phí cho người học). Bộ phận một cửa tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm chuyển đơn đề nghị của sinh viên cho Trung tâm ĐBCL chuyển lệ phí cho phòng KHTC chậm nhất 3 ngày kể từ ngày nhận đơn.

2. Thực hiện phúc khảo điểm (tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)

+Trung tâm ĐBCL phối hợp với đơn vị đào tạo và Phòng TTr-PC phúc khảo điểm cho sinh viên.

\*Đối với hình thức đồ án, TNKQ trên máy tính thực hành,Nhà trường chỉ kiểm tra qua quá trình cập nhật điểm vào hệ thống phần mềm.

\*Đối với hình thức tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm trên giấy;

- Trung tâm ĐBCL kiểm tra qua thông tin về bài thi trên hệ thống phần mềm và trên thực tế

- Đơn vị đào tạo tiến hành rút bài thi, xếp các bài thi cùng một học phần vào túi riêng, cử cán bộ chấm phúc khảo bài thi cho sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL phối hợp với các đơn vị đào tạo, Phòng TTr-PC, cán bộ chấm phúc khảo thực hiện chấm lại bài thi cho sinh viên.

+ Hoàn thành các hồ sơ phúc khảo điểm.

3. Trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm (tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)

-Trung tâm ĐBCL lập bảng tổng hợp kết quả chấm phúc khảo, gửi kết quả cho bộ phận một cửa.

- Bộ phận một cửa thông báo kết quả điểm cho sinh viên.

- Đơn vị đào tạo cập nhật kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống.

- Sinh viên kiểm tra kết quả phúc khảo trên hệ thống và nhận lại kinh phí (nếu sự thay đổi do nguyên nhân từ Nhà trường).

4. Lưu hồ sơ và báo cáo

- Bộ phận một cửa lưu đơn, sổ theo dõi phúc khảo điểm của sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL lưu hồ sơ, minh chứng và xác nhận kết quả của việc phúc khảo điểm, hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Đơn vị đào tạo lưu hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Phòng TTr-PC giám sát quá trình cập nhật vào hệ thống.

-Trung tâm ĐBCL thống kê danh sách cán bộ có sai sót trong khâu chấm thi, nhập điểm gửi Hội đồng thi đua, khen thưởng xử lý theo quy định.

- Phòng TTr-PC tổng hợp danh sách báo cáo Hiệu trưởng nếu phát hiện tiêu cực [[H5.05.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.01/)] .

Ngoài ra, bên cạnh Quy trình phúc khảo của Trường, Khoa Vật lý, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL còn có kênh giải đáp các thắc mắc khiếu nại của sinh viên trực tiếp qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp bộ phận hỗ trợ học vụ [[H5.05.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.03/)].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được Khoa Vật lý, Trung tâm ĐBCL, GV xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Trong chu kỳ đánh giá từ 2019 - 2024, khoa Vật lý không có bất kỳ sinh viên SPVL gửi Đơn xin chấm phúc khảo bài thi của bất kỳ học phần nào.

Ngoài ra, đối với việc đánh giá đồ án tốt nghiệp, căn cứ vào Quy trình tổ chức cho NH làm đồ án tốt nghiệp. Nếu có thắc mắc, NH sẽ được các thành viên hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ. Điều này cho thấy việc thực hiện chấm điểm, đánh giá đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình xem lại đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để NH có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng Nhà trường quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng đồ án.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, NH cũng như kết quả của báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Nhà trường cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và 100% NH đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo và đội ngũ cán bộ Phòng Đào tạo; TLĐT; CVHT vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học [[H5.05.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%205/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%205.5/H5.05.05.05/)].

*2. Điểm mạnh*

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

*3. Điểm tồn tại*

Người học có khiếu nại mới chỉ được cập nhật lại kết quả điểm số trên hệ thống quản lý điểm sau kiểm tra chứ chưa được làm việc trực tiếp hoặc nhận văn bản trao đổi, giải thích nguyên nhân dẫn đến sai sót.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  điểm tồn tại | Nhà trường sẽ có kế hoạch chỉ đạo rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học, đồng thời Ban chủ nhiệm Khoa Vật lý sẽ chỉ đạo Cố vấn học tập hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả. | Trung tâm ĐBCL; Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác kiểm tra đánh giá | Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường ban hành bằng hệ thống các văn bản rõ ràng, quy trình áp dụng chặt chẽ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế đào tạo và được thông báo công khai tới tất cả sinh viên với nhiều hình thức đa dạng.

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo ngành SPVL; Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên phân định rõ mức độ đạt, mức độ không đạt đảm bảo độ tin cậy. Các công việc được quy trình hóa theo ISO để đảm bảo tính thống nhất từ khâu ra đề thi (chất lượng đề thi, làm đề thi) đến tổ chức thi, chấm thi, công tác bảo mật và công bố kết quả; Trong chu kỳ KĐCL, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của sinh viên về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Sinh viên dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản, quy định của Trường ban hành; Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và GV đã giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập kịp thời và thỏa đáng trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Trường dưới mọi hình thức.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn*

Khoa Vật lý chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần để có hướng điều chỉnh thích hợp.

Một số ít GV chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian chấm thi các học phần có điểm quá trình theo đúng qui trình đã ban hành.

**Tiêu chuẩn 6.** **Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

**Mở đầu**

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nói chung và của Khoa Vật lý nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, Nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của Nhà trường. Khoa Vật lý luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV của Khoa Vật lý và ngành SPVL được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và PVCĐ thể hiện qua tỷ lệ GV/người học đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hằng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Để tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ và tạo nguồn cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, theo đó đặt ra mục tiêu tỉ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ tăng 5% năm, tỉ lệ giảng viên có học hàm phó giáo sư tăng 5% năm [[H6.06.01.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.01/) Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC...Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ giảng viên có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [[H6.06.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.02/) Trên cơ sở chiến lược của Nhà trường, Khoa đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành Sư phạm Vật lý giai đoạn 2020 - 2025. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Khoa chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [[H6.06.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.03/)

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về tiêu chí tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên Chức và quy định của Nhà trường [[H6.06.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.02/) Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiễm viên chức lãnh đạo, bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... [[H6.06.01.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.02/)

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ, Đầu mỗi năm học, Khoa Vật lý đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 5/2023), Tổng số GV của Khoa tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Vật lý trình độ đại học gồm có 11 GV cơ hữu, trong đó có 1 GS (chiếm 9.1 %), 4 PGS (chiếm 36.4 %), 5 TS (chiếm 45.4 %), 1 Th.s (chiếm 9.1 %). Ngoài ra còn có 10 GV ở các Khoa/Viện và Phòng ban của Nhfa trường tham gia giảng dạy CTĐT cử nhân SPVL. Tất cả các GV tham gia dạy học ngành Sư phạm Vật lý đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [[H6.06.01.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.04/) Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện *(ở bảng 6.1.1).*

*Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại GV cơ hữu Khoa Vật lý* *theo trình độ, giới tính  
và độ tuổi năm học 2023-2024* *(tính đến tháng 12/2024):*

| **TT** | **Trình độ /**  **học vị** | **Số lượn,**  **người** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư | 02 | 9.5 | 02 | 0 |  |  | 01 |  | 01 |
| 2 | Phó Giáo sư | 07 | 33.3 | 06 | 01 |  |  | 07 |  |  |
| 3 | Tiến sĩ | 20 | 95.23 | 19 | 01 |  | 03 | 08 |  |  |
| 4 | Thạc sĩ | 01 | 4.76 | 01 | 0 |  | 01 |  |  |  |
|  | **Tổng** | **21** | **100** |  | **02** |  | **04** | **16** | **0** | **01** |

Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm Khoa Vật lý đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của ngành. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Khoa Vật lý xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Khoa, Trưởng đơn vị đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu [[H6.06.01.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.05/) Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [[H6.06.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.06/) Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao [[H6.06.01.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.07/) Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đối với khoa Vật lý, đội ngũ GV được tuyển dụng của Khoa Vật lý đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, Tuy nhiên, trong 5 năm qua, do tình hình tuyển sinh, khoa Vật lý không tuyển them cán bộ mới nào.

Hằng năm Khoa Vật lý cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Khoa Vật lý được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa [[H6.06.01.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.08/) Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường và Khoa Vật lý đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [[H6.06.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.09/)]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ… [[H6.06.01.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.10/)

Việc thuyên chuyển đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí.

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [[H6.06.01.11].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.11/)

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [[H6.06.01.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.12/)

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ…, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [[H6.06.01.13].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.13/) Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lí để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và Khoa Vật lý có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [[H6.06.01.14].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.14/) Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác… [[H6.06.01.15].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.15/)

Nhà trường thường xuyên rà soát, ban hành các quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV [[H6.06.01.16].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.1/H6.06.01.16/)

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Sư phạm Vật lý vẫn còn gặp khó khăn do số lượng cũng như chất lượng đầu vào của sinh viên Sư phạm Vật lý giảm xuống trong những năm gần đây. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án phát triển Khoa Vật lý, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa Vật lý theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Sư phạm Vật lý đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án phát triển Khoa Vật lý, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Vật lý chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Khoa Vật lý cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án phát triển Khoa Vật lý, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa cần đầy đủ các nội dung cốt lõi. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên.  - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên; | Nhà trường,  Khoa,  Phòng TCCB | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.  - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Khoa Vật lý, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.  - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. | Nhà trường,  Khoa,  Phòng TCCB | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Tỉ lệ giảng viên/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường [[H6.06.02.01]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.01/) và kế hoạch phát triển của Khoa Vật lý qua các giai đoạn [[H6.06.02.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.02/) Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH, Khoa Vật lý đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa hàng năm. Tính đến nay (tháng 12/2024), Tổng số GV của Khoa tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Vật lý trình độ đại học gồm có 21 GV cơ hữu, trong đó có 2 GS (chiếm 9.5 %), 7 PGS (chiếm 33.3 %), 20 TS (chiếm 95.23 %), 1 ThS (chiếm 4.8 %). Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm Khoa Vật lý thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ SV/GV đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH của ngành là 1/3.6 đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ Đại học hiện thành theo Thông tư 03/2022/TT- Bộ GD&ĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT quy định. Có được kết quả này là nhờ Khoa đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV [[H6.06.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.04/)] [[H6.06.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.05/)

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành SPVL được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/SV bảng 6.2.2 như sau:

*Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 - 2024*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ** | | **Giảng viên cơ hữu** | | | | | **Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** | | | | **Tổng số**  **GV**  **quy**  **đổi** |
| GS | P.GS | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | GS | P.GS | Tiến  Sĩ | Thạc  sĩ |
| **Hệ số quy đổi**  ***(GV là quản lý thì nhân với hệ số 0.3)*** | | **5** | **3** | **2** | **1** | **0.5** | **1.5** | **0.9** | **0.6** | **0.3** |
| Năm học | Tổng số GV |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2019-2020 | 23 | 1 | 4 | 11 | 2 |  | 1 | 3 | 10 |  | **51.2** |
| 2020-2021 | 21 | 1 | 3 | 10 | 2 |  | 1 | 3 | 10 |  | **46.2** |
| 2021-2022 | 21 | 1 | 5 | 10 | 1 |  | 1 | 3 | 10 |  | **51.2** |
| 2022-2023 | 21 | 1 | 5 | 10 | 1 |  | 1 | 3 | 10 |  | **51.2** |
| 2023-2024 | 21 | 1 | 5 | 10 | 1 |  | 1 | 3 | 10 |  | **51.2** |

*Bảng 6.2.2. Tỷ lệ SV/GV quy đổi*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng  GV quy đổi** | **Số lượng SV**  **ngành SPVL** | **Tỷ lệ SV/GV** |
| 2019-2020 | 51.2 | 33 | **0.65** |
| 2020-2021 | 46.2 | 22 | **0.48** |
| 2021-2022 | 51.2 | 52 | **1.02** |
| 2022-2023 | 51.2 | 74 | **1.45** |
| 2023-2024 | 51.2 | 100 | **1.95** |

Tỷ lệ GV/SV theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định về chế độ làm việc đối với GV được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành [[H6.06.02.06],](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.06/) trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Cụ thể: Phụ lục 8 quy chế chi tiêu nội bộ (Số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) và Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên (Số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) kể từ năm 2021 [[H6.06.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.07/) Trong đó, mức giờ chuẩn tối thiểu theo hệ số lương và nhóm nhiệm vụ đăng ký, gồm giờ giảng chuẩn (tối thiểu 200, tối đa 270 giờ chuẩn); giờ NCKH (tối thiểu 120, tối đa 350 giờ chuẩn); giờ hoạt động chuyên môn (tối thiểu 100, tối đa 225 giờ chuẩn) trong một năm học

Phòng TCCB, trường Đại học Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý.

Nhà trường có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Cụ thể, Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*, theo đó, trong một năm số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh và nhóm nhiệm vụ đăng ký, gồm giờ giảng chuẩn (tối thiểu 200, tối đa 270 giờ chuẩn); giờ NCKH (tối thiểu 120, tối đa 350 giờ chuẩn); giờ hoạt động chuyên môn (tối thiểu 100, tối đa 225 giờ chuẩn) trong một năm học

Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa Vật lý phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua nhiều hình thức khác nhau: Nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy học tập; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH; Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức qui đổi ra giờ chuẩn. Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, cố vấn học tập, chấm thi và các công tác đoàn thể, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội… Các loại hình hoạt động theo quy định và đều được quy đổi thành giờ chuẩn. Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng *(hiện nay việc xác lập khối lượng công việc này đang được xem xét trong mục “các hoạt động chuyên môn khác”*) như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng,…Bên cạnh đó, CB và GV của Khoa đã đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân… cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (sinh viên, học sinh và người già neo đơn trên địa bàn) đáp ứng được mục tiêu của Nhà trường và Khoa đề ra. Khoa Vật lý cũng phân công GV theo dõi, hỗ trợ công tác đoàn tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, hiến máu nhân đạo,… [[H6.06.02.07]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.07/) [[H6.06.02.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.08/)

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, Khoa Vật lý thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [[H6.06.02.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.09/) Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV [[H6.06.02.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.10/) Căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy [[H6.06.01.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.11/)], NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ…, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa/Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [[H6.06.02.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.12/) Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh *(canbo.vinhuni.edu.vn).* Quy chế chi tiêu nội bộ*;* Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [[H6.06.02.13]*.*](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.13/) Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lí để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa Vật lý có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành Sư phạm Vật lý đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành Sư phạm Vật lý đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [[H6.06.02.14].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.2/H6.06.02.14/)

1. *Điểm mạnh*

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành Sư phạm Vật lý, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Phát huy điểm mạnh | Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. | Khoa Vật lý;  Phòng TCCB | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.  - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. | Khoa Vật lý;  Phòng TCCB | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức* 5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển đội ngũ qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [[H6.06.03.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.01/) Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, NCV [[H6.06.03.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.02/) [[H6.06.03.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.03/) Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV, NCV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: *1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng*. Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [[H6.06.03.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.04/) [[H6.06.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.05/)]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng GV cho các đơn vị. Qui trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch GV thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng [[H6.06.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.06/)]. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch GV. Trong 5 năm qua, Khoa đã tuyển dụng số cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên.

Hằng năm, Nhà trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [[H6.06.03.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.07/)

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lí cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng và Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [[H6.06.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.08/)] [[H6.06.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.09/)]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiễm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai đến toàn thể CB, GV, NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa, qua khảo sát ý kiến CB, GV, NV ở tổng kết năm học, nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB, GV, NV trước khi ban hành chính thức [[H6.06.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.3/H6.06.03.10/)]. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

*2. Điểm mạnh*

Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên ioffice của Nhà trường.

Công tác CB của Khoa Vật lý được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên webite, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên. | Nhà trường;  Khoa;  Phòng TCCB | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có | Khoa | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. *Mô tả hiện trạng*

Năng lực của đội ngũ giảng viên của Nhà trường được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Khoa nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đầu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của GV dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT- Bộ GD&ĐT -BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT- Bộ GD&ĐT ngày 31/12/2014) [[H6.06.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.01/)]. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành, bao gồm: tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu, định mức giờ chuẩn trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay GV bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho SV NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [[H6.06.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.02/)]. Đến nay, tất cả các GV của ngành SPVL đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [[H6.06.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.03/)]. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, NCV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV. Văn bản này đã được xây dựng một cách dân chủ, được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường [[H6.06.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.04/)]. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa Vật lý thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương, triển khai thực hiện các quy định này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Hằng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ [[H6.06.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.05/)]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Tất cả các GV của Khoa Vật lý đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [[H6.06.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.06/)]. Việc đánh giá năng lực và trình độ chuyên môn trong Bộ môn cũng hết sức được quan tâm. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Vật lý tổ chức dự giờ, thao giảng để đánh giá chất lượng của GV. Thông qua ý kiến đánh giá và góp ý sau mỗi giờ thao giảng, các GV có thể hoàn thiện hơn nữa về kỹ năng giảng dạy và qua đó nâng cao năng lực đào tạo của bản thân [[H6.06.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.07/)], [H6.06.04.08]. Việc đánh giá giúp GV cải tiến chất lượng giảng dạy của bản thân cũng như giúp Nhà trường có thể quản lý chất lượng giảng dạy tốt hơn.

Ngoài ra, đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát SV về chất lượng giảng dạy của GV sau mỗi học kỳ. Đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa Vật lý để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [[H6.06.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.09/)], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định. Thông qua kết quả của Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV cho thấy các GV thuộc khoa Vật lý đều có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và đóng góp cho cộng đồng.

Trong giai đoạn từ 2019- 2024, giảng viên của Khoa Vật lý đã thực hiện 5 đề tài cấp Nhà nước, 6 đề tài cấp bộ, 9 đề tài cấp cơ sở. Thông qua kết quả của hội đồng đánh giá, GV của khoa đã không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị; Nhà trường có cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển công tác cán bộ để đáp ứng được mục tiêu phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [[H6.06.04.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.4/H6.06.04.10/)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động cộng đồng hằng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

Các GV, NCV của Khoa luôn tích cực tham gia tất cả các đợt tập huấn trong nước về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT theo chương trình ETEP

*3. Điểm tồn tại*

Còn một số năng lực cần thiết cho GV đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho GV hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế. | Khoa  TCCB | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra | Khoa | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

*1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [[H6.06.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.01/)]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường ĐH Vinh và Khoa Vật lý đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [[H6.06.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.02/)] [[H6.06.05.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.03/)

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, Khoa Vật lý đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hằng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, PGS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của ngành SPVL được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hằng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng GV, Khoa Vật lý rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao [[H6.06.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.04/)] [[H6.06.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.05/)]. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của  
GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2018 đến nay ngành đã có thêm 3 tiến sĩ, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trong ngành lên hiện này lên 90.9 %. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [[H6.06.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.06/)].

*Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2019-2024*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Bằng cấp học** | Nơi học tập | Thời điểm kết thúc | Nguồn kinh phí |
| 1 | Hoàng Văn Thụy | Tiến sĩ | Ba Lan | 2021 | Hiệp định |
| 2 | Lê Văn Vinh | Tiến sĩ | ĐH Vinh | 2022 | ĐH Vinh |
| 3 | Đỗ Thanh Thùy | Tiến sĩ | ĐH Vinh | 2020 | ĐH Vinh |

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lí luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được Nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [[H6.06.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.07/)].

*Bảng 6.5.2. Thống kế số lượt cán bộ cơ hữu của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong 5 năm chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2024)*

| Đi học dài hạn (trên 1 năm) | Năm | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | Tổng 5 năm |
| Tổng cộng toàn trường | 19 | 18 | 15 | 19 | 16 | 87 |
| 1. Nước ngoài | 8 | 2 | 2 | 2 | 1 | 15 |
| 2. Trong nước | 11 | 16 | 13 | 17 | 15 | 72 |
| Đào tạo bồi dưỡng (ngắn hạn) |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng toàn trường | 519 | 475 | 311 | 441 | 611 | 2357 |
| 1. Chức danh nghề nghiệp | 286 | 232 | 73 | 57 | 2 | 650 |
| 2. Lý luận chính trị | 14 | 16 | 78 | 24 | 27 | 159 |
| 3. Nghiệp vụ sư phạm |  |  |  |  |  | 0 |
| 4. Ngoại ngữ | 81 | 59 | 2 | 96 | 27 | 265 |
| 5. Công nghệ thông tin | 97 |  |  |  |  | 97 |
| 6. Quốc phòng An ninh | 41 |  | 60 | 78 | 149 | 328 |
| 7. Các lớp bồi dưỡng khác |  | 155 |  | 68 | 99 | 322 |
| 8. Hội nghị/Hội thảo tập huấn & Tham quan trao đổi học thuật |  | 13 | 98 | 118 | 307 | 536 |

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [[H6.06.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.08/)].

*Bảng 6.5.3. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| I | Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ | 2.142,68 | 1.370,86 | 1.337,37 | 1.742,20 | 1.702,13 | 8.295,24 |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | 6.578,87 |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | 1.716,37 |

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [[H6.06.05.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.09/)] [[H6.06.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.5/H6.06.05.10/)].

*2. Điểm mạnh*

Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,…).

*3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Thường xuyên khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa  - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ và trình độ cho GV. | Nhà trường, Khoa, Phòng TCCB | Hằng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tiếp tục khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.  - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ  - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, GV hoàn thành nhiệm vụ học tập | Nhà trường, Khoa, Phòng TCCB | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:*

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng. chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [[H6.06.06.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.01/)] [[H6.06.06.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.02/)]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [[H6.06.06.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.03/)] [[H6.06.06.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.04/)]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong Nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [[H6.06.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.05/)]. Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Khoa Vật lý có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ, nhu cầu ĐTBD và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [[H6.06.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.06/)].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... [[H6.06.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.07/)]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [[H6.06.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.08/)]. Hội đồng thi đua Khoa sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09].

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Khoa, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [[H6.06.06.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.10/)]. Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Khoa Vật lý nói chung, ngành Sư phạm Vật lý nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và Nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2019-2024, GV của Khoa Vật lý luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành Sư phạm Vật lý hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2019-2024 cho thấy gần 100% GV ngành Sư phạm Vật lý được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường [[H6.06.06.11].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.6/H6.06.06.11/)

*Bảng 6.6.1. Danh hiệu thi đua khen thưởng của CB, GV Khoa Vật lý   
(từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024)*

| **Năm học** | **Họ và tên CB-GV** | **Danh hiệu thi đua, khen thưởng** |
| --- | --- | --- |
| 2018 - 2019 |  | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở |
| 2019 - 2020 | Chu Văn Lanh | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở |
| 2020 - 2021 | Nguyễn Thị Nhị  Chu Văn Lanh | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở |
| 2021 - 2022 | Đinh Xuân Khoa  Lưu Tiến Hưng  Nguyễn Thị Nhị  Chu Văn Lanh  Đỗ Thanh Thùy | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Giấy khen của Hiệu trưởng |
| 2022-2023 | Nguyễn Thị Nhị  Chu Văn Lanh | Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở  Chiến sĩ thi đua cấp Bộ |

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV trong Khoa.

Phần lớn GV SPVL đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học. Hằng năm có 2 đến 3 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

*3. Điểm tồn tại*

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. | Nhà trường  Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.  - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc giảng dạy để tạo động lực cho GV trong hoạt động đào tạo và giảng dạy của mình. |  | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [[H6.06.07.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.01/)]. Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa ngày càng được tăng cao và hiệu quả [[H6.06.07.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.02/)] [[H6.06.07.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.03/)]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33:175 giờ; >2,34: 165 giờ *(trích từ quy định chế độ làm việc đối với giảng viên số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021)* [[H6.06.07.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.03/)].

*Bảng 6.7.2. Số giờ NCKH qui định cho GV*

|  |  |
| --- | --- |
| **GV có hệ số lương** | **Định mức giờ NCKH** |
| >=6.2 | 315 |
| >=5.76 | 260 |
| >=4.40 | 220 |
| >=4.32 | 200 |
| >=3.33 | 175 |
| >=2.34 | 165 |

Các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên; kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [[H6.06.07.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.04/) Từ năm 2019 - 2024, Khoa Vật lý có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV Khoa được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [[H6.06.07.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.05/) Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, giúp sinh viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [[H6.06.07.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.06/) Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [[H6.06.07.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.07/)].

*Bảng 6.7.1. Bảng tổng hợp chi cho NCKH của Giảng viên trong 5 năm   
của Trường Đại học Vinh*

Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| I | Chi cho NCKH | 18.203,00 | 13.906,47 | 15.633,00 | 17.001,35 | 18.591,25 | 83.335,08 |
| 1 | Chi cho NCKH của Giảng viên | 17.987,00 | 13.708,47 | 15.268,00 | 16.451,35 | 18.012,25 | 81.427,07 |
| 2 | Chi cho NCKH của người học | 216,00 | 198,00 | 365,00 | 550,00 | 579,00 | 1.908,00 |

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Khoa Vật lý và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Bộ môn, Khoa Vật lý và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2019 đến 2024, các GV Khoa Vật lý đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành SPVL [[H6.06.07.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.08/)] [[H6.06.07.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.08/)].

*Bảng 6.7.3. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu Khoa Vật lý  
 từ năm 2019 đến năm 2024*

| **Năm** | **Đề tài các cấp** | | | **Bài báo** | | | **Hội thảo khoa học** | | |
|  | Cấp NN | Cấp bộ/tỉnh | Cấp trường | **Tạp chí KHQT** | **Tạp chí KH trong nước** | **Tạp chí / tập san của cấp trường** | **Hội thảo quốc tế** | **Hội thảo trong nước** | **Hội thảo cấp trường** |
| **2019** |  | 1 | 3 | 23 | 14 | 4 | 10 |  |  |
| **2020** |  |  | 2 | 35 | 12 | 5 |  |  |  |
| **2021** | 2 |  |  | 33 | 15 | 8 | 10 | 2 |  |
| **2022** | 3 | 3 | 1 | 14 | 8 | 2 | 3 | 3 |  |
| **2023** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [[H6.06.07.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.10/)] [[H6.06.07.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.11/)]. Nhà trường cũng có hình thức khen đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [[H6.06.07.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.12/)] [[H6.06.07.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.13/)].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH [[H6.06.07.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%206/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%206.7/H6.06.07.14/)]. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH làm cơ sở để GV và NCV thực hiện.

Các hoạt động NCKH của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hằng năm bởi các cá nhân, khoa/viện đào tạo, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hằng năm.

Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

*3. Điểm tồn tại*

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Tăng cường hợp tác, đấu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài. | Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH.  - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hằng năm các hoạt động NCKH  - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. | Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa Vật lý được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. Khoa Vật lý có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành SPVL, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ GV/SV. Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm GV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hằng năm, Khoa Vật lý và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực GV với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hằng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV Khoa Vật lý, ngành SPVL. Đội ngũ GV của Khoa có các hoạt động NCKH khá phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Một số đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các GV hoàn thành với kết quả tốt; chất lượng hoạt động NCKH của GV ngành SPVL được tăng theo từng năm.

*Những điểm tồn tại cư bản của tiêu chuẩn:*

Tuy nhiên, các đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ GV, NCV như đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được định lượng rõ ràng. Một số năng lực cần thiết cho GV đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế. Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

**Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và khoa Vật lý nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác…) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Kết quả của hoạt động này được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020; Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh; Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 và Đề án Vị trí việc làm Trường Đại học Vinh. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [[H7.07.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.01/)0] [[H7.07.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.02/)].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm… Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lí học vụ, hành chính [[H7.07.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.03/)]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác. Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [[H7.07.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.04/)].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm [[H7.07.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.05/)]. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [[H7.07.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.06/)]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [[H7.07.01. 07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.07/)].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo Khoa Vật lý được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có 317 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên. Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như Phòng đào tạo, HSSV, TCCB, Quản trị - Đầu tư, KH&HTQT đa số có trình độ thạc sĩ trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Mặc dầu vậy, tính chuyên nghiệp của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ vẫn còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về tin học. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [[H7.07.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.08/)]. Bên cạnh đó, Khoa Vật lý cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [[H7.07.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.09/)]. Ngoài ra, Khoa Vật lý còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV; có 1 trợ lý đào tạo (trợ lý đào tạo chuyên trách và trợ lý đào tạo trực tuyến) và 1 trợ lý Đảm bảo chất lượng; 1 trợ lý đào tạo trực tuyến; có 1 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm thứ tư; mỗi lớp chính quy của sinh viên cũng được phân công 1 giảng viên làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp [[H7.07.01.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.10/)]. Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên [[H7.07.01.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.1/H7.07.01.11/)]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Vật lý đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của Khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

*3. Điểm tồn tại*

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện…) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

Bên cạnh đó, việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện hiệu quả.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ.  Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường.  Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường. | Phòng TCCB;  Các đơn vị trong trường | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. | Phòng TCCB;  Các đơn vị trong trường | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có các quy định cụ thể về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Căn cứ vào Điều lệ Trường đại học được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2010, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường quy định cụ thể trong Quy chế về công tác cán bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; Quy định tuyển dụng viên chức và hợp đồng lao động ngạch viên chức số 1512/QĐ-ĐHV ngày 5/5/2015; Đề án tuyển dụng viên chức số 132/ĐA-ĐHV ngày 7/2/2018, Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,… trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng…; xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn [[H7.07.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.01/)]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [[H7.07.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.02/)]. Cụ thể:

*Tiêu chuẩn chung:* Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

*Tiêu chuẩn cụ thể*: Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường. Nhà trường gửi Bản thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và eoffice của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và Khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [[H7.07.02.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.03/) Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT- Bộ GD&ĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường. Đội ngũ cán bộ quản lí các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lí. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lí cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [[H7.07.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.04/)]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [[H7.07.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.05/)].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin eOffice và trên các phương tiện thông tin đại chúng [[H7.07.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.2/H7.07.02.06/)]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Khoa Vật lý học đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả. | Phòng TCCB; Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn. | Phòng TCCB; Khoa | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí: 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [[H7.07.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.01/)]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm Thực hành thí nghiệm yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ thực hành thí nghiệm và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải nắm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [[H7.07.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.02/)]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [[H7.07.03.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.03/) Các tiêu chí này là căn cứ để Khoa, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Hàng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4*. Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký bảng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [[H7.07.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.04/)]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Khoa Vật lý và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [[H7.07.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.05/)]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những giảng viên kiêm nhiệm này trong các kỳ học. Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lí chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. Có khoảng 75 - 80% sinh viên đánh giá ở mức độ Tốt; có khoảng 12 - 14% sinh viên đánh giá ở mức độ Khá; 3 - 4% sinh viên đánh giá ở mức độ Trung bình; 1 - 1,5% sinh viên đánh giá ở mức chưa đạt [[H7.07.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.06/)]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [[H7.07.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.07/)] [[H7.07.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.3/H7.07.03.08/)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn  Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).  Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên | Nhà trường;  Khoa/ Viện đào tạo | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau. | Nhà trường; Khoa/Viện đào tạo | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí: 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

*1. Mô tả hiện trạng*

Đầu mỗi năm học, Nhà trường, Khoa khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển, đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn Trường nói chung, Khoa Vật lý nói riêng; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Trong kế hoạch thể hiện các nội dung: Đối tượng và số lượng bồi dưỡng; Nội dung bồi dưỡng, Thời gian bồi dưỡng; Kinh phí bồi dưỡng; Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện [[H7.07.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.01/)]. Vào cuối mỗi năm học, Khoa Vật lý và Trung tâm, Phòng ban đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của Khoa Vật lý và của các Trung tâm, phòng ban của Nhà trường [[H7.07.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.02/)]. Ngoài hình thức khảo sát này, Nhà trường còn thông báo về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động theo các kế hoạch bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ của Nhà trường hoặc từ cấp trên [[H7.07.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.03/)].

Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [[H7.07.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.04/)]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ trong vòng 5 năm gần đây (2019-2024). Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.04.05].

*Bảng 7.4.1. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm   
của Trường Đại học Vinh*

Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| I | Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ | 2.142,68 | 1.370,86 | 1.337,37 | 1.742,20 | 1.702,13 | **8.295,24** |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | **6.578,87** |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | **1.716,37** |
| 2.1 | Trong đó, chi cho đội ngũ nhân viên | 27,90 | 44,85 | 72,64 | 312,90 | 184,40 | **642,69** |

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [[H7.07.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.06/)]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [[H7.07.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.07/)]. Kết quả, trong 5 năm qua, toàn trường đã có hơn 100 nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH… Điển hình là Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm có 3 TS được đào tạo ở nước ngoài, 22 Thạc sĩ (trong đó có 2 người đang làm NCS), Ban Giám đốc và 5 tổ trưởng đã được bồi dưỡng kiến thức quản lí hành chính, quốc phòng an ninh. Đến nay, Trường và Khoa Vật lý có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lí sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên, sinh viên và học viên [[H7.07.04.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.4/H7.07.04.08/)

*2. Điểm mạnh*

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*3. Điểm tồn tại*

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. | Lãnh đạo Nhà trường; Phòng KH-TC; Phòng TCCB; Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.  Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | Nhà trường; Khoa Vật lý | Hằng năm |

1. *Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng Khoa. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [[H7.07.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.01/)]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng [[H7.07.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.02/)].

Trường Đại học Vinh triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa vào quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Trưởng, phó đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Phòng Thanh tra - Pháp chế là đơn vị chuyên trách theo dõi đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và nhân viên theo kế hoạch công tác được phân công cụ thể từng tuần [[H7.07.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.03/)]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [[H7.07.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.04/)]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [[H7.07.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.05/)]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Khoa, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [[H7.07.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.06/)].

Tất cả nhân viên trong Trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhằm đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [[H7.07.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.07/)].

Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [[H7.07.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%207/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%207.5/H7.07.05.08/)]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

*3. Điểm tồn tại*

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên | TCCB | 2025 |
| - Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo. | TCCB | Định kỳ |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục *rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ*khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng | Nhà trường; các đơn vị | 2025 |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Kết luận của Tiêu chuẩn 7

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Vật lý, Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành SPVL và NCKH của Khoa và Nhà trường.

*Những điểm tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn:*

Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như Chưa mô tả thật cụ thể vị trí việc làm đối với từng vị trí công việc; việc rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

**Mở đầu**

Giai đoạn 2019-2024, Khoa Vật lý, Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp; trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

*1. Mô tả hiện trạng*

Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, hàng năm dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và kết quả tuyển sinh của trường trong các năm trước [[H8.08.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.01_Quy%20ch%E1%BA%BF%20TS%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99/)], Trường Đại học Vinh xây dựng các chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật, điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hàng năm [[H8.08.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)].

Nhà trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trên cơ sở Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và công bố kế hoạch tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong các thông báo tuyển sinh đã nêu cụ thể chi tiết về đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh; hình thức và thời gian đào tạo; các quy định về thời gian và lệ phí dự tuyển; địa điểm tư vấn, hướng dẫn thủ tục nhận hồ sơ dự tuyển; chính sách học bổng áp dụng đối với NH của Trường Đại học Vinh cho từng đối tượng [[H8.08.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)].

Thực hiện chính sách tuyển sinh hàng năm, Phòng Đào tạo ra thông báo thu hồ sơ đăng kí tuyển sinh theo quy định; thông báo ngưỡng điểm chuẩn trúng tuyển [[H8.08.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)]; ban hành các quyết định trúng tuyển, nhập học và thực hiện báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định [[H8.08.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.03_Ng%C6%B0%E1%BB%A1ng%20%C4%90BCL%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/)].

Số lượng NH được thi tuyển vào CTĐT trình độ đại học ngành SPVLtheo chỉ tiêu đã được duyệt trong kế hoạch năm học của Khoa Vật lý, được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hàng năm [[H8.08.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)]. Chỉ tiêu này được xác định dựa vào tỷ lệ NH ra trường, kết quả phân tích nhu cầu nhân lực của Trường, thông tin dự báo nguồn nhân lực của ngành. Số liệu thống kê về tuyển sinh và nhập học của ngành SPVLtrong giai đoạn đánh giá thể hiện ở Bảng 8.1.1 [H8.08.01.05].

*Bảng 8.1.1: Tổng hợp tình hình tuyển sinh của ngành SPVL từ năm 2019-2024*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Ứng viên** | | |
| **Số lượng trúng tuyển** | **Số lượng nhập học** | **Điểm chuẩn** |
| 2019-2020 |  |  |  |
| 2020-2021 | 14 | 14 | 18.5 |
| 2021-2022 | 40 | 40 | 19 |
| 2022-2023 | 29 | 27 | 22.5 |
| 2023-2024 | 31 | 30 | 24 |

Các chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được Nhà trường công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau: Trên website của Nhà trường, của Khoa Vật lý, Trường Sư phạm, qua hoạt động tư vấn tuyển sinh của Phòng Đào tạo, qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, các tỉnh Tây Nguyên do Nhà trường tổ chức. Qua Website của Nhà trường, các bên liên quan có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, … Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Tư vấn tuyển sinh tại Website, Chat trực tuyến, Hộp thư tuyển sinh và Tổng đài tư vấn để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân … [[H8.08.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.06_%20T%E1%BB%9D%20r%C6%A1i%20qu%E1%BA%A3ng%20b%C3%A1%20TS/)].

Ngoài cổng thông tin điện tử được cập nhật liên tục, Trường còn mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp từ Nghệ An đến các tỉnh thành trong cả nước. Thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho thí sinh đến tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện. Kết quả được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Cổng thông tin điện tử và tin nhắn, điện thoại đến từng thí sinh [[H8.08.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.06_%20T%E1%BB%9D%20r%C6%A1i%20qu%E1%BA%A3ng%20b%C3%A1%20TS/)].

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông,…Các quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được điều chỉnh cải tiến sao cho thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online, tư vấn trực tuyến,... Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học [H8.08.01.05], Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông,…

Ngoài ra, Hàng năm, trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, trên cơ sở các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, các dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.01.05]. Trên cơ sở này, Trường và Khoa Vật lý xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, kết quả tuyển sinh theo đó cũng được nâng cao về chất lượng và số lượng, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [[H8.08.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.02_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)] [[H8.08.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.07_%20G%C3%B3p%20%C3%BD%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/)] (Bảng 8.1.2).

*Bảng 8.1.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành SPVL* *(trong 5 năm học gần nhất)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Người học** | | | | | **Tổng số** |
| ***Năm thứ nhất*** | ***Năm thứ hai*** | ***Năm thứ ba*** | ***Năm thứ tư*** | ***Năm tiếp theo*** |
| 2019-2020 | 0 | 0 | 8 | 28 | 84 | 120 |
| 2020-2021 | 14 | 0 | 0 | 8 | 28 | 50 |
| 2021-2022 | 40 | 14 | 0 | 0 | 8 | 62 |
| 2022-2023 | 27 | 40 | 13 | 0 | 0 | 80 |
| 2023-2024 | 30 | 27 | 37 | 12 | 0 | 106 |

*2. Điểm mạnh*

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của Khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường, Khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành SPVL.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Đề xuất với Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa | Phòng Đào tạo  Khoa Vật lý | Hàng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện công khai và cập nhật chính sách tuyển sinh từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất. | Phòng Đào tạo  Khoa Vật lý | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường, Khoa có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng, cụ thể. Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành SPVL được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trên cơ sở quy chế tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT [[H8.08.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.01_Quy%20ch%E1%BA%BF%20TS%20c%E1%BB%A7a%20B%E1%BB%99/)] và góp ý của các bên liên quan [[H8.08.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.1/H8.08.01.07_%20G%C3%B3p%20%C3%BD%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS%20h%C3%A0ng%20n%C4%83m/)], được thể hiện trong đề án, kế hoạch, thông báo tuyển sinh của Nhà trường [[H8.08.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.01_%C4%90%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS/)], [[H8.08.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.02_KH%20tuy%E1%BB%83n%20sinh/)], [[H8.08.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.03_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh,%20quy%20ch%E1%BA%BF%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20%C4%90H/)]. Phương pháp và tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án, thông báo tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. Trong đề án tuyển sinh bao gồm các nội dung về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh: *1) Đối tượng tuyển sinh; 2) Phạm vi tuyển sinh; 3) Phương thức tuyển sinh; 4) Chỉ tiêu tuyển sinh; 5) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển; 6) Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của Trường; 7) Tổ chức tuyển sinh; 1.8) Chính sách ưu tiên; 9) Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển.* Đề án tuyển sinh hằng năm quy định rõ: đối với các ngành ngoài sư phạm, phương thức tuyển sinh bao gồm*: 1) Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi/môn thi của Kỳ thi THPT năm hiện tại và của kết quả bài thi/môn thi Kỳ thi THPT Quốc gia năm trước đó và về trước; 2) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT; 3) tuyển thẳng.* Các đối tượng ưu tiên xét tuyển và tuyển thẳng được quy định trong Chính sách ưu tiên của đề án tuyển sinh [[H8.08.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.03_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh,%20quy%20ch%E1%BA%BF%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20%C4%90H/)]. Phương pháp và các tiêu chí tuyển sinh của ngành SPVL giai đoạn 2019-2024 bao gồm: Xét tuyển thẳng theo quy định, xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và học bạ các khối A00, A01, B00, D01 [H8.08.02.04].

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01] và nhu cầu xã hội, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến [[H8.08.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.05_BC%20t%E1%BB%95ng%20k%E1%BA%BFt%20c%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20tuy%E1%BB%83n%20sinh/)], [[H8.08.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.2/H8.08.02.06_%20L%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20v%E1%BB%81%20%C4%91%E1%BB%81%20%C3%A1n%20TS,%20c%C3%B4ng%20t%C3%A1c%20TS/)] để rà soát, đánh giá, xây dựng, điều chỉnh và bổ sung các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, công bố công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng. Nhà trường và Khoa Vật lý đã có nhiều phương pháp để thu hút tuyển sinh: *1) Thông qua các thông báo bằng văn bản; 2) Thông qua các băng rôn ở Khoa/ Trường; 3) Thông qua mạng xã hội (facebook,…); 4) Thông qua công tác tư vấn tuyển sinh trực tuyến* [H1.01.02.07]. Việc rà soát, đánh giá lại công tác tuyển sinh nhằm nhận thức rõ những hạn chế và đưa ra các giải pháp khắc phục, bổ sung vào đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo [H8.08.02.05]. Từ đó, công tác tuyển sinh hằng năm được tối ưu, nâng cao hiệu quả.

*2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, Khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành SPVL.

*3. Điểm tồn tại*

Trong giai đoạn 2019-2024, tuy có tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, tuy nhiên những phương thức tuyển chọn người học được áp dụng ở Khoa Vật lý, trường đại học Vinh cũng giống với đa số các Khoa có cùng ngành đào tạo của các trường khác, do vậy, tính cạnh tranh trong tuyển sinh khá cao. Nếu không có những phương thức đột phá, mới mẻ trong công tác tuyển sinh thì tính bền vững về số lượng thí sinh khó được duy trì.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Khoa cần có thêm các chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp và đột phá so với những phương thức đã và đang áp dụng nhưng cũng cần cân nhắc đến tính bền vững nhằm duy trì ổn định và thậm chí tăng lượng thí sinh đều đặn trong những năm tới. | Phòng Đào tạo;  Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh | Phòng Đào tạo;  Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ,… đượcNhà trường giao cho các đơn vị: Khoa/Viện, Phòng đào tạo, Phòng CTCTHSSV, Trung tâm ĐBCL,… thực hiện và giám sát [[H8.08.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/)]. Trong đó, Phòng Đào tạo là đơn vị chính hỗ trợ sinh viên, phối hợp với các Khoa/Viện và các đơn vị chức năng thực hiện và giám sát kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu của sinh, triển khai đánh giá đồ án tốt nghiệp theo quy trình và quy định Nhà trường và của Bộ GD&ĐT [[H8.08.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/)]. Trưởng Phòng Đào tạo đã phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phòng phụ trách nhóm công việc [H[8.08.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.02_Chuy%C3%AAn%20vi%C3%AAn%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20ph%C3%B2ng%20ban/)]. Tại các đơn vị đào tạo, Nhà trường hoặc lãnh đạo đơn vị phân công cán bộ phụ trách từng ngành [H8.08.03.03]. Đối với Khoa Vật lý có ngành SPVL, ngoài cán bộ phụ trách chuyên ngành còn có trợ lí quản lý sinh viên, trợ lý đào tạo, chuyên viên văn phòng Khoa. Cán bộ phụ trách chuyên ngành và Trợ lí quản lý sinh viên của Khoa được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, xử lí học vụ, cảnh báo kết quả học tập, có trách nhiệm hỗ trợ người học và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng Đào tạo và Khoa để giải quyết [[H8.08.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.04_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/)] [[H8.08.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.05_DS%20CVHT,%20TL%C4%90T%20CB%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20khoa/)]. Phòng CTCTHSSV phối hợp với các đơn vị có nhiệm vụ giám sát về giáo dục chính trị, tư tưởng; thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế, hỗ trợ sinh viên; giám sát về kết quả học tập, khối lượng học tập …[[H8.08.03.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/)

     Quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được Phòng Đào tạo và Khoa và các đơn vị liên quan thực hiện tuân theo: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*); Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*); Quy định đào tạo trình độ đại học (Số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021); Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh (*Số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [[H8.08.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.06_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20%C4%91%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o,%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1/)].

CTĐT trình độ đại học ngành SPVL đạt tối thiểu 126 tín chỉ, 36 học phần gồm 3 phần: Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, đồ án thực tập. Tiến độ thực hiện chương trình thông thường chia làm 8 học kỳ. Nhìn chung, CTĐT được thiết kế theo các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần theo từng học kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 8), mỗi học kỳ kéo dài trung bình 4 tháng, riêng học kỳ thực hiện Đồ án tốt nghiệp thì thời gian kéo dài là 6 tháng. Như vậy tổng thời gian thực hiện CTĐT theo đúng kế hoạch là 18 tháng. Khung thời gian này đảm bảo cho sinh viên có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Hoạt động đào tạo được thực hiện theo học chế TC, tạo ra cơ chế mềm dẻo, giúp NH chủ động lựa chọn phương án học tập phù hợp với điều kiện của từng cá nhân [[H8.08.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.07_B%E1%BA%A3n%20m%C3%B4%20t%E1%BA%A3%20CT%C4%90T/)], [[H8.08.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.08_%C4%90%E1%BB%81%20c%C6%B0%C6%A1ng%20h%E1%BB%8Dc%20ph%E1%BA%A7n/)]. Kết quả học tập, khối lượng học tập của từng sinh viên được lưu trữ trong phần mềm chuyên dụng do Phòng Đào tạo quản lý và theo dõi, báo cho từng sinh viên cho từng học kỳ [[H8.08.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/)].

*Nhà trường còn xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của người học* bởi hệ thống quản lý bao gồm: Hệ thống các phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống các Quy trình nghiệp vụ ISO [[H8.08.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/)] [[H8.08.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.10_Quy%20tr%C3%ACnh%20nghi%E1%BB%87p%20v%E1%BB%A5%20ISO/)].

Để giám sát tiến trình học tập của người học trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lí người học (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [[H8.08.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/)] [[H8.08.03.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.11_Giao%20di%E1%BB%87n%20trang%20c%C3%A1%20nh%C3%A2n%20SV%20tr%C3%AAn%20ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m/)]. Sau mỗi kì học, Phòng Đào tạo thống kê và báo cáo kết quả học tập của sinh viên thuộc diện cảnh báo khẩn cấp và cảnh báo kết quả học tập cho phụ trách chuyên ngành và sinh viên [[H8.08.03.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.12_DS%20SV%20di%E1%BB%87n%20c%E1%BA%A3nh%20b%C3%A1o%20h%E1%BB%8Dc%20t%E1%BA%ADp/)].

Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được quản lý tập trung trên phần mềm quản lý đào tạo (CMC, Trí Nam) [[H8.08.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/)], đảm bảo giám sát khối lượng học tập và rèn luyện NH chính xác. Đối với kết quả học tập, khối lượng học tập của NH được thể hiện qua từng kỳ như sau: Số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số tín chỉ tích lũy của kỳ, kết quả học tập của từng học phần... Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần thiết. Kết thúc mỗi năm học, Phòng Đào tạo và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của người học được Phòng Đào tạo quản lí giám sát bằng hồ sơ điểm học tập [[H8.08.03.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.13_%20H%E1%BB%93%20s%C6%A1%20%C4%91i%E1%BB%83m%20SV/)].

Tất cả cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ trong học tập cũng như theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ trên phần mềm tại Phòng Đào tạo [[H8.08.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.09_Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20qu%E1%BA%A3n%20l%C3%BD/)]. Nhờ có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp, có chiến lược và biện pháp hỗ trợ sinh viên kịp thời vì vậy tỷ lệ sinh viên chậm tiến độ, thôi học ngành, tốt nghiệp chậm tiến độ … cũng được giảm xuống [[H8.08.03.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.3/H8.08.03.13_%20H%E1%BB%93%20s%C6%A1%20%C4%91i%E1%BB%83m%20SV/)].

*Bảng 8.3.1: Thống kê kết quả đánh giá rèn luyện của SV trong 5 năm* *(Từ 2019-2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số lượng sinh viên bị cảnh báo học tập | Xếp loại rèn luyện | | | | | | | |
| Tổng số | Xuất sắc | Tốt | Khá | Trung  bình | Yếu | Kém |
| 2019-2020 |  | 34 | 3 | 19 | 11 | 1 | 0 | 0 |
| 2020-2021 |  | 14 | 1 | 8 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 2021-2022 |  | 13 | 1 | 9 | 3 | 0 | 0 | 0 |
| 2022-2023 |  | 75 | 5 | 42 | 28 | 0 | 0 | 0 |
| 2023-2024 |  | 101 | 9 | 57 | 35 | 0 | 0 | 0 |

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

*3. Điểm tồn tại*

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Đồng bộ phần mềm CMC, Trí Nam trong quản lí đào tạo và quản lí SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện. | TT CNTT; | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phát huy vai trò của các bên liên quan trong việc giám sát, hỗ trợ sự tiến bộ của người học | CTCT-HSSV;  Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4. Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu Khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có bộ phận và cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và tư vấn việc làm cho sinh viên. Cụ thể:

Ở đơn vị cấp trường là Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn Thanh niên… chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua cho sinh viên. Trung tâm DV, HTSV&QHDN chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho sinh viên [[H8.08.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/)].

Về phía Khoa Vật lý có Ban lãnh đạo Khoa, phụ trách ngành, các giảng viên trực tiếp giảng dạy chuyên ngành, cố vấn học tập và trợ lí đào tạo, giáo viên chủ nhiệm lớp với chức năng, nhiệm vụ tư vấn học tập, hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện học tập. Liên chi đoàn, Liên chi Hội sinh viên Khoa có nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua [[H8.08.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.01_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20%C4%91%C6%A1n%20v%E1%BB%8B%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c/)] [[H8.08.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.02_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/)]. Bên cạnh đó, Trường Sư phạm còn có các câu lạc bộ sinh viên hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa khác.

Nhà trường và Khoa Vật lý có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giới thiệu với sinh viên về cơ cấu, tổ chức Nhà trường và Khoa cũng như các hoạt động của Nhà trường để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Trong năm học, Nhà trường tổ chức các Hội nghị dân chủ sinh viên và đối thoại với Hiệu trưởng để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên [[H8.08.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.03_%20SHCD,%20HNDCSV,%20%C4%90%E1%BB%91i%20tho%E1%BA%A1i/)]. Ở Trường Sư phạm, Trợ lý QLSV, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, hỗ trợ sinh viên ngành SPVL trong đăng ký học, xử lý học vụ; trong học tập, rèn luyện [[H8.08.04.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.02_Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20CNNV%20TL%C4%90T,%20CVHT,%20VP,%20QLSV/) Mỗi tháng, Khoa cử giáo viên chủ nhiệm họp với lớp quản lý một lần, tư vấn và hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên của Trường và Khoa cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành SPVL, hàng năm sẽ có hoạt động tháng rèn nghề, Hội thi nghiệp vụ sư phạm để các em có một sân chơi phù hợp với chuyên môn và được giao lưu nghề nghiệp giữa các khoá học của Bộ môn, của Khoa. Các câu lạc bộ của Khoa và của Trường thường xuyên hoạt động, hỗ trợ học tập và rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm cho sinh viên [[H8.08.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.04_H%C4%90%20ngo%E1%BA%A1i%20kh%C3%B3a,%20r%C3%A8n%20ngh%E1%BB%81/)].

Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa, các buổi họp lớp, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, facebook, email, chủ nhiệm chuyên ngành và đội ngũ giáo viên giảng viên giảng dạy các học phần thường xuyên tư vấn cho sinh viên về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kĩ năng mềm... cho sinh viên [[H8.08.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.05_H%C3%ACnh%20%E1%BA%A3nh%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3%20SV/)]. Đối với các khóa mới nhập học, trường cử đại diện cán bộ Phòng Đào tạo, phụ trách chuyên ngành, giảng viên giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng như quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường; phổ biến các quy định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác… [[H8.08.04.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.06_%20%C4%90%C3%B3n%20ti%E1%BA%BFp%20SV%20nh%E1%BA%ADp%20h%E1%BB%8Dc/) Bên cạnh đó, trường có đội ngũ GV, các nhà Khoa học với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn sinh viên chuyên ngành SPVL thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn sinh viên làm luận văn/Đề án tốt nghiệp, viết bài báo Khoa học, đề tài nghiên cứu… [[H8.08.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.07_NCKH%20c%E1%BB%A7a%20SV/)]. Trường hợp sinh viên có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ luận văn/Đồ án tốt nghiệp, đối với đề tài cấp Trường nếu sinh viên có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [[H8.08.04.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.08_Quy%20ch%E1%BA%BF%20chi%20ti%C3%AAu%20n%E1%BB%99i%20b%C3%B4/)].

Trường luôn đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí… phong phú tại thư viện trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến [[H8.08.04.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.09_Danh%20m%E1%BB%A5c%20gi%C3%A1o%20tr%C3%ACnh,%20TLTK%20c%E1%BB%A7a%20ng%C3%A0nh/) Đối với hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, Nhà trường bố trí Trạm Y tế trong khuôn viên trường, có bác sỹ và cán bộ y tế trực thường xuyên, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe.

Cùng với các hoạt động hỗ trợ về học tập, rèn luyện, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hằng năm Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm, ...). Trung tâm DV, HTSV&QHDN làm việc thường xuyên trong việc tư vấn hỗ trợ việc làm cho sinh viên; liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp. Nhà trường phối hợp với Khoa thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, mời đại diện doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động đến tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên. Có nhiều doanh nghiệp đã liên kết với Nhà trường/Khoa trong công tác đào tạo, tuyển dụng và trao học cho sinh viên [[H8.08.04.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.10_Ch%E1%BA%BF%20%C4%91%E1%BB%99%20h%E1%BB%97%20tr%E1%BB%A3,%20h%E1%BB%8Dc%20b%E1%BB%95ng/)] [[H8.08.04.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.11_K%E1%BA%BF%20ho%E1%BA%A1ch%20r%C3%A8n%20ngh%E1%BB%81,%20th%E1%BB%B1c%20t%E1%BA%ADp/)].

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên đang học các học phần, sinh viên sắp tốt nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học. Qua đợt khảo sát gần nhất, có trên 85% sinh viên hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Khoa và Trường [[H8.08.04.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.4/H8.08.04.12_L%E1%BA%A5y%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20ph%E1%BA%A3n%20h%E1%BB%93i%20c%C3%A1c%20b%C3%AAn%20li%C3%AAn%20quan/)

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa có đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, GV chủ nhiệm, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, GV tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực không chỉ trong phạm vi SV Khoa, trường mà cả với SV quốc tế; hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp được triển khai hiệu quả; kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù có cố vấn học tập và trợ lý đào tạo chuyên trách nhưng do hệ thống mạng nội bộ và khả năng cập nhật thông tin nên một số SV vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký học tập.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | GV kịp thời phát hiện, động viên và gợi mở hướng nghiên cứu đề tài Khoa học, tích cực khuyến khích SV có năng lực học tốt làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH hằng năm. | Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phát huy vai trò của các đơn vị liên quan trong Nhà trường và mạng lưới cựu SV nhằm hỗ trợ người học | Khoa Vật lý; DV, HTSV&QHDN | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức* 5/7)

*Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học*

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường Đại học Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác, với triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường đại học Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với người học, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, sinh viên Trường Đại học Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và người học đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và người học; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [[H8.08.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.01/)]. Về CSVC Nhà trường có 44,12 ha đất với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m2, trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và người học: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Khoa, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí Khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m2, bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m2/chỗ ngồi [[H8.08.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.02/)]. 100% phòng học của sinh viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, wifi, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [[H08.08.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.03/)]. Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 48799 m2, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 chỗ, bình quân diện tích 8,3 m2 sử dụng/1 sinh viên theo định mức 6-8 người/1 phòng; hệ thống điện nước, nóng lạnh, wifi được lắp đặt đầy đủ. Ngoài ra Nhà trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 29.589 m2, 01 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học [[H08.08.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.03/)] [[H08.08.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.04/)]. Hiện nay, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh giai đoạn 2025-2030. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái cho các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường. Đến nay, cảnh quan môi trường của trường Đại học Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của người học. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường Đại học Vinh [[H8.08.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.05/)], các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác học sinh, sinh viên [[H8.08.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.06/)]; ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên trường Đại học Vinh [[H8.08.05.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.07/) Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông [[H08.08.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.08/)], công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm [[H08.08.05.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.09/) Trạm Y tế của Trường với đầy đủ cơ sở vật chất có thể thực hiện tốt công tác kiểm tra sức khoẻ và chữa bệnh thông thường cho cán bộ GV, sinh viên. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Đảm bảo an ninh chính trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ [[H8.08.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.10/)].

Để có những phản biện và góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Theo số liệu thống kê kết quả khảo sát ý kiến của 725 NH vào tháng 02/2020 về cảnh quan, môi trường để cung cấp cho Bộ GD&ĐT, trong đó NH được hỏi về các câu hỏi: "*Q1: Mối quan hệ giữa các sinh viên thân thiện, nhân ái, đoàn kết…*" và "*Q2: Môi trường tự nhiên đầy đủ bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng*". Kết quả khảo sát chỉ ra rằng hầu hết sinh viên được khảo sát rất hài lòng và hài lòng với cảnh quan môi trường của Nhà trường. Đối với sinh viên ngành SPVL được khảo sát, trung bình có 73,0% sinh viên đánh giá ở mức độ “Tốt” (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), 16,5% sinh viên đánh giá ở mức độ “Khá” (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%) và 7,5% sinh viên đánh giá ở mức độ “Trung bình” (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%) [[H8.08.05.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%208/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%208.5/H8.08.05.11/)].

*2. Điểm mạnh*

Người học có cơ hôi học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

*3. Điểm tồn tại*

Bên cạnh những điểm mạnh đã được đề cập, có một vài điểm tồn tại, cần được khắc phục. Đầu tiên, mặc dù hệ thống wifi được phủ rộng khắp với quy mô toàn trường, tuy nhiên vì số lượng người truy cập khá nhiều nên có lúc kết nối không ổn định. Điều này dẫn đến một vài khó khăn trong việc sử dụng mạng internet để phục vụ công tác dạy và học. Bên cạnh đó, công tác tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho SV chưa được Khoa, trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nâng cấp, cải thiện hệ thống wifi để công tác dạy và học được phát huy một cách tối đa.  - Phổ biến đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy theo định kỳ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học. | TT CNTT  Phòng QT &ĐT | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục xây dựng cảnh quan môi trường tốt phục vụ cho người học | Phòng QT &ĐT | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Trường ĐH Vinh được thành lập từ năm 1959, có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh, các chính sách và quy định tuyển sinh ngành SPVL được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện ở nhiều cấp, gồm giảng viên, CVHT, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lí SV, Liên chi đoàn, Liên chi hội, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HVSV với sự giúp đỡ của phần mềm mềm quản lý đào tạo (LMS) và quản lý điểm (CMC) đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học. Nhà trường, Khoa/viện có các đơn vị chuyên trách và kiêm nhiệm hỗ trợ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Các hoạt động này có kế hoạch rõ ràng, được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV. Đa số sinh viên, cựu sinh viên của ngành SPVL được hỏi ý kiến hài lòng về công tác này của Nhà trường, Khoa. Trường và Khoa có môi trường tâm lí xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*Những điểm tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn:*

Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn một số tồn tại, đó là: việc quảng bá tuyển sinh của ngành SPVL chưa thực sự phong phú, các tiêu chí tuyển sinh đầu vào chưa cao, nguồn thí sinh giỏi còn hạn chế.

**Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

**Mở đầu**

Nhà trường và Khoa Vật lý luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và SV ngành SPVL thực hiện các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Vật lý luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn cho SV ngành SPVL.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường, Khoa có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An [[H9.09.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.01/)]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có Chiến lược về phát triển cơ sở vật chất hiện đại với mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo đồng bộ, hiện đại, từng bước xây dựng khuôn viên thông minh, phù hợp với quy mô và các hình thức đào tạo, NCKH và mô hình quản trị Nhà trường số (giai đoạn 2022-2025) và tập trung đầu tư vào hệ thống CNTT phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học thông minh; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, trang thiết bị, ...) để trở thành Trung tâm hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khu vực Bắc trung bộ và cả nước (giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045). Trên cơ sở Chiến lược phát triển được đề ra, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường [[H9.09.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.02/)].

Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Nhà trường đã có CSVC hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có CSVC vào tốp đầu của cả nước. Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng được nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu Khoa học của cán bộ, giảng viên và người học. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m2, đạt xấp xỉ 15m2/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Trường có 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 75 đến 100 chỗ; 155 phòng học trên 50 chỗ; 16 phòng học đa nhạc, họa; Có tổng 211 phòng làm việc trong đó 197 phòng làm việc của các đơn vị chức năng, 14 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, 1 trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu; 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo; có đầy đủ các thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Trường đã đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (phải đảm bảo quy định tối thiểu 2,8m2/SV).

*Bảng 9.1.1. Thống kê số lượng phòng TN-TH, phòng học toàn Trường (2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở**  **đào tạo** | **DT sàn xây dựng (m2)** | **Số phòng làm việc** | **Số phòng họp** | **Số Hội trường lớn** | **Số**  **phòng**  **học** | **Số phòng, cơ sở, Thí nghiệm, Thực hành** |
| Số phòng | 611 | 211 | 16 | 10 | 282 | 92 |
| Diện tích sàn xây dựng (m2) | 191.778 | 11.054 | 413 | 3.026 | 51.054 | 28.575 |

Tất cả hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng làm việc, phòng họp, phòng THTN…được trang bị đầy đủ điện, quạt, điều hòa không khí, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng ... Trong các phòng học, hội trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt hệ thống âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống điều hoà, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera, góp phần đáp ứng tốt cho công tác đào tạo của Trường. Phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [[H9.09.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.03/)].

Riêng đối với Khoa Vật lý, hệ thống phòng làm việc với các thiết bị được trang bị đầy đủ, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Khoa được bố trí phòng làm việc, phòng của cán bộ quản lý, văn phòng Khoa tại tòa nhà A0. Đồng thời, Khoa được giao sử dụng phòng sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn Khoa Vật lý hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [[H9.09.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.03/)].

Về phòng học, Khoa Vật lý đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho sinh viên chuyên ngành, với số lượng sinh viên được bố trí tại các phòng học nhà A, B được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. [[H9.09.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.03/)].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và sinh viên ngành SPVL. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, sinh viên ngành SPVL còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [[H9.09.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.04/)].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [[H9.09.01.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.04/)

Công tác đầu tư nâng cấp CSVC trong thời gian qua đã đầu tư được 01 công trình Trung tâm khảo thí cao 7 tầng để phục vụ công tác khảo thí, đánh giá kết quả đào tạo; dự án "Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư CSVC, thiết bị hạ tầng CNTT" của Trường Đại học Vinh để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý CSGD phổ thông; Cải tạo sữa chữa công trình nhà học B - Viện Nông nghiệp và Tài nguyên; công trình xây dựng và cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở 2... tính đến nay, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tại các cơ sở của Nhà trường là: 229.150 m2, tỷ lệ 5,99 m2/người học. Cơ sở hạ tầng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành đã được đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*Bảng 9.1.2. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ bản trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **I** | Chi cho mua sắm trang thiết bị, XDCB | 92.090,37 | 77.879,60 | 21.459,59 | 17.165,44 | 13.114,26 | **221.709,26** |
| **1** | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | **55.924,17** |
| **1.1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |
| **1.2** | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | **8.089,96** |
| **2** | Chi XDCB | 81.151,77 | 63.540,00 | 10.000,66 | 7.618,35 | 3.474,31 | **165.785,08** |

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành SPVL [[H9.09.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.05/)]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [[H9.09.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.06/) Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [[H9.09.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.07/)].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên và người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPVL. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành SPVL của Nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ giảng viên và người học qua các năm về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu [[H9.09.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.1/H9.09.01.08/)].

*Điểm mạnh*

Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành SPVL.

Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành SPVL, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

1. *Điểm tồn tại*

Hệ thống thiết bị thực hành thí nghiệm, mặc dù được bổ sung, nâng cấp hằng năm nhưng vẫn cần tăng cường hơn nữa để đáp ứng tốt công tác giảng dạy, NCKH của GV và sinh viên.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Đảm bảo việc bổ sung trang thiết bị thực hành, thí nghiệm trong mỗi chu kỳ rà soát phải nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng nhu cầu của GV và người học. | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng. | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Thư viện của Trường Đại học Vinh hiện nay có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”. Thư viện cơ sở 1 là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m2, sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1. Thư viện tại cơ sở 2 với diện tích sàn 677 m2, sức chứa khoảng 100 bạn đọc. Thư viện có 1 phòng đọc và 24 bộ máy tính phục vụ nhu cầu học tập. Các phòng/khu trong thư viện được trang bị đầy đủ điện, ánh sáng, quạt, bảng, bàn, ghế, … đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người đọc [[H9.09.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.01/)].

Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động. Về cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng thông tin, Thư viện và phòng đọc được trang bị đồng bộ (*chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị in ấn, phần mềm tra cứu, nội quy Thư viện và hướng dẫn tra cứu sử dụng,…*) phù hợp và hệ thống các phòng đọc được kết nối liên hoàn và phủ sóng Wifi, đáp ứng nhu cầu của một thư viện hiện đại. Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt các chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin Khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [[H9.09.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.02/)]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho sinh viên, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [[H9.09.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.03/)].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học Khoa Vật lý nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [[H9.09.02.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.04/)

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [[H9.09.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.04/)]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [[H9.09.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.05/)].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành SPVL nói riêng, Khoa Vật lý và Nhà trường nói chung. Tính đến tháng 06/2024, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu Khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành SPVL được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giảng viên và sinh viên, sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành SPVL, tài liệu phục vụ cho chương trình đại học chuyên ngành SPVL cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung [[H9.09.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.06/)].

*Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở đào tạo** | **Số lượng sách tham khảo quốc văn (cuốn)** | **Số lượng sách tham khảo ngoại văn**  **(cuốn)** | **Số lượng đầu báo, tạp chí chuyên ngành** | **Số lượng Luận văn ThS và ĐH** | **Số lượng đề tài NCKH** | **Số lượng sách điện tử** |
| Trung tâm TT-TV NTH | 17.340 | 10.056 | 64 | 25.334 | 142 | 25.935 |

Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu…) [[H9.09.02.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.07/)

*Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường*

*(đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng 5 năm** |
| Kinh phí mua tài liệu giáo trình của thư viện | 2220.42 | 536.55 | 854,26 | 599,21 | 607,22 | **4.817,66** |

Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [[H9.09.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.08/)].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, Khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của Nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [[H9.09.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.08/)]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin Khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, … Ngoài ra, nhằm tăng cường khả năng hợp tác, trao đổi thông tin và kết nối, thư viện Trường đã tích cực tham gia các tổ chức, Hiệp hội nghề nghiệp như Liên hiệp thư viện Việt Nam, liên kết với các Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân. [[H9.09.02.0](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.09/)9].

Hằng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [[H9.09.02.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.10/) Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành SPVL cho thấy giảng viên, sinh viên, sinh viên thuộc Khoa Vật lý hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [[H9.09.02.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.2/H9.09.02.11/)].

*2. Điểm mạnh*

Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm hiện đại. Hiện nay thư viện cơ bản đáp ứng đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và SV thuận lợi tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

*3. Điểm tồn tại*

Giáo trình, tài liệu bằng tiếng Anh phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, SV ngành SPVL chưa đa dạng và cập nhật.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo. | Trung tâm TTTV  Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục lấy ý kiến của GV, người học về các hoạt động của thư viện để cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ  - Tổ chức các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các SV, GV, đặc biệt SV năm thứ nhất. | Trung tâm TTTV | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho cán bộ GV và người học ngành SPVL. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [[H9.09.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.01/)]. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, người học trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và kỹ năng thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [[H9.09.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.02/)]. Hiện nay, toàn trung tâm THTN có có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THTN/người học là 4,48m2/người. Sinh viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa. Tất cả các ngày trong tuần đều mở cửa, kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật. Hầu hết các đơn vị đều bố trí thời khóa biểu và các lịch học thí nghiệm, thực hành, làm NCKH theo hướng khai thác tối đa công suất sử dụng các phòng học, phòng TN-TH [[H9.09.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.03/)]. Hiện nay hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành SPVL được bố trí ở khu nhà D, tầng 1 bao gồm 4 phòng thực hành thí nghiệm [H8.08.05.03], [[H9.09.03.02];](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.02/) được đầu tư đồng bộ và hiện đại trong những năm gần đây; có đầy đủ các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác thực hành thí nghiệm cho các học phần của ngành và trong công tác nghiên cứu của cán bộ GV [[H9.09.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.03/)]. Các phòng thực hành thí nghiệm đều có đầy đủ các quy định, nội quy, tài liệu hướng dẫn của phòng thí nghiệm [[H9.09.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.04/) ]. Hệ thống phòng học được quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, được lưu trữ hoạt động bằng nhật ký phòng thực hành thí nghiệm, có hệ thống camera theo dõi ở hành lang và trong phòng để theo dõi hoạt động của GV và SV [[H9.09.03.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.04/)

Các thiết bị của Trung tâm thực hành - thí nghiệm được duy tu, bảo dưỡng, cập nhật và nâng cấp hàng năm theo kế hoạch của Nhà trường. Quy trình này được thực hiện theo trình tự: *1. Trung tâm thực hành thí nghiệm (THTN) gửi danh sách thiết bị hiện có cho Khoa; 2. Khoa giao cho GV phụ trách học phần rà soát, đề xuất sửa chữa, bổ sung cho thiết bị của học phần đó; 3. Trung tâm THTN thực hiện việc sữa chữa, bổ sung thiết bị thực hành, thí nghiệm* [[H9.09.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.05/)]. Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT và ĐT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo gửi về HĐQT và BGH, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH. Vào đầu năm học, phòng Quản trị và đầu tư thông báo cho các đơn vị lập Báo cáo tổng kết CSVC, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế,… năm học cũ và lập kế hoạch trang bị CSVC, vật tư TH-TN, in ấn, văn phòng phẩm, dự án đầu tư trang thiết bị cho năm học mới. Về phía, Trung tâm TH-TN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ TH-TN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [[H9.09.03.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.06/)

*Bảng 9.3.1. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm máy móc, thiết bị và và sửa chữa trang thiết bị trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| 1 | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | 55.924,17 |
| 2 | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | 8.089,96 |

Hệ thống phòng thực hành thí nghiệm được quản lý bởi đội ngũ NV phòng thí nghiệm chuyên nghiệp, đáp ứng đủ các yêu cầu về hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng. Chức năng nhiệm vụ của trung tâm cũng như đội ngũ NV theo vị trí công tác được quy định rõ ràng trong quyết định thành lập trung tâm THTN [[H9.09.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.01/)]. Hiện nay, tại Trung tâm TH-TN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THTN. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [[H9.09.03.07].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.07/) Hiện nay đội ngũ phụ trách phòng thí nghiệm ngành SPVL có 2 NV bao gồm 1 tiến sĩ, 1 thạc sĩ [H7.07.01.03]. Đội ngũ này được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lí việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm THTN. Mỗi phòng thực hành thí nghiệm đều có nhật ký phòng thí nghiệm để lưu giữ dữ liệu về quá trình hoạt động, tình trạng sử dụng trang thiết bị; theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị [[H9.09.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.04/)].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THTN, Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng THTN và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến NH về khóa học đối với các HP sử dụng phòng THTN luôn được Nhà trường, Khoa phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời. Điều này đánh giá được những nỗ lực của Trường và Khoa trong việc tích cực xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp phòng THTN trong những năm qua nhằm đáp ứng tốt hiệu quả sử dụng CSVC và thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [[H9.09.03.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.3/H9.09.03.08/)

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống phòng học thực hành, thí nghiệm cho ngành SPVL được xây dựng hiện đại; có đầy đủ máy móc, trang thiết bị, được cập nhật định kỳ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khai thác hệ thống thiết bị thí nghiệm cho mục đích bồi dưỡng giáo viên, học sinh giỏi còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Tăng cường các khóa tập huấn sử dụng thiết bị thí nghiệm cho GV, SV | TT TH-TN  Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm | Phòng QT & ĐT  Trung tâm THTN | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức* 5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

*1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trường đại học Vinh thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến và sáp nhập Trung tâm CNTT vào Viện để giao nhiệm vụ phụ trách công tác CNTT của toàn Trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm CNTT, website đơn vị [https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin.](%20https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin.%20)  Viện NC&ĐTTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: https://vinhuni.edu.vn/); tổ chức đào tạo trực tuyến (e-Learning) và đào tạo từ xa. Trung tâm CNTT của Trường cùng với các đơn vị chức năng xây dựng phần mềm quản lý tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn trường để đảm bảo công tác quản lý, kiểm kê, thanh lý tài sản hàng năm đúng quy định. Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lí mới của Nhà trường [[H9.09.04.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.01/)

Trường nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và tác động của công nghệ thông tin sẽ làm thay đổi, nâng cao năng suất lao động, đồng thời quyết định sự thành công trong công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý các trình độ đại học cũng như sau sau đại học thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, Nhà trường xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý.

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của Trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư đang hoạt động rất hiệu quả. Trường hiện có gần 2000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [[H9.09.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.02/).

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lí để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí của trường (quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lí của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lí để quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành SPVL trình độ ĐH nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của Nhà trường, được quản lí bằng hệ thống phần mềm một cách Khoa học và hợp lí. Các dữ liệu về quản lí Nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, hệ thống dạy – học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành. Hiện tại, hình thức dạy học trực tuyến vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc khắc phục những sự cố khách quan (thiên tai lũ lụt…) nhằm đảm bảo kế hoạch đào tạo của Nhà trường diễn ra đúng tiến độ [[H9.09.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.03/)].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [[H9.09.04.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.04/)

Trường Đại học Vinh quản lý, theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [[H9.09.04.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.05/)

Nhà trường có quy định quản lý, khai thác sử dụng hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả [[H9.09.04.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.06/) Hệ thống CNTT của trường hàng năm được lập kế hoạch về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp nằm trong kế hoạch mua sắm, sửa chữa như: Triển khai các dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nâng cấp phần cứng để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý đào tạo và bồi dưỡng.

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư CSVC hàng năm. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm CNTT. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [[H9.09.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.07/)].

\* Quy trình lập kế hoạch mua sắm, nâng cấp như sau:

1. Đơn vị sử dụng gửi nhu cầu cho Viện NC&ĐTTT tiếp nhận và lập kế hoạch.

2. Căn cứ nhu cầu của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch đề xuất và phối hợp với Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt chủ trương tổ chức thực hiện.

Kế hoạch trung hạn được giao cho Viện NC&ĐTTT và Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính. Lập danh mục trang thiết bị, xây dựng hồ sơ pháp lý, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành, nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NKCH và phục vụ cộng đồng [[H9.09.04.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.08/)

*Bảng 9.4.1. Thống kê số liệu máy chủ phục vụ quản lý, đào tạo, NCKH của Trường Đại học Vinh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tài sản** | **Tên tài sản** | **Ngày tăng** | **Số lượng** |
| 1 | 02701.03.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 02/01/2018 | 1 |
| 2 | 03901.01.031000.001 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 186C1H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 3 | 04301.01.031001.007 | Máy chủ-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 20/09/2016 | 1 |
| 4 | 04301.02.030000.002 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 5 | 04301.04.030000.074 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 6 | 04301.04.030000.075 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 7 | 04801.00.030000.028 | Máy chủ HP ProLiant DL380 G6 | 01/01/2012 | 1 |
| 8 | 04801.02.030000.001 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 9 | 04801.02.030000.002 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 10 | 04801.02.030000.003 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 11 | 04801.02.030000.004 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 12 | 04801.02.030000.005 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 13 | 04801.02.030000.006 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 14 | 04801.02.030000.007 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 15 | 04801.02.030000.008 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 16 | 04801.02.030000.009 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 17 | 04801.02.030000.184 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 18 | 04801.02.030000.185 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 19 | 04801.02.030000.186 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 20 | 04803.01.031001.009 | Hệ thống máy chủ (ảo hóa thành các máy chủ ứng dụng: Web, DNS …, máy chủ CSDL) Dell PowerEdge | 22/04/2016 | 3 |
| 21 | 04803.01.031001.010 | Máy chủ sao lưu dữ liệu (Backup) Dell PowerEdge R630 2016 | 22/04/2016 | 1 |
| 22 | 04805.01.031000.002 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 18451H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 23 | 04805.01.031000.003 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17Y61H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 24 | 04805.01.031000.004 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17XB1H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 25 | 04805.01.031000.005 | Máy chủ CacheDell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 18W71H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 26 | 04805.01.031000.020 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 27 | 04805.01.031000.021 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 28 | 04805.01.031000.022 | Máy chủ Rack 4U Lenovo Think System x3850X5 -GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 29 | 04805.01.031001.001 | Máy chủ Application-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 30/09/2017 | 1 |
| 30 | 04805.14.031500.609 | Máy chủ ứng dụng + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 31 | 04805.14.031500.610 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 32 | 04805.14.031500.611 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 33 | 04805.15.030000.068 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 34 | 04808.01.031000.001 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 35 | 06201.00.030000.018 | Máy chủ HP DL380G5 E5420 | 30/12/2014 | 1 |
| 36 | 06501.01.031001.001 | Máy chủ Dell PowerEdge R730 Server | 14/12/2016 | 1 |
| 37 | 08203.01.030701.088 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 38 | 08203.01.030701.089 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 39 | 09102.15.030000.045 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 40 | 10218.10.030000.021 | Máy chủ Hãng SX: IBM TN 411 Lê Thị Thu Hiệp | 30/12/2021 | 1 |
| 41 | 10505.00.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 30/12/2021 | 1 |

Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Viện NC&ĐTTT, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế. Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT; Viện NC&ĐTTT lên kế hoạch kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT.

*Bảng 9.4.2. Bảng tổng hợp chi cho công nghệ thông tin trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |

Các hoạt động bảo trì về CNTT thường xuyên được thực hiện, bao gồm hệ thống sever máy chủ, điều hòa, phòng cháy chữa cháy, đèn, lưu điện, phòng trung tâm dữ liệu, bảo trì website, trang thiết bị máy tính phòng làm việc[...[H9.09.04.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.09/) Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đáp ứng ngày càng tốt hơn cho các nhu cầu.

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan khác về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Qua khảo sát cho thấy ý kiến các bên liên quan đều hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH, công tác quản lý của Nhà trường và hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Khoa Vật lý cũng như của nghành SPVL, qua đó Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên [[H9.09.04.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.4/H9.09.04.10/)

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và người học.

*3. Điểm tồn tại*

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm, đặc biệt là thời điểm đầu kỳ học, khi số lượng SV đăng ký học đông.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,** **người thực** **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm.  - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong Nhà trường. | Trung tâm CNTT | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT | Trung tâm CNTT | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh luôn tuân thủ Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ như: Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Phòng cháy Chữa cháy, Thông tư số 14/2013/TT-BYT…, cũng như quy định về thiết kế và xây dựng Nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [[H9.09.05.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.01/)

Trên cơ sở quy định chung của Nhà nước, Trường đã cụ thể hóa thành các nội quy, quy chế để đảm bảo các tiêu chuẩn về cảnh quan môi trường sư phạm như: quy định về sử dụng các trang thiết bị CSVC, quy định về nội quy giảng đường, phòng làm việc, nội quy sử dụng các phòng thực hành, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, quy định về công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học và KTX, quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nhà ăn của Trường… Những quy định, quy chế này hoàn toàn phù hợp với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định tại Đề án bảo vệ môi trường của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [[H9.09.05.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.02/)

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [[H9.09.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.03/)].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, người học với diện tích 35.000m2 và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hằng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. Về vấn đề môi trường: để đảm bảo vệ sinh chung, Trường đã ký hợp đồng với 01 số công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học, cảnh quan môi trường sư phạm: “xanh - sạch - đẹp”. Bên cạnh đó, Trường đã ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi quy định của Thành phố để đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường [[H9.09.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.03/)].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. đến tháng 12/2024, Trạm Y tế gồm có 10 cán bộ, trong đó có 2 bác sĩ, 4 y sĩ, 4 y tá đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, thiết bị, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho người học khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên ngành SPVL nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Sinh viên ngành SPVL được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Trường đều tiến hành công tác phun thuốc khử khuẩn, phòng dịch bệnh vào thời điểm giao mùa hoặc khi có dấu hiệu dịch đột xuất. Để kịp thời ứng phó khi dịch bệnh xảy ra, Trường đã ban hành các thông báo hướng dẫn đơn vị, VC, NH thực hiện công tác phòng chống dịch. Khi dịch Covid - 19 xảy ra, Trường đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo phòng chống Covid - 19, kịp thời có các biện pháp chỉ đạo ứng phó với diễn biến của tình hình dịch bệnh. Trạm Y tế lên kế hoạch trình Ban Giám hiệu ký duyệt, đồng thời kết hợp với các đơn vị chức năng để phát hiện, tuyên truyền sâu rộngtới VC vàNH. Trạm Y tế là đầu mối, thường xuyên cung cấp một số thuốc cơ bản như: oresol, biseptol, paracetamol, cloraminB, NaCl 0,9%, nước rửa tay sát khuẩn, để kịp thời ứng phó với các dịch bệnh.Đối với công tác quản lý và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Nhà ăn, Trường thường xuyên lưu mẫu nấu ăn hằng ngày, được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong 5 năm qua, Nhà ăn của Trường không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đối với GV và NH [[H9.09.05.04].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.04/)

Về vấn đề an toàn: công tác an ninh trật tự luôn được Trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Trường tại các cơ sở có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết Hằng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và VC, GV. Trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Bến Thủy và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường. Đội ngũ bảo vệ, ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm các đồng chí do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các sinh viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [[H9.09.05.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.05/)

Nhà trường kết hợp với Công an Thành phố Vinh trong công tác bảo đảm an ninh, vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, Thành phố góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Công tác phòng cháy, chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ, tổ chức các hoạt động PCCC, tuyên truyền công tác PCCC cho VC, quản lý các trang thiết bị PCCC và các hoạt động PCCC của đơn vị, xây dựng phương án PCCC, chuẩn bị lực lượng và phương tiện chữa cháy, dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hằng năm. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [[H9.09.05.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.05/)

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [[H9.09.05.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%209/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%209.5/H9.09.05.06/)

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985). Nhà trường quan tâm chặt chẽ đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đã được xác định rõ ràng và có các hoạt động triển khai, trong đó bao gồm nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*3. Điểm tồn tại*

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,** **người thực** **hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 11 | Khắc phục điểm tồn tại | Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. | TT DV, HTSV&QHDN | Hằng năm |
| 22 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe. | Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

**Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Trường Đại học Vinh có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đầy đủ trang thiết bị phù hợp, hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm hiện đại, về cơ bản đáp ứng đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho người học và giảng viên ngành SPVL, cho phép GV và SV ngành SPVL thuận lợi tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống phòng học thực hành, thí nghiệm cho ngành SPVL được xây dựng hiện đại; có nhiều máy móc, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được đầu tư đồng bộ, hiện đại, và được duy tu sửa chữa, cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và NCKH của cán bộ GV và SV. Nhà trường quan tâm chặt chẽ đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có Trạm y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

*Những điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Bên cạnh các điểm mạnh, vẫn còn một số hạn chế, đó là: số lượng các tạp chí ISI, Scopus ở thư viện chưa nhiều, đường truyền mạng internet chưa đủ nhanh tại một số thời điểm đăng ký học.

**Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

**Mở đầu**

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Không ngừng nâng cao chất lượng được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất mà Nhà trường, Khoa/viện cũng như các ngành đào tạo cần chú trọng. Để bảo đảm cho SV ngành SPVL đạt được CĐR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, ngành SPVL phối hợp chặt chẽ với Nhà trường, Khoa/Viện thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ, có hệ thống. Từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, trong đó có giao nhiệm vụ quy định rõ quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan: Trường đã giao Trung tâm ĐBCL chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan (tùy từng đối tượng khảo sát) như: Các Khoa/Viện đào tạo; Phòng đào tạo; Trung tâm DV, HTSV&QHDN; Phòng CTCT&HSSV; Viện NC&ĐTTT và các đơn vị có liên quan khác để thực hiện thiết kế quy trình, nội dung và tổ chức thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (*trong đó có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực các bên liên quan*) khi thiết kế và phát triển CTDH [[H10.10.01.01].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.01/) Nhà trường có quy định/quy trình về việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH được ban hành trong: Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT (trong đó có quy trình khảo sát các bên liên quan) [[H10.10.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.02/)]. Ngoài ra việc khảo sát các biên liên quan còn được quy định trong: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh (*Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/201*6); Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh (*Số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022*) [[H10.10.01.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.03/)]. Bộ công cụ khảo sát bao gồm: (i) Bộ phiếu khảo sát; (ii) nội dung khảo sát; (iii) Đối tượng khảo sát: NH, cựu NH, nhà tuyển dụng, GV, các chuyên gia và CB quản lý phục vụ cho xây dựng và phát triển CTDH; (iv) Hình thức khảo sát: thông qua phần mềm khảo sát trực tuyến, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, tọa đàm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; thảo luận nhóm gửi phiếu khảo sát trực tiếp, thông qua các báo cáo của các đơn vị liên quan và Khoa SPVL [[H10.10.01.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.04/)].

*Các quy trình thiết kế và phát triển CTDH bao gồm:*

Quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, Quy trình xây dựng CĐR, Quy trình xây dựng CTĐT, Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT, Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT. Theo Quy trình, *việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi để xây dựng CĐR và CTĐT/CTDH* được xác định với các bước: Thành lập tổ soạn thảo xây dựng CĐR/CTĐT; Xây dựng dự thảo CĐR/CTĐT; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan; Hoàn thiện Dự thảo CĐR/CTĐT; Hoàn thiện phê duyệt và công bố CĐR/CTĐT. Trong đó có bước 3 là tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan. Ở bước này tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan (có tham khảo mẫu phiếu khảo sát ở phần phụ lục).

2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR/CTĐT.

3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:

- Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.

- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.

- Xử lý số liệu khảo sát.

Để tổ chức và triển khai thực hiện việc khảo sát, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát theo các hướng dẫn với các nội dung: Xác định mục đích của cuộc khảo sát, trong đó mục đích của từng loại; xác định phạm vi và đối tượng khảo sát; yêu cầu của việc khảo sát; công cụ khảo sát; tài liệu viện dẫn; nội dung khảo sát; quy trình với từng khảo sát. Công cụ khảo sát được xây dựng và được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm [[H10.10.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.05/)] [[H10.10.01.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.06/)

Sau khi kết thúc một khóa học, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngànhSPVL từ người học sau khi tốt nghiệp và các bên liên quan[H10.10.01.07]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lí và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, cách thức tổ chức đào tạo và đào tạo SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. Hoạt động lấy phản hồi được tiến hành qua hệ thống Phiếu khảo sát online (đối với SV đang học) và qua kênh liên lạc của cựu người học, hệ thống email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV) [[H10.10. 01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.07/)]**.** Trong giai đoạn 2019 - 2024, những thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã thu thập từ các kênh kể trên được Trường/ Khoa/ Viện triển khai xử lý và sử dụng để thiết kế phát triển CTDH của ngành SPVL 3 lần (các năm 2017, 2019, 2021). Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ các bên liên quan, nhà trưởng, Khoa/viện đã triển khai xử lý và làm công tác báo cáo xử lý số liệu điều tra, tổng hợp ý kiến. Những thông tin, ý kiến phản hồi trên được Nhà trường, Khoa/viện thẩm định, phân tích và sử dụng làm kênh tham khảo trong việc rà soát, ban hành chủ trương về điều chỉnh, thẩm định CTĐT, CTDH [[H10.10. 01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.08/)]. CTĐT năm 2017 được xây dựng theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kĩ năng mới, hiện đại theo định hướng phát triển năng lực người học, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng khung CTĐT theo tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay, trên cơ sở thực tiễn giảng dạy, chương trình đào tạo của ngành SPVL được rà soát hàng năm, năm 2019 thực hiện điều chỉnh một số môn học và cụ thể hoá Bản mô tả CTĐT [[H10.10. 01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.08/)]. Sau khi chương trình đào tạo SPVL theo hướng tiếp cận CDIO được triển khai trọn 1 vòng đời (4 năm) đối với khóa 58, trên cơ sở rà soát hằng năm, khung chương trình SPVL đã được tổng rà soát, đối sánh, chỉnh sửa nhằm xây dựng chương trình đào tạo ngành SPVL hiện đại, Khoa học, có khả năng phát triển và thích ứng cao theo hướng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của Nhà trường, phù hợp với bối cảnh mới. Trong lần điều chỉnh năm 2021, làm lại chương trình theo hướng giảm các học phần ngành, tăng số học phần chuyên ngành [[H10.10.01.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.09/)].

Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0, trong đó có hướng dẫn cụ thể về xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng CĐR, xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR, thiết kế đề cương chi tiết học phần, xây dựng các rubric đánh giá người học theo CĐR,…Trên cơ sở đó, hiện nay Khoa Vật lý đang rà soát và cải tiến CTDH ngành SPVL theo quy định và hướng dẫn mới ban hành [[H10.10.01.10].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.1/H10.10.01.10/)

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các quy trình và biểu mẫu khảo sát luôn được cải tiến giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, Khoa học và tin cậy làm căn cứ để Khoa thiết kế và phát triển CTĐT.

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ đầy đủ các BLQ (sinh viên, cựu sinh viên, NTD, GV, chuyên gia ngành) để phát triển CTĐT; công tác lưu trữ thông tin được thực hiện một cách hệ thống, tin học hóa, thuận tiện cho việc khai thác dữ liệu thu thập được; các quy trình, biểu mẫu khảo sát được cải tiến qua các năm nhằm giúp công tác thu thập thông tin phản hồi hiệu quả hơn.

Có tổng hợp và phân tích các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, đối sánh các CTDH, ý kiến đóng góp của các BLQ về CTDH, các kết quả thẩm định; có theo dõi tình trạng sửa đổi CĐR và CTDH.

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều kênh, các hình thức linh hoạt khác nhau. Nhà trường đã sử dụng các thông tin phản hồi hữu ích để xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù đã có mạng lưới kết nối với các trường phổ thông trong việc đào tạo SV ngành SPVL, tuy nhiên việc mở rộng địa bàn và tăng số lượng các trường phổ thông để việc tham vấn và lấy thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo và căn cứ để phát triển CTDH còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Mở rộng kết nối với các Sở giáo dục và đào tạo, các chuyên viên tại các Sở, giáo viên phổ thông cốt cán để trao đổi chuyên môn và tham vấn Chương trình | - Khoa Vật lý  - Phòng Đào tạo | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với với các cơ sở giáo dục phổ thông để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV.  Định kỳ theo kế hoạch tiếp tục đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.  Tổ chức hội nghị tham vấn các bên liên quan để có những cải tiến trong công tác phát triển CTDH, tổ chức đào tạo. | - CTCT-HSSV;  - TT DV, hỗ trợ SV và QHDN  - Khoa Vật lý | Hằng năm |

5. *Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.02]. Nhà trường bám sát Thông tư số: 07/2015/TT- Bộ GD&ĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [[H10.10.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.01/)]. Từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế... Nhà trường ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ; Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTĐT; Kiểm tra đánh giá; Công tác đảm bảo chất lượng. CTDH ngành SPVL được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTĐT được thiết lập căn cứ vào CĐR ngành SPVL, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [[H10.10.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.02/)] [[H10.10.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.03/)] [[H10.10.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.04/)].

Từ năm 2017, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành SPVL được rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cải tiến thường xuyên theo từng khóa học, cụ thể vào các năm 2017, 2019, 2021 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức các buổi tập huấn chi tiết để phổ biến và hướng dẫn quy trình xây dựng và phát triển CTDH/CTĐT theo tiêu chuẩn mới phù hợp với xu thế. Sau đó, trường triển khai cho các đơn vị liên quan thực hiện [[H10.10.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.05/)]. Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ ngành SPVL (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) và được đưa vào giảng dạy, được rà soát định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường [H10.10.02.02]. Việc xây dựng ĐCCT các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn. Việc xây dựng ĐCCT được thực hiện thông qua các đề tài trọng điểm cấp trường từ năm 2019-2024 [[H10.10.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.06/)]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT thì việc xin ý kiến đóng góp của phản hồi từ các bên liên quan, phân tích và lựa chọn dữ liệu, đề xuất thay đổi và lấy ý kiến chuyên gia được thực hiện [[H10.10.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.07/)].

Để thiết kế một CTDH mới và rà soát, phát triển CTDH đó khi vận hành trong quá trình đào tạo một cách đồng bộ, có kiểm soát. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (*số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019*), gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển [[H10.10.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.02/)]. Theo đó, *quy trình thiết kế* CTDH/CTĐT gồm 7 bước và *quy trình phát triển* CTDH gồm 5 bước.

1. *Quy trình xây dựng (quy trình thiết kế) CTDH/CTĐT gồm 7 bước như sau:*

**Bước 1:** Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CĐR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....)

**Bước 2:** Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1

**Bước 3:** Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

**Bước 4:** Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất

**Bước 5:** Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 6:** Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 7:** Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT

*(2) Quy trình phát triển CTDH/CTĐT gồm 5 bước sau:*

**Bước 1:** Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT

**Bước 2:** Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT

**Bước 3:** Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CĐR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy…)

**Bước 4:** Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng Khoa học và đào tạo xem xét thông qua

**Bước 5:** Hội đồng Khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT có quy định yêu cầu về việc rà soát nội dung chương trình. Trước năm 2019, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CĐR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa Vật lý. Do vậy, việc rà soát quy trình cũng mới chỉ thực hiện qua các cuộc họp của Nhà trường và Khoa Vật lý. Quy trình chính thức mới được xây được ban hành vào năm 2019 nên việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện rà soát, đánh giá sẽ được thực hiện vào định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường vào các năm tiếp theo. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT và các biểu mẫu đính kèm luôn được rà soát và đánh giá.

*Thực hiện rà soát và đánh giá quy trình:* Hàng năm, Nhà trường thông báo cho các đơn vị về việc cập nhật các quy trình nghiệp vụ, các biểu mẫu cho phù hợp. Trong đó, Quy trìnhXây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR cũng được rà soát, cập nhật. Các đơn vị lập sổ theo dõi sửa đổi tài liệu, hồ sơ để nhận biết phiên bản mới nhất đang được sử dụng.

*Rà soát và đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH:* CTDH năm 2017 ngành SPVL khi được ban hành, Nhà trường và Khoa Vật lý tiến hành rà soát và đánh giá từng năm (để có những cải tiến nhỏ) và chu kỳ 2 năm (để có những cập nhật, cải tiến lớn). Việc rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp chuyên môn của tổ bộ môn, của Khoa và giao ban đào tạo của Nhà trường; qua trao đổi qua email, qua các cuộc đối thoại của Khoa với NH, cựu NH và nhà tuyển dụng,… [[H10.10.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.07/)]. Sau đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị rà soát, cập nhật CTDH/CTĐT [[H10.10.02.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.05/)

*Sau khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường và Khoa thực hiện cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.*

*Cải tiến quy trình:* Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban ban hành CTĐT và các biểu mẫu đính kèm được cải tiến định kỳ cho phù hợp với các văn bản pháp quy được ban hành mới của Bộ GD&ĐT và phù hợp với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT. Qua quá trìnhrà soátquy trình và biểu mẫu, Nhà trường đã có những điều chỉnh cải tiến quy trình. Trước năm 2019, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CĐR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa Vật lý. Năm 2019, việc cải tiến quy trình đã được thể hiện qua việc Nhà trường đã chính thức ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (*số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019*) [[H10.10.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.02/)], trong đó có CTDH được chuẩn hóa giúp cho Khoa chủ động hơn trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

Năm 2023, Nhà trường đã rà soát lại quy trình xây dựng CTĐT và có cải tiến lại quy trình được quy định trong ***Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0*** (*Số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023*) [H10.10.02.08], trong đó các quy trình hướng dẫn các bước cụ thể, chi tiết hơn:

+ Xây dựng mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, với mục tiêu giáo dục đại học (3 bước).

+ Xây dựng CĐR phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, phù hợp với mục tiêu củaCTĐT và được đối sánh với đề cương CDIO, đối sánh với khung năng lực quốc gia 1982 và chuẩn nghề nghiệp (nếu có) và (gồm 7 bước) thể hiện mức độ quan trọng trong việc xây dựng CĐR để làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH.

+ Xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

+ Xây dựng bảng phân nhiệm cho PLO cho các CLO của học phần được thiết kế chi tiết hơn đến các CLO của từng chương trong học phần.

+ Thiết kế đề cương chi tiết học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class).

+ Xây dựng các rubric đánh giá người học theo CĐR và được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và *điểm năng lực* của CĐR [[H10.10.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.08/)].

Trên cơ sở quy trình đã được ban hành. Từ năm 2021 đến nay, Nhà trường tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CĐR chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiếp cận CDIO [[H10.10.02.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.09/)

*Cải tiến CTDH:*

(i) Kể từ năm 2017, Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPVL của Trường Đại học Vinh (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*), rà soát năm 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019)* và cập nhật hoàn thiện vào năm 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*), trong đó đã có những cập nhật thay đổi như đã ***mô tả ở tiêu chí 10.1***. So với phiên bản năm 2017, 2019, thì năm 2021 ngành SPVL thay đổi một số môn học, tăng một số môn thực tập, kỹ năng mềm, bổ sung một số học phần dự án. Năm 2021, CĐR đã được rút gọn theo hướng tinh lọc so với năm 2017, 2019, Bảng phân nhiệm cho PLO cho các học phần được thiết kế chi tiết hơn đến từng chương trong học phần.

(ii) Việc cập nhật định kỳ hàng năm: Tất cả các CTĐT và CĐR, các ĐCCT môn học, các kế hoạch giảng dạy ngành SPVL được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được định kỳ bổ sung hàng năm với các điều chỉnh nhỏ (điều chỉnh chương, mục; cập nhật nội dung mới thay cho những nội dung không còn phù hợp, ...).

(iii) điều chỉnh giữa kỳ, CTĐT ngành SPVL được bổ sung, điều chỉnh cập nhật theo định kỳ, phù hợp với hướng dẫn chung của Nhà trường, mỗi lần điều chỉnh đều tính đến các yếu tố như: cập nhật có kế thừa, thay đổi theo quy trình mà không làm xáo trộn đến lựa chọn HP của NH. HP thay thế hoặc bổ sung phải có sự tương thích với những HP trong chương trình nhằm đảm bảo quyền lợi cho NH [[H10.10.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.02/)] [[H10.10.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.03/)] [[H10.10.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.04/)].

Sự cải tiến CTDH trình độ đại học ngành SPVL được thể hiện qua bảng đối sánh CTDH giữa các năm 2017, 2019, 2021 [[H10.10.02.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.10/)]. Khoa Vật lý đã cập nhật những thay đổi và thông báo phiên bản mới trên website của Khoa và của Nhà trường [[H10.10.02.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.2/H10.10.02.11/)].

Khoa Vật lý đã thực hiện cải tiến CTDH, đã có những hiệu chỉnh, cập nhật liên tục theo yêu cầu của xã hội và có tham khảo các CTĐT tiên tiến. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT trình độ đại học của ngành SPVL và áp dụng từ các khóa năm 2017, 2019, 2021 cho đến nay mang tính hợp lý, phù hợp hơn với yêu cầu của các bên liên quan và với CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học.

*2. Điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên ngành SPVL của Nhà trường giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao, có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực của mình. CTDH xây dựng theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV, giúp họ tích luỹ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để thích nghi và thành công trong môi trường công việc thực tế sau này. Do đó, CTDH được thiết kế với sự đổi mới liên tục, theo kịp xu hướng và yêu cầu của thị trường lao động.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được Nhà trường thực hiện một cách bài bản, tiếp cận mô hình tiên tiến của thế giới (đặc biệt là chương trình theo CDIO). CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

*3. Điểm tồn tại*

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa đa dạng.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Cần đa dạng đối tượng và hình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Tăng cường các kênh khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, tăng số lượng và chọn lọc đối tượng khảo sát nhằm tăng hiệu quả của các phiếu khảo sát. | Đào tạo  Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT ngành SPVL. | Nhà trường Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR. Cụ thể, Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 1262/QĐ-ĐHV Ngày 13/11/2017*), Quy định đào tạo trình độ đại học (*Số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*), Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (*Số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*), Quy định về hình thức tổ chức dạy và học trường đại học Vinh *(Số 3091/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2023)*… [[H10.10.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.01/)]. Quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá người học và giảng viên phải thực hiện [[H10.10.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.02/)]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá việc đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá theo hướng hình thành và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu cho người học nên các tiêu chí trưng cầu ý kiến người học tập trung đánh giá việc áp dụng các PPGD tích cực, các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện đại theo tiếp cận đánh giá quá trình. Đồng thời nhằm kiểm tra mức độ phù hợp và tương thích với CĐR của CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, Sinh viên năm cuối ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện tự đánh giá để kiểm tra năng lực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo CĐR [[H10.10.03.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.02/)]. Để đánh giá quá trình dạy học của giảng viên cũng như quá trình học tập của người học trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường Đại học Vinh cũng đã sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo như: Phần mềm kê khai khối lượng giảng dạy ở công thông tin cán bộ, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lí người học (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học) [[H10.10. 03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.03/)]. Việc giám sát hoạt động dạy và học về mặt giờ giấc và tiến độ dạy học được Nhà trường giao cho Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện dựa vào việc sử dụng phần mềm Hệ thống giám sát giảng dạy và kế hoạch thanh tra hàng năm [[H10.10.03.04]**.**](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.04/) Ngoài ra, còn có sự hỗ trợ của hệ thống camera được lắp đặt trong tất cả các phòng học, các phòng thí nghiệm thực hành đã hỗ trợ tích cực cho việc giám sát hoạt động dạy học đang diễn ra trong lớp [[H10.10.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.05/)]. Kết quả học tập, sự tiến bộ của người học còn được giám sát bởi bộ phận cán bộ quản lý sinh viên và gia đình sinh viên thông qua việc gửi email kết quả học tập cho gia đình người học hằng năm [[H10.10.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.06/)].

Thực hiện quy định trên, trong quá trình đào tạo, Nhà trường, Khoa và các phòng ban liên quan triển khai rà soát đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự và phù hợp với CĐR. Quá trình dạy học và các quy định về kiểm tra đánh giá được Nhà trường, Khoa rất quan tâm và chú trọng triển khai. Mỗi học kỳ, Khoa thường tổ chức các cuộc họp liên tịch giữa Ban lãnh đạo Khoa, Trưởng Bộ môn, Quản lí học sinh SV, Trợ lí Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV để kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [[H10.10. 03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.07/)]. Các bộ môn đã triển khai tổ chức các buổi dự giờ, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần khác nhằm góp ý kiến xây dựng, trao đổi về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV. Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội thi giảng viên dạy giỏi cho GV để nâng cao chất lượng giảng viên trong toàn trường [[H10.10. 03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.08/)]. Sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các Khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, ra đề kiểm tra, thi [[H10.10.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.09/)]. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, Phòng thanh tra, Khoa lên kế hoạch cụ thể và triển khai tổ chức thường quy công tác thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động tổ chức, dạy học, kiểm tra đánh giá... và có báo cáo kết luận cụ thể [[H10.10.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.10/)]. Điểm thi được công bố công khai trên Website của Phòng Đào tạo, hệ thống E-learning, vì vậy mọi sai sót đều được sinh viên phát hiện kịp thời[[H10.10.03.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.11/)]. BGH đã ban hành chính sách về điều chỉnh điểm: hạn chế sửa điểm quá trình, mọi sự thay đổi điểm quá trình phải trình BGH phê duyệt, … Tất cả GV đều phải công bố điểm quá trình cho sinh viên biết vào buổi học cuối việc này đã giúp cho Nhà trường rà soát chặt chẽ tính chính xác, công bằng các kết quả kiểm tra và thi [[H10.10.03.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.12/)]. Giai đoạn 2019-2024, để đo lường mức độ đạt CĐR của NH, Nhà trường đã thiết kế lại các Quy trình xây dựng và công bố CĐR; Quy trình xây dựng và ban ban hành CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT (đối với ngành xây dựng mới); Quy trình tổ chức, cập nhật và đánh giá, phát triển CTĐT [[H10.10.03.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.13/)].

Hằng năm, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động KTĐG. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành SPVL đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao. Kết quả phân tích các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy được sử dụng làm căn cứ cho việc cải tiến quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập [[H10.10.03.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.3/H10.10.03.14/)].

*2. Điểm mạnh*

Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá thực hiện đa dạng, linh hoạt, sử dụng công nghệ.

*3. Điểm tồn tại*

Việc triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH chưa được thực hiện một cách đồng bộ.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH một cách đồng bộ hơn. để từ đó có biện pháp kiểm soát và cải tiến kịp thời. | Trung tâm ĐBCCL;  Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại, tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực. | Nhà trường; Khoa Vật lý | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá: Đạt (Mức* 5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu Khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong những năm qua Nhà trường và Khoa rất chú trọng đến hoạt động NCKH và đây là hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Đại học Vinh. Nhà trường và Khoa có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và SV [[H10.10.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.01/)]. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [[H10.10.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.02/)]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo Khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn trường [[H10.10.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.03/)].

Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành nghiên cứu các đề tài khoa học, hoạt động này giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên kiến thức chuyên sâu mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. Đội ngũ cán bộ Khoa/ ngành đã tiến hành NCKH theo 4 nhóm: Một là các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Trường trọng điểm về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; hai là các sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình phục vụ đào tạo; ba là các bài báo khoa học về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục trong lĩnh vực vật lí học; bốn là tổ chức các hội thảo khoa học. Bên cạnh đó, GV Khoa Vật lí luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng của quá trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội nghị SV nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm năng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước [[H10.10.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.04/)] [[H10.10.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.05/)].

Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa/Viện và của Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành ngày càng nhiều [[H10.10.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.05/)]. Số lượng và các loại hình nghiên cứu của GV trong 5 năm học vừa qua thống kê cụ thể như sau:

*Bảng 10.4.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học  
công nghệ của đơn vị thực hiện CTÐT được nghiệm thu trong 5 nãm gần*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phân loại đề tài | Hệ  số\*\* | Số lượng | | | | | | |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | Tổng (đã quy đổi) |
| (1) | (2) | (3) | (6) | (7) | (8) | (9) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2.0 |  |  | 2 | 3 |  |  | 10 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1.0 | 1 |  |  | 3 |  |  | 4 |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0.5 | 3 | 2 |  | 1 |  |  | 6 |
| 4 | Tổng |  |  |  |  |  |  |  | 20 |

Tổng số đề tài quy đổi: 20

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

*Bảng 10.4.2: Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT   
được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:*

| TT | Phân loại tạp chí | Hệ  số | Số lượng | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | Tổng (đã quy đổi) |
| 1 | Tạp chí khoa học quốc tế | 1.5 | 23 | 35 | 33 | 14 |  |  | 207 |
| 2 | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1.0 | 14 | 12 | 15 | 8 |  |  | 67 |
| 3 | Tạp chí / tập san của cấp trường | 0.5 | 4 | 5 | 8 | 2 |  |  | 13 |
|  | Tổng |  | 41 | 52 | 56 | 24 |  |  | **287** |

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 287

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

*Bảng 10.4.3: Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phân loại hội thảo | Hệ  số | Số lượng | | | | | | |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | Tổng (đã quy đổi) |
| 1 | Hội thảo quốc tế | 1.0 | 10 | 0 | 10 | 3 |  |  | 30 |
| 2 | Hội thảo trong nước | 0.5 | 0 | 0 | 2 | 3 |  |  | 2.5 |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0.25 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  | 0 |
| 4 | Tổng |  | 10 | 0 | 12 | 6 |  |  | 32.5 |

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 32.5

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm ví dụ minh họa cho SV trong quá trình học tập, nghiên cứu. Đề tài NCKH trọng điểm cấp Trường chuyển thể thành chương trình đào tạo tạo SPVL theo tiếp cận CDIO từ khoá 58- 62; các đề tài trọng điểm cấp Trường 2017-2019 được áp dụng thành CTDH của tất cả các học phần do khoa đảm nhận. Các sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình phục vụ đã công bố được chuyển thành tài liệu tham khảo cho các môn học. Các bài báo khoa học về lĩnh vực VL, khoa học giáo dục trong dạy học VL, nội dung trong các hội thảo khoa học cũng được giảng viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong giảng dạy [[H10.10.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.06/)].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, hướng dẫn SV NCKH) [[H10.10.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.07/)].

Khoa Vật lí đã tổ chức hội thảo, mời chủ biên chương trình môn vật lí chia sẻ về điểm mới và kế hoạch tổ chức thực hiện. Ngành Vật lí cũng đã phối hợp với Hội Vật lí Nghệ An tổ chức hội thảo khoa học về Đổi mới dạy học Vật lí ở Trường phổ thông theo định hướng tiếp cận năng lực, có rất nhiều giảng viên Khoa Vật lí tham gia viết bài và báo cáo tại hội thảo. Ngoài ra, một số giảng viên Khoa Vật lí đã tham gia Hội thảo Quốc tế, Hội thảo quốc gia về khoa học cơ bản và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [[H10.10.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.07/)].

Hằng năm, Nhà trường thông báo về việc đề xuất đề tài NCKH của SV để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia đăng ký [[H10.10.04.08].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.08/) Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành SPVL thuộc các lĩnh vực chuyên môn đào tạo như Quang học - Quang phổ; Phương pháp dạy học VL; kiểm tra đánh giá. Để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, vận dụng được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lí giải các vấn đề lí luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH của SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng khoa học và đào tạo khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH SV do Nhà trường tổ chức. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH của SV, Nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Các đề tài của Khoa/Viện trong 5 năm gần đây thường đạt giải trong hội nghị NCKH SV toàn trường [[H10.10.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.4/H10.10.04.09/)].

Hội nghị tổng kết hoạt động SV NCKH đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với GV và SV cũng như sự đóng góp của nó vào việc dạy và học, làm động lực để thúc đẩy hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH*.* Thành tích NCKH của SV được thống kê qua các bảng sau:

*Bảng 10.4.4. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT  
tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng đề tài** | **Số lượng người học tham gia** | | | **Ghi chú** |
| Đề tài  cấp NN | Đề tài  cấp Bộ\* | Đề tài  cấp trường |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 1 | 24 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 2 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số người học tham gia | 0 | 1 | 26 |  |

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

*Bảng 10.4.5. Thành tích NCKH của SV  
(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo,  
công trình được công bố)*

| TT | Thành tích NCKH | Số lượng | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
| 1 | Số giải thưởng NCKH, sáng tạo | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |
| 2 | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 3 | 2 | 2 | 3 |  |  |

*2. Điểm mạnh*

Khoa Vật lí có đội ngũ GV có năng lực và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học; có cơ chế khuyến khích GV cũng như SV tham gia NCKH.

Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp giảng viên có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để SV dễ hiểu và nắm bắt kiến thức.

*3. Điểm tồn tại*

Số SV có đề tài tham gia hoạt động SV NCKH cấp Bộ còn ít.

*4. Kế hoạch hành động*

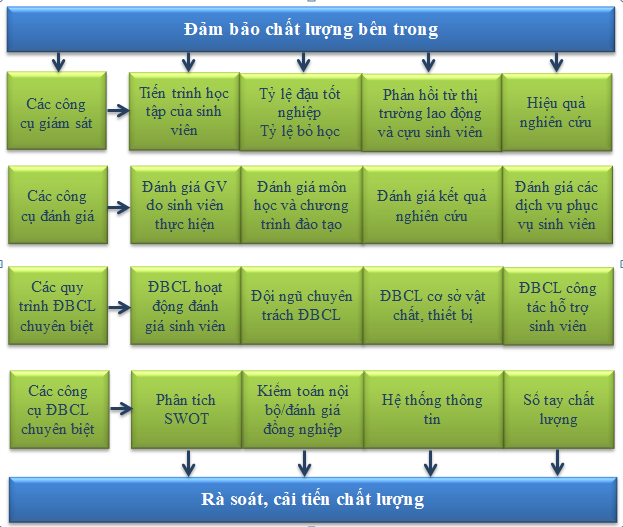
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Tăng cường hoạt động NCKH của SV, động viên SV tham gia giải thưởng SV NCKH cấp Bộ | Khoa Vật lý  KH& HTQT | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục xây dựng cơ chế khuyến khích CBGD tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, lựa chọn các đề tài có ý nghĩa khoa học và kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập | KH &HTQT Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Hệ thống ĐBCL nội bộ (IQA) của Đại học Vinh được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Qua Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh được *thể hiện qua hình 10.5.1* dưới đây cho thấy, công cụ đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Đại học Vinh được thực hiện bởi các đơn vị chức năng đối với từng mảng hoạt động với các quy định, quy trình rõ ràng và được phân nhiệm rõ trong văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [[H10.10.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.01/)].

****

*Hình 10.5.1.* *Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh*

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như Quy định về hoạt động ĐBCL chất lượng giáo dục [[H10.10.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.02/)], Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [[H10.10.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.03/)], các kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, các quy trình ISO, Sổ tay Đảm bảo chất lượng [[H10.10.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.04/)], các Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [[H10.10.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.01/)], … Nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành SPVL đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu người học, phù hợp với thực tiễn của xã hội. Nhà trường có quy định rõ ràng về việc đánh giá các dịch vụ hỗ và tiện ích tại thư viện, hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ tiện ích khác nhằm hỗ trợ tốt công tác giảng dạy, học tập và NCKH tại trường ĐH Vinh [[H10.10.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.01/)].

Hằng năm, trường tổ chức việc đánh giá, thăm dò ý kiến mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của Trung tâm thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, trợ lí trực tuyến, cố vấn học tập, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể ... Định kỳ hàng năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng làm đầu mối phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV tiến hành lập kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa/Viện về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [[H10.10.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.05/)]. Tùy vào từng nội dung mà các đơn vị liên quan triển khai các kế hoạch khảo sát theo phân công nhiệm vụ [[H10.10.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.06/)]. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. Nhìn chung, SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích phục vụ cho việc học, nghiên cứu [[H10.10.05.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.03/)].

Tất cả các đơn vị trong toàn trường (trong đó có thư viện, các Khoa/Viện, Trung tâm công nghệ thông tin, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐT,…) đều triển khai thực hiện theo quy định và kế hoạch đề ra việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác NH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …) trong xây dựng kế hoạch công tác năm học của đơn vị mình trong đầu mỗi năm học và tự đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học vào cuối năm học [[H10.10.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.07/)].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bởi Trung tâm ĐBCL, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐT,…, và các đơn vị có liên quan:

- Thông qua việc lấy ý kiến NH và CB-GV-NV như: (1) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (2) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (3) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ , (4) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (5) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (6) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (7) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh…, trong đó có các nội dung về công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH (*tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …*); về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng;  về cơ sở vật chất Nhà trường như thư viện, phòng TN/TH, công nghệ thông tin,... [[H10.10.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.08/)].

- Hàng năm, Phòng QT&ĐT thực hiện việc kiểm kê tài sản để đánh giá chất lượng các thiết bị và cơ sở vật chất có đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường, trên cơ sở đó để có phương án sửa chữa, cải tạo và thay thế trang thiết bị phục vụ cán bộ, giảng viên và NH [[H10.10.05.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.09/)].

- Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng triển khai thống kê, tổng hợp đánh giá kết quả ý kiến bạn đọc để có phương án bổ sung học liệu và cải tiến hoạt động hỗ trợ cho người đọc [[H10.10.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.10/)].

- Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường còn thực hiện tự đánh giá CSGD và các chương trình đào tạo theo kế hoạch và mời các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về đánh giá ngoài để kiểm định, đánh giá hệ thống chất lượng Nhà trường, trong báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài có đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ NH [[H10.10.05.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.11/)].

- Phòng Thanh tra - Pháp chếhàng ngày giám sát, đánh giá các hoạt động dạy học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Tất cả các bất thường đều được ghi nhận và xử lý kịp thời [[H10.10.05.12].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.12/)

- Ngoài ra, việc đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ còn được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau:tiếp nhận góp ý qua điện thoại, email, facebook, qua các cuộc họp giao ban (giao ban Nhà trường, giao ban Khoa,…), qua đối thoại giữa Hiệu trưởng và NH, Hội nghị dân chủ SV, Hội nghị công chức, viên chức …. Ngoài ra, tại mỗi đơn vị chức năng đều có bộ phận trực kỹ thuật mỗi ngày và tại mỗi phòng học đều có số điện thoại của bộ phận này và lãnh đạo Phòng QT&ĐT tiếp nhận những ý kiến phản ánh của GV, sinh viên về những bất thường về CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ kịp thời [[H10.10.05.13](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.13/)].

Ở Khoa Vật lý, việc hỗ trợ NH cũng được thực hiện bởi cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm. Lịch sinh hoạt lớp và gặp gỡ sinh viên sẽ do Khoa phối hợp với Phòng ĐT tổ chức. Trong buổi sinh hoạt lớp, GV sẽ tham dự, thông báo các thông tin cần thiết, ghi nhận những phản ánh, đóng góp ý kiến của sinh viên về tất cả các vấn đề như học tập, cơ sở vật chất, các vướng mắc… GV sẽ ghi nhận tất cả trong biên bản sinh hoạt lớp và gửi về Khoa, Phòng ĐT. GV hướng dẫn giữ liên lạc thường xuyên với ban cán sự lớp nhằm phát hiện và ghi nhận kịp thời tất cả những tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, đề xuất các giải pháp với lãnh đạo Khoa, nhà trường. Từ đó có thể góp phần giúp sinh viên yên tâm học tập, nỗ lực rèn luyện bản thân [[H10.10.05.14](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.14/)] [[H10.10.05.15](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.15/)].

Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Trung tâm CNTT, Phòng CTSV-HSSV, Phòng ĐT, Phòng QT&ĐT, Đoàn Thanh niên, ... đều phải thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ như nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin [[H10.10.05.16](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.16/)], bổ sung nguồn học liệu thư viện [[H10.10.05.17](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.17/)],.... Sau mỗi đợt đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài của các Trung tâm Kiểm định giáo dục, Nhà trường và các đơn vị đã thực hiện đánh giá đều xây dựng kế hoạch khắc phục, cải tiến theo khuyến cáo của các đoàn đánh giá ngoài [[H10.10.05.18](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.5/H10.10.05.18/)].

*2. Điểm mạnh*

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hằng năm theo một quy trình thống nhất của Trường ĐH Vinh; Nhà trường có các kênh phản hồi thông tin đa dạng và nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho SV.

*3. Điểm tồn tại*

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích đào tạo chưa được tập hợp theo hệ thống.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống | - ĐBCL  - Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) | - ĐBCL  - Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Đảm bảo chất lượng là sự cải tiến liên tục, có hệ thống, có cấu trúc đến chất lượngtrong việc duy trì và nâng cao chất lượng. Hệ thống đảm bảo chất lượng bao gồm 02 yếutố: Đảm bảo chất lượng bên ngoài là đề cập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được vậnhành bởi các tổ chức ở bên ngoài các cơ sở giáo dục; Đảm bảo chất lượng bên trong đềcập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành bởi chính các cơ sở giáodục đại học. Nói cách khác, cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò chính trong hệ thống đảmbảo chất lượng bên trong. Nhưng để đảm bảo chất lượng, một trong những đòi hỏi quantrọng là trường đại học phải xây dựng và phát triển một hệ thống đảm bảo chất lượng bêntrong (Internal Quality Assurance: IQA). Hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong trường. Mọi hoạt động ĐBCL trong Nhà trường đều được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống ĐBCL bên trong. Toàn bộ sự tương tác các quá trình chính trong hệ thống ĐBCL bên trong của Trường Đại học Vinh (***thể hiện qua hình 10.5.1 ở tiêu chí 10.5***) cho thấy hệ thống thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của Nhà trường được thực hiện theo đúng trình tự và khoa học.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Nhà trường đã giao choTrung tâm Đảm bảo chất lượng thực hiện điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng tham mưu cho Nhà trường thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Đồng thời, Trung tâm tham mưu cho Nhà trường xây dựng và thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan thông qua các hìnhthức khảo sát cụ thể. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục theo định kỳ đảm bảo tínhhệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường*.* Bên cạnh TT.ĐBCL là đơn vị đầu mối, Phòng CTCT&HSSV, Phòng đào tạo, Phòng ĐT SĐH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT,… cũng là các đơn vị chịu trách nhiệm chính lấy ý kiến các bên liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát [[H10.10.06.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.01/)]. Ngoài ra, Nhà trường còn có một hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được thành lập là Hội đồng ĐBCL với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và mạng lưới ĐBCL là các thành viên phụ trách công tác ĐBCL ở các đơn vị. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và các đơn vị chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan[[H10.10.06.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.02/)]

Nhà trường ban hành quy định/quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng để khảo sát đánh giá và tư vấn cải tiến chất lượng dạy học, dịch vụ hỗ trợ [[H10.10.06.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.03/)] [[H10.10.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.05/)]. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục theo định kỳ đảm bảo tính hệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường.

*Đối với sinh viên*, vào đầu học kì/năm học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, trong đónội dung khảo sát được thể hiện qua các phiếu khảo sát như: (i) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (iii) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ, (iv) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (v) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (vi) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (vii) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh,…

*Đối với học viên cao học*, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về CTĐT và CĐR; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo sau đại học; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về học viên cao học tốt nghiệp và chương trình đào tạo [[H10.10.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.06/)].

*Ngoài ra, Nhà trường ban hành các quy trình khác như:*

Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT bao gồm: Quy trình xây dựng CĐR; Quy trình xây dựng CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT mới; Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT (*trong đó có nhiều biểu mẫu khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng, cập nhật và cải tiến CTĐT & CĐR*) [[H10.10.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.07/)].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được Khoa, các đơn vị liên quan và Nhà trường thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy, đối sánh được ý kiến của các bên liên quan để làm căn cứ cải tiến chất lượng. Các công cụ của từng khảo sát đều đã được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm.

*Các hình thức khảo sát đa dạng và có tính hệ thống được thể hiện như*: Khảo sát bằng phiếu hỏi giấy; Khảo sát trực tuyến qua phần mềm; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp giao ban, hội thảo, gặp mặt; các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Khoa, Trường với NH tại các hội thảo hội nghị; ngày gặp mặt cựu NH; các báo cáo tổng hợp tại các cuộc hội thảo, hội nghị với chuyên gia; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng tại ngày hội việc làm; các báo cáo khảo sát tại các cuộc thực tập của SV/HV thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; các báo cáo tổng hợp của các diễn đàn của SV/HV như: (*Hội nghị dân chủ sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và sinh viên; Hội nghị gặp mặt giữa Khoa và NH; Hội nghị công chức, viên chức,…)* [[H10.10.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.08/)]*;* qua các công văn lấy ý kiến cán bộ viên chức trong trường; Khảo sát gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý; ... Các công cụ sử dụng là bộ phiếu khảo sát và các phần mềm hỗ trợ, luôn có độ tin cậy cao. Trong những năm gần đây, Nhà trường và Khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị dân chủ sinh viên”, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên”, “Hội nghị CB trẻ” và “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng năm Nhà trường và Khoa/Viện thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn cơ, hiệu quả [[H10.10.06.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.08/)].

Hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan của từng đơn vị chức năng đều tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan theo quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị để cải tiến công việc. Ví dụ: Phòng CTCT&HSSV khảo sát NH về giảng viên và các hoạt động của Nhà trường; Thư viện tổ chức khảo sát ý kiến bạn đọc về nhu cầu nguồn học liệu; Trung tâm HTSV&QHDN khảo sát cựu NH về việc làm; Phòng đào tạo/Phòng ĐTSĐH khảo sát về CTĐT và CĐR dành cho sinh viên/học viên cao học; Trung tâm CNTT phối hợp với các đơn vị liên quan khảo sát hình thức trực tuyến … Các thông tin thu được, Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chủ trì xử lý, báo cáo và lưu trữ. Về công tác quản lý, Nhà trường đã phát triển cổng thông tin nội bộ. Tại đây CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của Nhà trường đến CB-GV-NV cũng như phản ảnh đóng góp ý kiến cho Khoa, Trường một cách nhanh nhất và chính xác nhất từ đó phục vụ tốt hơn trong công việc [[H10.10.06.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.09/)].

Ngoài ra, hệ thống ĐBCL của trường là một hệ thống mở, sẵn sàng lắng nghe và khuyến khích sự đóng góp ý kiến của tất cả các bên liên quan như NH, cựu NH, NTD, CB-GV-NV, các đối tác... Mọi hoạt động của trường đều nhằm đáp ứng và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan được thiết kế, kiểm soát từ nhiều góc nhìn khác nhau. Tùy từng trường hợp cụ thể, Nhà trường sử dụng phương pháp phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin…

Nội dung và kết quả thực hiện các đợt khảo sát bao gồm:

+ Mục đích khảo sát: Khảo sát chuyên gia/nhà sử dụng lao động/người học/cựu người học với mục tiêu nâng cao chất lượng CTĐT.

+ Đối tượng khảo sát: Tham gia khảo sát là chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên, học viên cao học, phụ huynh, học sinh.

+ Phạm vi khảo sát: Nhà sử dụng LĐ trong các DN, trường học,... chuyên gia trong từng lĩnh vực, sinh viên, học viên cao học đang học và cựu sinh viên/học viên…

+ Phương thức khảo sát: Phiếu khảo sát đưa ra các câu hỏi dạng thang đo, câu hỏi ngắn, câu hỏi nhiều lựa chọn…

+ Công cụ khảo sát là: Phiếu giấy, phần mềm quản lý online, khảo sát qua điện thoại,…

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường rà soát, đánh giá.Sau khi thực hiện các hoạt động khảo sát, Nhà trường đã xem xét, rà soát, đánh giá tính hiệu quả của cơ chế phản hồi từ việc tổ chức thực hiện đến hình thức, nội dung khảo sát nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy, có giá trị từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực hiện tiến hành tập hợp, xử lý, phân tích, tổng hợp và đánh giá sơ bộ trong các báo cáo về kết quả khảo sát bao gồm: Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và các hoạt động của Nhà trường; Báo cáo khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CĐR, CTDH (qua các hội thảo, hội nghị…); Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên/học viên cao học tốt nghiệp qua các năm,… Trên cơ sở các báo cáo đã được khảo sát [[H10.10.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.06/)], Tại các cuộc họp giao ban đào tạo, giao ban công tác và họp Khoa Giáo dục Quốc phòng, các ý kiến của các bên liên quan cũng được rà soát, căn cứ vào các dữ liệu của kết quả khảo sát, các đơn vị phân tích, đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Các số liệu thống kê về khảo sát qua các năm đã được các đơn vị chức năng tổng hợp và đăng trên trang Ioffice của Nhà trường.

Một số kết quả đánh giá chính trong cơ chế phản hồi:

+ Đối với sinh viên/học viên và cựu sinh viên/cựu học viên: Tỷ lệ phản hồi là tương đối cao. Tuy nhiên, một bộ phận SV/HV chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường. Các câu trả lời đánh giá của một số SV/HV còn chung chung, chưa cụ thể.

+ Đối với các chuyên gia: Ý kiến của các nhà khoa học rất quan trọng đối với việc điều chỉnh chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học tham gia lấy ý kiến khảo sát vẫn còn ít.

+ Đối với nhà sử dụng lao động: Ý kiến thu thập được từ phía nhà tuyển dụng có ý nghĩa rất lớn giúp cho Nhà trường trong việc điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo nhằm đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào các đợt khảo sát là không nhiều, tỷ lệ phản hồi không cao.

+ Đối với giảng viên: Các GV đã thực hiện rất nghiêm túc khi được khảo sát. Ý kiến giảng viên giảng dạy cũng rất quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung và chương trình giảng dạy [[H10.10.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.06/)].

Hằng năm, Nhà trường và Khoa/Viện tổ chức thực tập cho SV ngành SPVL. Phòng Đào tạo và Khoa/Viện lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động thực tập và tổ chức kiểm tra thực tập của SV tại các trường THPT. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa/Viện thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [[H10.10.06.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.06/)].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến. Tiếp thu ý kiến đánh giá về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan đã từng bước thực hiện điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thể hiện qua việc cải tiến từ sự phân nhiệm đến cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, Cụ thể: Về sự phân nhiệm, Việc phụ trách công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trước đây do các đơn vị liên quan phụ trách xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện, hiện nay do trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp thực hiện khảo sát. Về quy trình, Năm 2016, Nhà trường mới chỉ ban hành quy trình khảo sát tạm thời (*Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh, số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016*), do phòng CTCT&HSSV soạn thảo. Năm 2022, việc khảo sát các bên liên quan do Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan. Nhà trường cũng đã ban hành quy trình khảo sát tất cả các bên liên quan (*Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh, số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022*), do Trung tâm ĐBCL soạn thảo [[H10.10.06.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.04/)]. Việc xây dựng phiếu khảo sát trước đây đều do các đơn vị có liên quan đảm nhiệm tùy theo đối tượng và mục đích khảo sát. Năm 2023, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, tổ hỗ trợ xây dựng và nhóm chuyên trách xây dựng Bộ phiếu khảo sát các bên liên quan bao gồm Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị có liên quan và các giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy [[H10.10.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.05/)]. Đối tượng khảo sát trước đây chủ yếu là sinh viên, sinh viên tốt nghiệp thì hiện nay, Đối tượng khảo sát là tất cả các bên liên quan bao gồm cả sinh viên và học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp, cựu học viên cao học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác. Công cụ khảo sát trước đây chủ yếu là phiếu giấy thì hiện này việc khảo sát đã kết hợp phiếu giấy lẫn khảo sát trực tuyến, số lượng đối tượng khảo sát tăng lên, hoạt động lấy ý kiến khi rà soát, phát triển chương trình đào tạo đã được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên liên quan hơn, số cuộc khảo sát qua các năm tăng lên để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng. Đối với khảo sát các bên liên quan về việc xây dựng và phát triển CTĐT trước đây mới chỉ thể hiện ở các cuộc hội thảo trao đổi thì đến 2019, Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ đại học. Năm 2023, ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ đại học (*trong đó có quy trình khảo sát các bên liên quan)* [[H10.10.06.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.07/)]. Mẫu phiếu và câu hỏi khảo sát cũng thay đổi định kỳ cho phù hợp với mục tiêu khảo sát và kết hợp nhiều hình thức lấy ý kiến, trong đó tăng cường các hình thức hội nghị trực tuyến, khảo sát trực tuyến... [[H10.10.06.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.05/)].

Các kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Nhà trường gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Những GV nào có ý kiến NH hài lòng thấp, Khoa tổ chức gặp mặt và trao đổi với GV về những ý kiến đóng góp của NH. Lãnh đạo Khoa sẽ sử dụng kết quả khảo sát này để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm... [[H10.10.06.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.10/)]. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR, … Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, Khoa và các đơn vị liên quan phải lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát để Nhà trường cải tiến hệ thống. Báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến GV, NTD và cựu NH để xây dựng, điều chỉnh CTĐT và CĐR ngành SPVL [[H10.10.06.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2010/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2010.6/H10.10.06.11/)].Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các HP trong chương trình, điều chỉnh CĐR, ĐCCT HP, Tài liệu học tập, ....

*2. Điểm mạnh*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

*3. Điểm tồn tại*

Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Sử dụng các kênh lấy ý kiến phản hồi chính thống như điều tra, phỏng vấn, thiết lập phần mềm... | Khoa Vật lý  ĐBCL | Năm 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được  - Tiếp tục cải tiến, đánh giá cơ chế phản hồi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội. | Khoa Vật lý  ĐBCL | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPVL đã được Nhà trường và Ban lãnh đạo Khoa/Viện thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CĐR ngành SPVL, Trường ĐH Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, chuyên gia giáo dục tại các trường đại học là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt và sử dụng công nghệ đã đánh giá được kiến thức và kĩ năng của người học ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và đươc áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Một số sinh viên còn chưa xem trọng việc tham gia trả lời khảo sát, mặc dù Trường đã tuyên truyền,... Mặt khác, việc tiếp cận nhà tuyển dụng chưa được thuận lợi nên số lượng ý kiến khảo sát từ đối tượng này chưa đa dạng và chưa được nhiều. Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

**Mở đầu**

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Miền Trung. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ GD&ĐT tổ chức. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa/Viện. Hàng năm, Nhà trường và Khoa/Viện đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPVL, các đề tài tập trung nghiên cứu theo định hướng NCKH của Trường, Khoa và ngành học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được Nhà trường coi là những chỉ số cụ thể đánh giá kết quả đầu ra, được xác lập, thường xuyên giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Để giám sát và cải thiện các chỉ số này, Nhà trường có các phòng chức năng liên quan giúp cho việc xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp bao gồm: Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, các đơn vị đào tạo,... [[H11.11.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.01/)]. Nhà trường đã giao cho Phòng CTCT HSSV chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm; Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo (Khoa/viện) chịu trách nhiệm chính trong giám sát việc đạt được CĐR, xác lập tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, đồng thời cũng ban hành các quy định về việc đăng ký HP, hủy/rút đăng ký HP, đăng ký lại, học cải thiện điểm, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học… Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ này còn có Trung tâm ĐBCL. Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Phòng CTCT HSSV và các đơn vị liên quan khảo sát ý kiến sinh viên, thống kê tình hình tốt nghiệp, khảo sát nhà tuyển dụng về tình hình việc làm sinh viên; tổ chức đánh giá nội bộ; … giám sát, rà soát việc đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo [[H11.11.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.01/)].

Ngoài ra, Ở các đơn vị đào tạo, Nhà trường biên chế trợ lí quản lí SV, trợ lí đào tạo và các cố vấn học tập nhằm thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lí, giáo dục và hỗ trợ SV, do một lãnh đạo Khoa/Viện trực tiếp chỉ đạo [[H11.11.01.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.02/)].

Ngay từ khi nhập học, mỗi tân SV được cấp một mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin, được quản lí mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Nhà trường. Trong tài khoản cá nhân đó, có đầy đủ thông tin, lịch trình thời khóa biểu học tập. Các kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp sinh viên theo dõi kịp thời và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập. Hệ thống dữ liệu người học thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng kỳ học, được theo dõi, quản lý tại Khoa, các phòng/ban đầu mối và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (CMC, Trí Nam) [[H11.11.01.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.03/)

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm. Dựa trên các Quy định về đào tạo, quy định điều kiện tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hằng năm ngành SPVL tiến hành thống kê số lượng sinh viên thuộc diện thôi học, cảnh báo kết quả học tập, được học tiếp để trình Nhà trường phê duyệt [[H11.11.01.04]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.04/) [[H11.11.01.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.05/)].

Định kỳ, căn cứ vào kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp của Nhà trường, Hội đồng cấp Khoa họp rà soát điều kiện tốt nghiệp cho người học, chuyển kết quả về Phòng Đào tạo; Phòng Đào tạo phối hợp cùng Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan tiến hành tổng hợp và trình Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường [[H11.11.01.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.06/)] [[H11.11.01.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.07/)]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ NH bỏ học của các khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

*Bảng 11.1.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học ngành SPVL* *giai đoạn 2019-2024*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khóa | Số lượng SV nhập học | Số lượng SVTN | Tỷ lệ % so với số SV nhập học | Tỷ lệ % người học hoàn thành đúng hạn (4 năm) | Người học hoàn thành CTĐT quá hạn (>4 năm) | **Tỷ lệ % SV thôi học so với số SV nhập học** | | | |
| Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ tư |
| Khóa 56  (2015- 2019) | 87 | 65 | 74.71 | 59 SV  (90.77) | 6 SV  (9.23) | 1 SV  (1.14) | 14 SV  (16.0) | 2 SV  (2.29) | 1 SV  (1.14) |
| Khóa 57  (2016- 2020) | 28 | 20 | 71.43 | 20 SV  (100.0) | 0 | 5 SV  (17.8) | 0 | 3 SV  (10.7) | 0 |
| Khóa 58  (2017- 2021) | 8 | 6 | 75.00 | 5 SV  (83.33) | 1 SV  (16.67) | 2 SV  (25.0) | 0 | 0 | 0 |
| Khóa 59  (2018- 2022) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khóa 60  (2019- 2023) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khóa 61  (2020- 2024) | 14 | 12 |  | 12 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |

*Bảng 11.1.2. Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành SPVL giai đoạn 2019-2024*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Quy mô sinh viên** | **Năm thứ nhất**  **(số sv/tỷ lệ %)** | **Năm thứ hai**  **(số sv/tỷ lệ %)** | **Năm thứ ba**  **(số sv/tỷ lệ %)** | **Năm thứ tư**  **(số sv/tỷ lệ %)** | **Tổng cộng SV thôi học** | **Tỷ lệ**  **trung bình** |
| 2018 - 2019 | 87 | 1 SV  (1.14) | 14 SV  (16.09) | 2 SV  (2.29) | 1 SV  (1.14) | 18 | 20,1 |
| 2019 - 2020 | 28 | 5 SV  (17.85) | 0 | 3 SV  (10.71) | 0 | 8 | 29,6 |
| 2020 - 2021 |  | 2 SV  (25.00) | 0 | 0 | 0 | 2 | 25,0 |
| 2021 - 2022 | 54 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1,9 |
| 2022 - 2023 | 71 | 0 | 3 | 2 | 0 | 5 | 7 |
| 2023 - 2024 | 101 | 1 | 0 | 1 | 1 | 3 | 3 |

*Bảng 11.1.3. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn (4 năm)   
của sinh viên ngành Sư phạm Vật lý với các ngành trong trường*

| **Ngành/Khóa** | | **Ngành Sư phạm Vật lý** | **Ngành Sư phạm Hóa học** | **Ngành Sư phạm Toán học** | **Ngành Sư phạm Tin học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khóa 56  (2015-2019) | SLSVNH(SV) | 87 | 72 | 112 | 36 |
| SLSVTN (SV) | 68 | 60 | 87 | 24 |
| TLTN (%) | 78.16 | 83.33 | 77.68 | 66.67 |
| SLSVTN đúng hạn (SV) | 59 | 58 | 80 | 18 |
| TLTN đúng hạn (%) | 67.82 | 80.56 | 71.43 | 50.00 |
| Khóa 57  (2016-2020) | SLSVNH (SV) | 28 | 40 | 101 | 1 |
| SLSVTN (SV) | 20 | 35 | 96 | 0 |
| TLTN (%) | 71.43 | 87.50 | 95.05 | 0 |
| SLSVTN đúng hạn (SV) | 20 | 28 | 53 | 0 |
| TLTN đúng hạn (%) | 71.43 | 70.00 | 52.48 |  |
| Khóa 58  (2017-2021) | SLSVNH (SV) | 8 | 16 | 95 | 3 |
| SLSVTN (SV) | 6 | 11 | 82 | 3 |
| TLTN (%) | 75.00 | 68.75 | 86.32 | 100.00 |
| SLSVTN đúng hạn (SV) | 5 | 11 | 69 | 3 |
| TLTN đúng hạn (%) | 62.50 | 68.75 | 72.63 | 100.00 |
| Khóa 59  (2018-2022) | SLSVNH (SV) | 0 | 19 | 26 | 0 |
| SLSVTN (SV) | 0 | 13 | 22 | 0 |
| TLTN (%) |  | 68.42 | 84.62 |  |
| SLSVTN đúng hạn (SV) | 0 | 13 | 20 | 0 |
| TLTN đúng hạn (%) |  | 68.42 | 76.92 |  |
| Khóa 61  (2020-2024) | SLSVNH (SV) | 14 |  |  |  |
| SLSVTN (SV) | 12 |  |  |  |
| TLTN (%) | 12 |  |  |  |
| SLSVTN đúng hạn (SV) | 12 |  |  |  |
| TLTN đúng hạn (%) | 100 |  |  |  |
| Tổng số | Tổng SLSVNH (SV) | 268 | 199 | 434 | 81 |
| Tổng SLSVTN (SV) | 213 | 161 | 367 | 61 |
| TLTN (%) | 79.48 | 80.90 | 84.56 | 75.31 |
| Tổng SLSVTN đúng hạn (SV) | 196 | 151 | 302 | 53 |
| TLTN đúng hạn trong 5 năm chu kỳ đánh giá (%) | 73.13 | 75.88 | 69.59 | 65.43 |

*Ghi chú: SLSVNH: Số lượng sinh viên nhập học; TLTN: Tỷ lệ tốt nghiệp; SV: Sinh viên; SLSVTN ĐH: Số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn*

*Bảng 11.1.4. Đối sánh Tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Sư phạm Vật lý* *với các ngành trong trường*

| Ngành/  Khóa | | **Ngành Sư phạm Vật lý** | **Ngành Sư phạm Hóa học** | **Ngành Sư phạm Toán học** | **Ngành Sư phạm Tin học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khóa 56  (2015-2019) | SLSVNH (SV) | 87 | 72 | 112 | 36 |
| SLSVTH (SV) | 18 | 10 | 20 | 9 |
| TLTH (%) | 20.69 | 13.89 | 17.86 | 25 |
| Khóa 57  (2016-2020) | SLSVNH (SV) | 28 | 40 | 101 | 1 |
| SLSVTH (SV) | 3 | 3 | 4 | 0 |
| TLTH (%) | 10.71 | 7.50 | 3.96 |  |
| Khóa 58  (2017-2021) | SLSVNH (SV) | 8 | 16 | 95 | 3 |
| SLSVTH (SV) | 0 | 4 | 6 | 0 |
| TLTH (%) |  | 25.00 | 6.32 |  |
| Khóa 59  (2018-2022) | SLSVNH (SV) | 0 | 19 | 26 | 0 |
| SLSVTH (SV) |  | 4 | 1 |  |
| TLTH (%) |  | 21.05 | 3.85 |  |
| Khóa 61  (2020-2024) | SLSVNH (SV) | 14 |  |  |  |
| SLSVTH (SV) | 2 |  |  |  |
| TLTH (%) |  |  |  |  |
| Tổng  số | Tổng SLSVNH (SV) | 268 | 199 | 434 | 81 |
| Tổng SLSVTH (SV) | 43 | 31 | 50 | 16 |
| TLTH TB trong 5 năm chu kỳ đánh giá (%) | 16.04 | 15.58 | 11.52 | 19.75 |

Như vậy, theo thống kê, tỷ lệ SV tốt nghiệp cao và ổn định. *Bảng 11.1* cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp toàn khóa của ngành SPVL thấp nhất đạt 71,43%, cao nhất đạt 82,06%. Trong giai đoạn 2017 - 2022, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) các khóa trên từ 83%. *Bảng 11.2* cho thấy tỷ lệ SV thôi học bình quân rất thấp: nhiều năm không có SV thôi học, năm cao nhất chiếm 29,60%.

Thông qua đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm, Khoa/Viện cũng đã phân tích có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực [[H11.11.01.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.1/H11.11.01.08/)]. Qua các cuộc họp xét tốt nghiệp, Nhà trường/Khoa/viện cũng đã phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn, thôi học bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là không đạt được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ B1. Đối với những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kì để Khoa/Viện và Nhà trường nắm rõ lí do và hướng giải quyết. Có thể thấy, Nhà trường và Khoa/Viện có thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên công tác phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học còn chưa sát với thực tế, để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

*2. Điểm mạnh*

Tỷ lệ người học ngành SPVL bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa/ viện và Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành sát thực để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra phù hợp.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Tăng cường sự hỗ trợ của phần mềm, tiến hành phân tích, dự báo xu thế tỷ lệ tốt nghiệp/thôi học của người học chính xác để có quy trình, kế hoạch giám sát ngay chủ động, phù hợp. | Đào tạo  CTCT-HSSV  Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV | Nhà trường  Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường giao cho phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan cùng hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT và thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình [[H11.11.01.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.01/)]. Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đào tạo chuẩn toàn khóa cho từng hình thức đào tạo để định hướng cho SV. Theo đó, thời gian tốt nghiệp trung bình trong CTĐT trình độ đại học được xác lập và tính toán đối với tất cả các hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá. Để tốt nghiệp, SV ngành SPVL phải có điểm trung bình chung tích lũy từ đầu khóa học không dưới 2.0 và tích lũy đủ 126 TC trong thời gian trung bình 04 năm (chia làm 8 học kỳ), thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Bộ GD&ĐT. Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên chính quy toàn trường. Trợ lý đào tạo của Khoa Vật lý phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trọng việc thống kê, quản lý sinh viên tốt nghiệp [[H11.11.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.02/)] [[H11.11.02.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.03/)].

Trong chu kỳ đánh giá 2019 - 2024, thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT ngành SPVL được tính toán đối với tất cả các hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá là 4,13 năm, khóa cao nhất là 4,22 năm, khóa thấp nhất là 4 năm. Từ năm 2008, Khoa VL bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [[H11.11.02.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.01/)]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 70,71 - 96,72% SV ngành SPVL hoàn thành chương trình đúng thời hạn và được cấp bằng cử nhân SPVL. Tỷ lệ SV của ngành SPVL hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, đều ở mức từ xấp xỉ 80% trở lên.

*Bảng 11.2.1. Bảng tỉ lệ SV tốt nghiệp giai đoạn đánh giá*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoá (niên khoá)** | **SL SV nhập học** | **SL SV tốt nghiệp**  **(người)** | **Thời gian TN TB**  **(năm)** | **Trong đó, số lượng SV tốt nghiệp** | | | | | |
| ***Năm thứ 3*** | ***Năm thứ 4*** | ***Năm thứ 5*** | ***Năm thứ 6*** | ***Năm thứ 7*** | ***Năm thứ 8*** |
| 1 | Khoá 55 (2014-2018) | 145 | 119 | 4.4 | 0 | 105 | 8 | 2 | 1 | 3 |
| 2 | Khoá 56 (2015-2019) | 87 | 65 | 4.3 | 0 | 59 | 5 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Khoá 57 (2016-2020) | 28 | 20 | 4.0 | 0 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Khoá 58 (2017-2021) | 8 | 6 | 4.7 | 0 | 5 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Khoá 59 (2018-2022) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Khóa 60 (2019-2023 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | **370** | **288** | **4.4** | **0** | **258** | **18** | **7** | **1** | **4** |

Nhà trường có quy trình/quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [[H11.11.02.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.04/)]. Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên để kịp thời rà soát, hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các Trung tâm/Khoa/Viện, phòng, ban, các sinh viên và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường [[H11.11.02.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.05/)]. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên, đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Trên cơ sở đó, Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên toàn trường trong đợt xét, trong đó có sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh [[H11.11.02.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.06/)] [[H11.11.02.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.07/)]. Tỉ lệ thôi học của sinh viên cũng được Khoa và Trường tổng hợp hàng năm [[H11.11.02.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.08/)].

Sau khi có các kết quả thống kê Khoa và các đơn vị có liên quan đã tổng hợp phân tích hồ sơ để tìm hiểu nguyên nhân sinh viên chậm tốt nghiệp để đề nghị Nhà trường đưa ra các giải pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời gian chậm tốt nghiệp [[H11.11.02.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.09/)]. Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp sinh viên năm cuối, Nhà trường và Khoa đã có các kế hoạch cải tiến tích cực nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của người học. Năm học 2019 - 2020, tỷ lệ hoàn thành CTĐT ngành SPVL có thấp hơn so với các năm trước. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu. Tuy nhiên, nguyên nhân tốt nghiệp muộn chủ yếu là do một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ ngoại ngữ B1). Nhà trường cũng đã tạo điều kiện thi cấp chứng nhận ngoại ngữ nhiều lần, xét tốt nghiệp nhiều lần trong năm nhưng số sinh viên không đáp ứng yêu cầu cũng còn cao [[H11.11.02.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.02/)].

Đầu mỗi năm học, Khoa Vật lý tiến hành họp mặt sinh viên, theo dõi tình hình học tập của sinh viên thông qua GVCN và Ban cán sự lớp. Đối với sinh viên năm cuối, Trưởng Khoa cùng với GVCN họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt đề tài tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỉ lệ bỏ học và tốt nghiệp đúng tiến độ của sinh viên [[H11.11.02.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.10/)]. Ngoài ra, trước khi xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo gửi dữ liệu thông tin sinh viên còn thiếu những điều kiện gì để cảnh báo sinh viên biết, sinh viên có thể bổ sung giấy tờ cần thiết, hoặc nhắc nhở sinh viên đăng ký học trả nợ, học cải thiện,…. Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của sinh viên. Thông qua đó, sinh viên và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để sinh viên hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [[H11.11.02.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.10/)].

Hàng năm, Khoa Vật lý và Trường tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên [[H11.11.02.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.11/)]. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành SPVL qua các năm và đối sánh với một số ngành khác trong cùng trường, qua đó đánh giá hiệu quả các biện pháp đã triển khai, rút bài học kinh nghiệm để ngày càng cải tiến tốt hơn tỉ lệ ngành SPVL tốt nghiệp đúng tiến độ [[H11.11.02.12](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.2/H11.11.02.12/)]. Tuy nhiên, việc tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học mới chỉ được đơn vị đào tạo chú trọng, các Phòng/Ban của Trường chưa xem đây là một nhiệm vụ mang tính thường xuyên, định kỳ. Khoa và Trường mới chỉ tiến hành đối sánh trong trường chứ chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của ngành SPVL.

*2. Điểm mạnh*

Ban lãnh đạo Viện/Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý đào tạo, cố vấn học tập để hỗ trợ SV kịp thời để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhận trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, vv… để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

*3. Điểm tồn tại*

Mặc dù Nhà trường/Viện/Khoa đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ ngoại ngữ B1), do vậy vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường quy định.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học lại đối với những SV chưa đạt. | Phòng ĐT Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Theo dõi tiến độ học tập của SV để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế | Phòng ĐT Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp - đơn vị đầu mối phối hợp với Đoàn Thanh niên và các Khoa/Viện  theo dõi, liên hệ với người tốt nghiệp, giám sát tỉ lệ có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, … của sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, đơn vị đầu mối còn hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [[H11.11.03.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.01/)].

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV. Thông tin được quảng bá trộng rãi trên trang web, các trang mạng xã hội của Trung tâm DV, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, trang facebook Sinh viên Trường Đại học Vinh… (cung cấp các thông tin về việc làm bán thời gian, việc làm sau TN...) [[H11.11.03.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.02/) Nhà trường có hệ thống giám sát tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Nhà trường/Viện/Khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho trợ lý quản lý SV duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho Ban lãnh đạo Khoa /Viện để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ [[H11.11.03.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.03/)].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường năm 2019 cho thấy, SV ngành SPVL có việc làm với tỷ lệ 80% và năm 2020 là 77,8%. Bình quân sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt 79%. Cụ thể:

*Bảng 11.3.1: Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành SPVL*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm TN | Số SVTN | Số SV phản hồi | Tình trạng việc làm | | Tỷ lệ sv có việc làm/ tổng số SV phản hồi | Khu vực làm việc | | | | | | | |
| Có việc làm | Chưa có việc làm | Nhà nước | | Tư nhân | | Tự tạo việc làm | | Có yếu tố nước ngoài | |
| Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| 2019 | 71 | 70 | 54 | 2 | 14 | 22 | **80.0** | 25 | 40.7 | 6 | 46.3 | 1 | 11.1 |
| 2020 | 27 | 27 | 19 | 2 | 6 | 13 | **77.8** | 2 | 68.4 | 4 | 10.5 | 0 | 21 |
| 2021 | 7 | 7 | 4 | 0 | 3 | 1 | **57.1** | 1 | 25 | 2 | 25 | 0 | 50 |
| 2022 | 5 | 3 | 3 | 0 | 3 | **1** |  | 2 |  | 0 |  | 0 |  |
| 2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |  |  |  |  |  |  |  |
| 2024 | 12 | 10 | 7 | 3 | 70 | **5** |  | 2 |  | 0 |  | 0 |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Nguồn: Trung tâm DV, HTSV&QHDN- Trường Đại học Vinh*

SV tốt nghiệp ngành SPVL làm việc chủ yếu ở môi trường nhà nước, tư nhân, tự tạo việc làm và có yếu tố nước ngoài, trong đó số SV làm việc trong môi trường nhà nước và tư nhân là chủ yếu, SV tự tạo việc làm và làm việc ở môi trường có yếu tố nước ngoài chiếm tỷ lệ rất thấp [[H11.11.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.04/)].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường cho thấy, SV ngành SPVL có việc làm với tỷ lệ năm 2019 là 80%. Bình quân sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt 79%. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm với ngành Sư phạm Toán học và sư phạm Sinh học trong cùng giai đoạn 2019- 2024 cho thấy: việc sinh viên có việc làm với tỷ lệ trên 90% thuộc về ngành Toán học do ngành này có nhu cầu giáo viên phổ thông cao; ngành Sư phạm Sinh học và Sư phạm hoá học có tỷ lệ tương đương với ngành SPVL [[H11.11.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.04/)]. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như nhu cầu xã hội, định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Trường hướng đến trong CTĐT ngành SPVL. Tuy nhiên, tỷ lệ chưa có việc làm trong chu kỳ đánh giá là khá cao, Khoa/Viện cũng đã có phân tích chi tiết với ngành SPVL một số trường đại học trong cả nước để cải tiến chất lượng [[H11.11.03.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.04/)].

*Biểu 11.3.2: Đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ngành SPVL Đại học Vinh với một số cơ sở đào tạo trong nước (2019 - 2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm TN** | **Cơ sở đào tạo** | **Số SVTN**  **(người)** | **Số SV phản hồi (người)** | **Tình trạng việc làm** | | **Tỷ lệ sv có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi (%)** |
| **Có việc làm** | **Chưa có việc làm** |
| 2019 | ĐHV | 71 | 70 | 54 | 14 | 80.0% |
| ĐHSP-ĐH Đà Nẵng | 55 | 55 | 49 | 0 | 100% |
| 2020 | ĐHV | 27 | 27 | 19 | 6 | 77.8% |
| ĐHSG | 29 | 29 | 23 | 6 | 79.31 |
| 2021 | ĐHV | 7 | 7 | 4 | 3 | 57.1% |
| ĐHSG | 49 | 49 | 49 | 0 | 100% |
| 2024 | ĐHV | 12 | 10 | 7 | 0 | 70% |
| ĐHSG |  |  |  |  |  |

*Bảng 11.3.3. Đối sánh tỷ lệ (%) người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Vật lý với các ngành trong cùng cơ sở giáo dục*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên CTĐT** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** |
| 1 | Ngành Sư phạm Vật lý | 58.11 | 83.18 | 77.14 | 70.37 | 57.14 |
| 2 | Ngành Sư phạm Hóa học | 61.40 | 60.98 | 67.24 | 61.76 | 84.62 |
| 3 | Ngành Sư phạm Toán học | 58.06 | 83.91 | 73.49 | 86.75 | 75.90 |
| 4 | Ngành Sư phạm Tin học | 90.32 | 83.33 | 100 | 85.71 | 87.50 |

Tỉ lệ phần trăm SV ngành SPVL có việc làm thấp so với các trường khác được lí giải: Người học của Trường Đại học Vinh cơ bản ở địa bàn Bắc Trung Bộ, cũng là nơi tuyển dụng các SV tốt nghiệp của Trường, khu vực này chủ yếu là hệ thống trường công, số trường tư rất ít. Việc đi làm xa ở các thành phố lớn cũng là trở ngại, cho nên một số SV tự tạo việc làm ở địa phương. Cho nên cơ hội việc làm của SV sau tốt nghiệp thấp [[H11.11.03.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.05/)].

Bên cạnh hoạt động giám sát của Trường về người học sau tốt nghiệp, Khoa Vật lý cũng đã thực hiện rất nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về cựu NH nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người tốt nghiệp chưa có được việc làm [[H11.11.03.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.06/)]. Trường còn thành lập Ban liên lạc cựu NH Trường Đại học Vinh để hỗ trợ Trung tâm DV, HTSV&QHDN trong việc khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp [[H11.11.03.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.07/)]. Trợ lý quản lý sinh viên của Khoa Vật lý bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học thì còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp [[H11.11.03.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.08/)].

Trên cơ sở các dữ liệu, đối sánh đã được khảo sát ở trên, Trường đã tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục cũng như đã đề ra các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, hoặc tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp,… như rà soát lại hiệu quả đào tạo, các CTĐT; Chủ động thiết lập các mỗi quan hệ hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, quan tâm kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các diễn đàn tư vấn tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, ngày hội việc làm cho sinh viên [[H11.11.03.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.09/)]; Phối hợp giới thiệu việc làm cho cựu sinh viên theo nhu cầu của từng đơn vị tuyển dụng; Chú trọng triển khai các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại trường; Ký kết hợp tác chiến lược với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động lớn [[H11.11.03.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.10/)]; Tổ chức các khoá học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên; Triển khai các khoá bồi dưỡng về kỹ năng mềm… Tổ chức các hoạt động phát động sinh viên tham gia khởi nghiệp [[H11.11.03.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.3/H11.11.03.11/)].

*2. Điểm mạnh*

Đa số SV tốt nghiệp ngành SPVL đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của ngành, trong đó coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

*3. Điểm tồn tại:*

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng số lượng phân tích đối sánh với các ngành trong cả nước để tìm ra nguyên nhân nhằm cải tiến chất lượng còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm của SV tốt nghiệp. | - DV, HTSV&QHDN  - Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng địa phương để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiêp. | - DV, HTSV&QHDN  - Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo. Trường đại học Vinh đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực NCKH [[H10.10.04.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.01/)]. Nhà trường đã ban hành các chiến lược và quy định về NCKH của giảng viên và người học [[H11.11.04.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.02/)], giao phòng KH&HTQT là bộ phận chuyên trách quản lý KHCN và HTQT tham mưu cho Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [[H11.11.04.03](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.03/)].

Loại hình và số lượng NCKH của người học được xác lập qua *bảng biểu 11.4.1* thông qua các hoạt động: *(i) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được ĐT và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của NH; (ii) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, câu lạc bộ học thuật, hội thi sáng tạo, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KHCN khác của NH; (iii) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, GD&ĐT; (iv) Công bố các kết quả NCKH* *của người học,…*

*Bảng 11.4.1. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành SPVL*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình NCKH** | **2017-2018** | | **2018-2019** | | **2019-2020** | | **2020-2021** | | **2021-2022** | |
| ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** |
| 1 | Đề tài cấp Trường | 0 | 0 | 2 | 3 | 2 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Giải thưởng NCKH | 0 | 0 | 1 (KK) | 1 | 1 (KK) | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Bài báo KH | 0 | 0 | 1 (ĐH) | 1 | 1 (ĐH) | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được giám sát. Căn cứ vào nhiệm vụ trong quy định về quản lý các hoạt động KH&CN của Trường Đại học Vinh; Kế hoạch năm học của Nhà trường và của Khoa Vật lý hàng năm [[H11.11.04.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.04/)], Nhà trường đã ban hành các văn bản về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học [[H11.11.04.02]](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.02/) [[H11.11.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.05/)]. Số lượng, loại hình đề tài NCKH của ngành SPVL và số lượng sinh viên tham gia NCKH được Khoa Vật lý và Trường thống kê đầy đủ qua các năm [[H11.11.04.06].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.06/)

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học do các đơn vị chịu trách nhiệm gồm Phòng KH&HTQT, Phòng ĐT, Phòng KHTC, Ban chủ nhiệm, Hội đồng khoa học và đào tạo các Khoa/Viện bao gồm các nội dung: *Các quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của NH; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố, ...* Tiến độ các đề tài được quản lý, giám sát; NH phải báo cáo tiến độ từng giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, sau khi Nhà trường ban hành kế hoạch nghiên cứu khoa học của năm, các Khoa/viện triển khai đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học của người học và có trách nhiệm lựa chọn các đề tài phù hợp chuyên ngành và lĩnh vực đào tạo của Khoa/viện. Dựa trên đề xuất của Khoa/viện, Nhà trường ra quyết định giao đề tài nghiên cứu và duyệt kinh phí cho người thực hiện đề tài. Phòng KH&HTQT có nhiệm vụ hướng dẫn, lập hồ sơ theo dõi tiến độ cũng như hỗ trợ người học trong thời gian thực hiện đề tài. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Toàn bộ quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan bằng văn bản, email, website của Nhà trường [[H11.11.04.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.07/)].Hàng năm, Nhà trường dành một phần kinh phí cho hoạt động NCKH của người học, giao Phòng KH&HTQT chủ trì tham mưu và quản lí các hoạt động khoa học công nghệ toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của người học (*Bảng 11.4.2)* [[H11.11.04.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.08/)].

*Bảng 11.4.2. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên*

*Đơn vi: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng 5 năm** | **2019** | | **2020** | | **2021** | | **2022** | | **2023** | |
| ***Số tiền*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số tiền*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số tiền*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số tiền*** | ***Tỷ lệ %*** | ***Số tiền*** | ***Tỷ lệ %*** |
| 1.908 | 216 | 0,05 | 198 | 0,04 | 365 | 0,09 | 550 | 0,15 | 597 | 0,15 |

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, Khoa đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học thông qua Hội nghị tổng kết SVNCKH nhằm nâng cao chất lượng NCKH của người học và mở rộng hoạt động nghiên cứu NCKH của người học [[H11.11.04.09](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.09/)]. Ngành SPVL có đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, tham gia hướng dẫn SV thực hiện tốt hoạt động NCKH [[H11.11.04.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.10/)]. Hoạt động NCKH của SV luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, BGH Nhà trường [[H11.11.04.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.02/) Bên cạnh đó, các CB của Trường Sư phạm/Khoa còn chủ trì hoặc tham gia viết các tài liệu tham khảo, các đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ có sự tham gia của người học và cựu người học[[H11.11.04.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.06/)]. Đồng thời, Trường Sư phạm /Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các CB, học viên, SV trong Viện và các nhà khoa học trong và ngoài nước [[H11.11.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.05/)] .  Để phù hợp với xu thế phát triển mới lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực nghiên cứu của người học, Nhà trường đã tiến hành đa dạng hoá loại hình, gia tăng số lượng và phê duyệt kinh phí ở mức độ khác nhau cho các công trình nghiên cứu khoa học của người học. Đối với sinh viên của khoa được hỗ trợ 3-10 triều đồng tiền mặt và hỗ trợ tất cả các kinh phí hành chính, thanh toán cho GV hướng dẫn và được khen thưởng với nhiều mức kinh phí khi tham gia ở cấp cao hơn [[H11.11.04.02].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.02/) Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, SV ngành SPVL được khuyến khích tham gia NCKH ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của GV trong Viện [[H11.11.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.05/)]. Hoạt động NCKH của SV ngành SPVL bao gồm các bài tiểu luận, các bài báo khoa học, các đề tài NCKH được nghiệm thu và các đồ án môn học. Hàng năm, Trường Sư phạm/Khoa giao cho các bộ môn triển khai công tác NCKH của sinh viên, tổ chức Hội nghị SV NCKH cấp Viện SPTN/Khoa, lựa chọn những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị NCKH SV cấp Trường, cấp Bộ. Các đề tài NCKH của SV ngành SPVL có tính thời sự phù hợp với xu thế phát triển của thời đại được Nhà trường đánh giá cao và có giải thưởng [[H11.11.04.11](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.11/)]. Sinh viên cũng được tham gia Hội thảo đổi mới dạy học VL ở trường PT theo hướng tiếp cận năng lực năm [[H11.11.04.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.4/H11.11.04.05/)]. Dù vậy, với số lượng sinh viên ít trong những năm gần đây, số lượng sinh viên NCKH tham gia cấp trường chỉ có 04 là chưa nhiều, chưa xứng tầm với truyền thống và thế mạnh của Khoa.

*2. Điểm mạnh*

Một số GV trong Khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và SV NCKH.

Hàng năm, Trường/Viện/Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

*3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên thực hiện đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên với các CTĐT khác của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Thường xuyên thực hiện đối sánh loại hình và số lượng hoạt động hàng năm của NH giữa cùng ngành học với các cơ sở đào tạo khác trong nước và ngoài nước. | KH&HTQT  Khoa Vật lý | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Hướng dẫn của các nhóm NCKH từ GV đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. | KH&HTQT  Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có Trung tâm ĐBCL là bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL, chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy trình, biểu mẫu và tổ chức các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, Phòng CTCT&HSSV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Phòng Đào tạo, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT, các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Viện/Khoa/Trung tâm) cũng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan để cải tiến chất lượng đơn vị [[H11.11.05.01](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.01/)].

Trường đã ban hành quy định/quy trình khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ [[H11.11.05.02](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.02/)]. Trong quy định này, việc khảo sát người học và cựu người học được giao cho Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát như: Phòng Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT, các Khoa/Viện đào tạo,…. Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được triển khai bằng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau như: khảo sát online qua trang web của Nhà trường; khảo sát bằng phiếu hỏi; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp, hội thảo, gặp mặt; gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại; …

Đối với sinh viên, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát sinh viên về học phần; khảo sát sinh viên về đội ngũ hỗ trợ, về CSVC các hoạt động của Nhà trường; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo; [[H11.11.05.03].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.03/) Khảo sát cựu sinh viên về chương trình đào tạo; Khảo sát cựu sinh viên về việc làm; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo [[H11.11.05.04](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.04/)].

Tất cả các dữ liệu thu được sau các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan này được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị có liên quan thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về tất cả các hoạt động (như NCKH, dịch vụ hỗ trợ NH, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, CTĐT và CĐR…), viết báo cáo tổng hợp các kết quả khảo sát và đề xuất các khuyến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và rút ra những bài học kinh nghiệm hướng tới điều chỉnh, cải tiến chất lượng quy trình, phương pháp khảo sát và chuyển đến các bên liên quan trong Trường nhằm mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng. Dữ liệu về kết quả khảo sát và đối sánh của ngành SPVL được thể hiện qua số liệu thống kê ở ***các bảng biểu***[[H11.11.05.05](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.05/)].

Ngoài ra, định kỳ hàng năm Nhà trường có nhiều cơ chế và hình thức khác nhau để cán bộ và giảng viên được bày tỏ ý kiến đánh giá của mình về mọi mặt hoạt động của Nhà trường và đơn vị, như: hội nghị viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch năm học mới, các buổi sinh hoạt Khoa, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn,... được tổ chức thường xuyên và định kỳ [[H11.11.05.06](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.06/)]. Kết quả lấy ý kiến phản ánh của cán bộ và giảng viên Nhà trường được tiếp thu và đưa vào các kế hoạch tháng, năm để điều chỉnh việc thực hiện một cách kịp thời.

Đối với các đối tác bên ngoài của Nhà trường và của Khoa Vật lý: một hệ thống trao đổi thông tin, tiếp nhận ý kiến được thiết lập qua văn bản, email, điện thoại, trao đổi trực tiếp. Đánh giá của phía nhà tuyển dụng, sử dụng lao động những năm qua chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ thực tập, thực tế, hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa Nhà trường với các đơn vị ngoài trường.

Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan còn được thực hiện với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đã được đánh giá để kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mới của Thông tư 12/2017/TT- Bộ GD&ĐT và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [[H11.11.05.07](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.07/)]. Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường cũng đã có 35 CTĐT trình độ đại học và 10 CTĐT trình độ thạc sĩ đã được kiểm định chất lượng cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Thông tư 04 của Bộ GD&ĐT và bộ tiêu chuẩn của AUN-QA, đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CTĐT [[H11.11.05.08](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.08/)]. Nhà trường và các CTĐT này đã nhận được sự đánh giá cao của các đánh giá viên về chất lượng của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa ngành SPVL với các ngành khác trong cùng trường theo từng học kì và năm học [[H11.11.05.05].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.05/) Tuy nhiên, chưa có sự đối sánh với các ngành khác ở cơ sở giáo dục khác. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh của các bên liên quan được thông báo đến các đơn vị trong toàn trường và được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất lượng và điều chỉnh hoạt động của đơn vị trong các năm học kế tiếp [[H11.11.05.09].](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.09/) Ngoài việc căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan và đối sánh kết quả khảo sát, việc cải tiến chất lượng của Nhà trường về chương trình đào tạo, về NCKH, về phát triển đội ngũ, về cơ sở vật chất,…còn được thực hiện qua Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục sau đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục của Trường Đại học Vinh, qua Kế hoạch cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài,… [[H11.11.05.10](http://14.238.3.10:8080/DAIHOC/SP%20Vat%20ly/MC%20online/Ti%C3%AAu%20chu%E1%BA%A9n%2011/Ti%C3%AAu%20ch%C3%AD%2011.5/H11.11.05.10/)].

*2. Điểm mạnh*

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Nhà trường/Viện/Khoa nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. | Khắc phục điểm tồn tại | Bổ sung vào Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan nội dung yêu cầu các đơn vị khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có cơ sở thực tiễn xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Nhà trường | DV, HTSV&QHDN  ĐBCL;  Khoa Vật lý | 2025 |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Mở rộng quy mô khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến chất lượng. | Nhà trường  Khoa Vật lý | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (Mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ người học đến cấp Khoa/Viện; có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV; có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Ban lãnh đạo Khoa/Viện SPTN luôn nắm được tiến độ học tập của SV nên tỷ lệ người học ngành SPVL bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa/ viện và Nhà trường. Đa số SV tốt nghiệp ngành SPVL đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của Ngành. Nhà trường/Viện/Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa Vật lý, Trường Đại học Vinh đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành SPVL theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDÐT ngày 14/32016 của Bộ GD&ĐT. Đây là hoạt động được Nhà trường triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong Trường nói chung và Khoa Vật lý nói riêng. Với mục đích của Nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Mục tiêu CTĐT của ngành SPVL được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CĐR của CTĐT ngành SPVL được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học được xác định rõ ràng bởi các (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Vật lý trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CĐR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CĐR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành SPVL đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng day, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ngành SPVL cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Các học phần trong CTĐT ngành SPVL có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận PLO-CLO. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của Nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của Nhà trường.

- Khoa Vật lý đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc kiến tập, thực tập tại các trường phổ thông. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn Phương pháp giảng dạy Vật lý thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa Vật lý đưa ra đã tạo động lực cho SV SPVL rèn luyện các kĩ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành SPVL đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành SPVL là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lí có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành SPVL được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa.

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành SPVL hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng tự học cho SV ngành SPVL, có trường thực hành sư phạm trong trường để SV thăm lớp dự giờ, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành SPVL.

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Anh đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khoẻ cho giảng viên và SV ngành SPVL nói riêng và toàn trường nói chung.

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV.Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Khoa Vật lý chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Khoa Vật lý có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành SPVL. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ công tác giảng dạy; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

- Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan.

- Việc tạo môi trường cho SV tiếp xúc với thực tế các cơ sở giáo dục thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn gần cuối của khóa học; Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của SV, GV ngành SPVL chưa đa dạng, Tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát GV theo quy định của Nhà trường. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc SV chậm tốt nghiệp.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành SPVL, cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT và kết quả đầu ra của SV.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT:

+ Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

+ Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo, Youtube… bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang SV và truyền hình.

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học...).

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong CTĐT cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

- Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Khoa Vật lý tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của Trường, của Khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,… đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, Khoa Vật lý và ngành SPVL, biết rõ triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành SPVL một cách dễ dàng.

- Cần tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tích hợp cho GV và SV;

- Tăng cường Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV;

- Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.

- Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.

- Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lí học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của Nhà trường

- Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

- Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường.

- Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.

- Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lí đào tạo và quản lí SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho SV về kết quả học tập và rèn luyện.

- Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính.

- Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa Khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành SPVL của các trường đại học trong nước và quốc tế do Khoa Vật lý làm đầu mối.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu SV, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

**4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT**

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Thang đánh giá** | | | | | | | **Tổng hợp theo tiêu chuẩn** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Chưa đạt*** | | | ***Đạt*** | | | | ***Mức trung bình*** | ***Số tiêu chí đạt*** | ***Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)*** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| ***Tiêu chuẩn 1*** |  | | | | | | | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 1.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 2*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 3*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 3.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 4*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100% |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 4.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 5*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 6*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 6.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 7 | 100 |
| Tiêu chí 6.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 7*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 7.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 7.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 8*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 8.1 |  |  |  | 4 |  |  |  | 4,80 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 8.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 9*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 9.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 9.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 10*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 10.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 6 | 100 |
| Tiêu chí 10.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.6 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 11*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 11.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 11.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| **Đánh giá chung CTĐT** | | | | | | | | **4,98** | **50** | **100** |

*Nghệ An, ngày 15 tháng 8 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Nguyễn Huy Bằng**

PHẦN IV. PHỤ LỤC

## 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Vật lý

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 15/08/2024

1. **Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

* Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
* Tiếng Anh: Vinh University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

* Tiếng Việt: TDV
* Tiếng Anh: VinhUni

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452; Số fax: 038 3855 269

E-mail: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn) Website: www.vinhuni.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác: không

1. **Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

* Tiếng Việt: Khoa Vật lý
* Tiếng Anh: Physics Department

13. Tên trước đây (nếu có): Khoa Vật lý

14. Mã CTĐT: 7140211

15. Tên CTĐT

* Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý
* Tiếng Anh: Physics Education

16. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 2, Nhà A0 Trường Đại học Vinh, số 182, Lê Duẩn, Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

17. Số điện thoại liên hệ: (0238) 3855452; Số fax: (0238) 8.552.269

E-mail: [khoavatlly@vinhuni.edu.vn](mailto:khoavatlly@vinhuni.edu.vn);

Website: <http://khoavatly.vinhuni.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 1961

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1961

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1965

1. **Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Năm 1959, Trường đại học Vinh được Bộ Giáo dục quyết định thành lập với tên gọi ban đầu là Phân hiệu đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có quyết định đổi tên Phân hiệu ĐHSP Vinh thành Trường ĐHSP Vinh. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng. Trải qua 42 năm xây dựng và phát triển, ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành trường đại học Vinh. Ngày 21/7/2021, Hội đồng trường đại học Vinh đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh, tiếp nối truyền thống và thế mạnh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong suốt hơn 60 năm qua. Việc thành lập Trường Sư phạm được đánh giá là một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh, phát huy truyền thống dạy học và uy tín giáo dục, đào tạo cử nhân sư phạm của Nhà trường. Nhà trường đã và đang có nhiều đóng góp to lớn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và đề xuất, đóng góp nhiều luận cứ khoa học làm nền tảng cho các cuộc cải cách, đổi mới giáo dục.

**Về Khoa Vật lý:**

**Chức năng, nhiệm vụ**

**- *Chức năng:***

Khoa Vật lý có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học Sư phạm Vật lý và Sau đại học ngành Phương pháp giảng dạy Vật lý; Quang học (cả Tiến sĩ và Thạc sĩ) bồi dưỡng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan đến lĩnh vực Vật lý.

***- Nhiệm vụ:***

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

- Đào tạo trình độ Cử nhân Sư phạm Vật lý.

- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý, Quang học.

- Đào tạo trình độ Tiến sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý, Quang học.

- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.

- Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên Vật lý phổ thông

- Nghiên cứu khoa học.

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước.

**Hoạt động đào tạo**

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

***- Hệ đại học chính quy:***

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (1961) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân Sư phạm Vật lý. Khoa đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cho ngành SPVL. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và Khoa đã và đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành SPVL theo hướng tiếp cận CDIO theo hướng dẫn của Nhà trường. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy định. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

***- Hệ đào tạo Sau đại học:***

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của Khoa và Nhà trường. Hiện tại Khoa đang đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ 2 chuyên ngành Phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý và Quang học. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lí học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm Khoa, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của hơn 22 chuyên đề đào tạo thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Ngoài tuyển sinh 1 mã ngành Đại học chính quy, 01 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học, Khoa Vật lý chính thức đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ từ năm 1991. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo và cấp bằng cho nhiều khóa Thạc sĩ, Tiến sĩ.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Vật lý còn có Phòng thực hành thí nghiệm phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng làm việc của PGS, GS với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

- Trạm Y tế

- Trung tâm Đảm bảo chất lượng

- TT Dịch vụ, HTSV và QHDN

- Trung tâm GDQPAN Vinh

- Trung tâm GDTX

- Trung tâm KĐCL giáo dục

- TT NC, Đổi mới - Sáng tạo

- Trung tâm Nội trú

- TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào

- TT Thực hành - Thí nghiệm

- Trường KHXH và Nhân văn

- Trường Kinh tế

- Trường Sư phạm

- Trường THPT chuyên

- Trường Thực hành sư phạm

**BAN GIÁM HIỆU**

**ĐẢNG ỦY**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

**Các tổ chức đoàn thể**

**Hội đồng Khoa học và Đào tạo**

- Khoa Sư phạm ngoại ngữ

- Khoa Giáo dục thể chất

- Khoa Xây dựng

Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến

- Viện Kỹ thuật - Công nghệ

- Viện Nông nghiệp và Tài nguyên

- Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường

- Ban quản lý cơ sở II

- Nhà xuất bản

- Phòng Công tác Chính trị và HSSV

- Phòng Đào tạo

- Phòng Đào tạo Sau đại học

- Phòng Hành chính Tổng hợp

- Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế

- Phòng Quản trị và Đầu tư

- Phòng Thanh tra - Pháp chế

- Phòng Tổ chức Cán bộ

- Văn phòng Đảng - Hội đồng Trường - Đoàn thể

- Văn phòng đại diện tại TPHCM

- Văn phòng đại diện tại tỉnh Thanh Hóa

24. Cơ cấu tổ chức trường Đại học Vinh và Khoa Vật lý

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA VẬT LÝ**

**TRƯỞNG KHOA**

PGS.TS. Chu Văn Lanh

Điện thoại: 0946069997

Email: [chuvanlanh@vinhuni.edu.vn](mailto:chuvanlanh@vinhuni.edu.vn)

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị

Điện thoại: 0983564456

Email: [nhint@vinhuni.edu.vn](mailto:nhint@vinhuni.edu.vn)

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. Lê Cảnh Trung

Điện thoại: 0919554628

Email: trunglc@vinhuni.edu.vn

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

| **TT** | **Các bộ phận** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Học vị,**  **chức danh,**  **chức vụ** | **Điện thoại** | **Email** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh** | | | | | | |
| 1 | BT Đảng ủy, Chủ tịch HĐ Trường | Nguyễn Ngọc Hiền | 1975 | TS | 0912.574.484 | [hiennn@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennn@vinhuni.edu.vn) |
| 2 | Hiệu trưởng | Nguyễn Huy Bằng | 1977 | GS.TS | 0383.733.888 | [bangnh@vinhuni.edu.vn](mailto:bangnh@vinhuni.edu.vn) |
| 3 | Phó Hiệu trưởng | Trần Bá Tiến | 1972 | PGS.TS | 0943.299.777 | [tientb@vinhuni.edu.vn](mailto:tientb@vinhuni.edu.vn) |
| 4. | Phó Hiệu trưởng | Nguyễn Thị Thu Cúc | 1978 | PGS.TS | 0932.341.888 | [cucntt@vinhuni.edu.vn](mailto:cucntt@vinhuni.edu.vn) |
| 5. | Chủ tịch Công đoàn | Phạm Thị Bình | 1971 | TS | 0983.551.387 | [binhpt@vinhuni.edu.vn](mailto:binhpt@vinhuni.edu.vn) |
| **Khoa Vật lý** | | | | | | |
| **I.** | **Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị** | | | | | |
| 1 | Trưởng khoa | Chu Văn Lanh | 1977 | PGS.TS | 0946.069.997 | chuvanlanh@vinhuni.edu.vn |
| 2 | Phó Trưởng khoa | Nguyễn Thị Nhị | 1976 | PGS.TS | 0983.564.456 | nhint@vinhuni.edu.vn |
| 3 | Phó Trưởng Khoa | Lê Cảnh Trung | 1982 | TS | 0919.554.628 | trunglc@vinhuni.edu.vn |
| **II.** | **Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội (của trường sư phạm)** | | | | | |
| 1 | Đảng bộ BP | Trần Vũ Tài | 1975 | PGS.TS.  Bí thư | 0912.883.021 | taitv@vinhuni.edu.vn |
| 2 | Công đoàn | Dương Thị Thanh Hải | 1978 | TS  Chủ tịch | 0979.873.655 | haidtt@vinhuni.edu.vn |
| 3 | Liên chi đoàn | Phan Thị Trang |  | Bí thư |  |  |
| 4 | Liên chi hội sinh viên |  |  | LCH |  |  |
| **III.** | **Các trợ lý hành chính** | | | | | |
| 1 | Trợ lý đào tạo | Lê Văn Vinh | 1987 | TS | 0969.575.498 | vinhlv@vinhuni.edu.vn |
| 2 | Trợ lý QLSV | Đoàn Thị Thúy Hà | 1977 | CN | 0904.646.035 | hadtt@vinhuni.edu.vn |
| 3 | Cố vấn học tập | Lê Văn Vinh | 1987 | TS | 0969.575.498 | vinhlv@vinhuni.edu.vn |
| 4 | Văn phòng khoa | Bùi Thị Quỳnh Hoa | 1970 | ThS | 0984.404.016 | hoabtq@vinhuni.edu.vn |

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 1

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 2

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 1

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Có | Không |
| Chính quy | ☒ | ☐ |
| Không chính quy | ☒ | ☐ |
| Từ xa | ☐ | ☒ |
| Liên kết đào tạo với nước ngoài | ☐ | ☒ |
| Liên kết đào tạo trong nước | ☐ | ☒ |

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 1

1. **Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| I | **Cán bộ cơ hữu[[1]](#footnote-1)**  *Trong đó:* | 15 | 4 | 19 |
| I.1 | Cán bộ trong biên chế | 15 | 4 | 19 |
| I.2 | Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn | - | - | - |
| II | **Các cán bộ khác**  Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[[2]](#footnote-2)) | - | - | - |
|  | **Tổng số** | **15** | **4** | **19** |

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).*

34. Thống kê, phân loại giảng viên

Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu ngành Sư phạm Vật lý theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2022-2023 (tính đến tháng 6/2023)

| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng trong nước** | **GV quốc tế** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy*** | ***GV hợp đồng dài hạn[[3]](#footnote-3) trực tiếp giảng dạy*** | ***GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 2 | 1 | - | 1 | - | - |
| 2 | Phó Giáo sư | 7 | 4 | - | 3 | - | - |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Tiến sĩ | 9 | 5 | - | 4 | - | - |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 1 | - | - | - | - |
| 6 | Đại học | - | - | - | - | - | - |
| 7 | Cao đẳng | - | - | - | - | - | - |
| 8 | Trình độ khác | - | - | - | - | - | - |
|  | Tổng số | **19** | **11** | - | 8 | - | - |

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 19 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 84.61 %

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT- Bộ GD&ĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện)*.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Hệ số quy đổi** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng** | **GV quốc tế** | **GV quy đổi** |
| **GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy** | **GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
|  | Hệ số quy đổi |  |  | 1,0 | 1,0 | 0,3 | 0,2 | 0,2 |  |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 5,0 | 2 | 1 | - | 1 | - | - | 6.5 |
| 2 | Phó Giáo sư | 3,0 | 7 | 4 | - | 3 | - | - | 14.7 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 3,0 | - | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Tiến sĩ | 2 | 9 | 5 | - | 4 | - | - | 12.4 |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 1 | 1 | - | - | - | - | 1 |
| 6 | Đại học | 0,5 | - | - | - | - | - | - | - |
|  | Tổng |  | **19** | **11** | - | **8** | - | - | **34.6** |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| **TT** | **Trình độ / học vị** | **Số lượng,**  **người** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 2 | 10.53 | 2 |  |  |  | 1 |  | 1 |
| 2 | Phó Giáo sư | 7 | 36.84 | 6 | 1 |  |  | 7 |  |  |
| 3 | Tiến sĩ khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tiến sĩ | 9 | 47.37 | 8 | 1 |  | 4 | 5 |  |  |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 5.23 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |
| 6 | Đại học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | **19** | **100** | **17** | **2** |  | **5** | **13** |  | **1** |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 94.77 %

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100 %

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tần suất sử dụng** | **Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học** | |
| ***Ngoại ngữ*** | ***Tin học*** |
| 1 | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc) | 100 | 100 |
| 2 | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc) |  |  |
| 3 | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc) |  |  |
| 4 | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc) |  |  |
| 5 | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) |  |  |
|  | **Tổng** | **100** | **100** |

1. **Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

*Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất  
(từ năm 2019-2020 đến 2023-2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số thí sinh đăng ký vào CTĐT**  **(người)** | **Số lượng trúng tuyển** | **Tỷ lệ cạnh tranh** | **Số nhập học thực tế**  **(ngườ)** | **Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm** | **Điểm trung bình của sinh viên được tuyển** | **Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)** |
| 2019-2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 0 |
| 2020-2021 |  | 14 |  | 14 | 18.5 |  | 0 |
| 2021-2022 |  | 40 |  | 40 | 19.0 |  | 0 |
| 2022-2023 |  | 30 |  |  |  |  |  |
| 2023-2024 |  | 28 |  |  |  |  |  |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Nghiên cứu sinh |  |  |  | 2 | 1 |
| 2. Học viên cao học | 64 | 89 | 30 | 14 | 9 |
| 3. Sinh viên đại học  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 0 | 14 | 40 | 30 | 28 |
| Hệ không chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4. Sinh viên cao đẳng  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hệ không chính quy | - | - | - | - | - |
| 5. Học sinh TCCN  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hệ không chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6. Khác… |  |  |  |  |  |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

|  | **Năm học** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| Số lượng (người) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học |  |  |  |  |  |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** |
| 1.Tổng diện tích phòng ở (m2) | 2520 | 2520 | 2520 | 2520 | 2520 |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người) | 63 | 78 | 63 | 51 | 72 |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người) | 63 | 78 | 63 | 51 | 72 |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/người) | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại đề tài** | **Hệ  số** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** | ***Tổng (đã quy đổi)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2.0 |  |  |  | 2 | 3 | 10 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1.0 | 1 | 1 | 1 |  | 3 | 6 |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0.5 | 2 | 3 | 2 |  | 1 | 4 |
| 4 | Tổng |  | 3 | 4 | 2 | 2 | 7 | 19 |

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

| **Các tiêu chí** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| 1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ |  | 3 | 2 | 2 | 1 |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học | 51 | 35 | 61 | 86 | 9 |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 86 | 27 | 8 | 0 | 0 |
| Hệ không chính quy (VHVL) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hệ không chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hệ không chính quy | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6. Khác… |  |  |  |  |  |

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| **Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT: Các tiêu chí** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người). | 86 | 27 | 8 | 0 | 0 |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%). | 100% | 100% | 100% | - | - |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:  A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống câu 4  B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | B | B | B | - | - |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | 100 | 100 | 100 | - | - |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | 0 | 0 | 0 | - | - |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp | 0 | 0 | 0 | - | - |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống câu 5  B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | B | B | B | - | - |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). |  |  |  |  |  |
| - Sau 6 tháng tốt nghiệp. | 59% | 63% | 80% | - | - |
| - Sau 12 tháng tốt nghiệp. | 24.6% | 11.76% | 14.1% | - | - |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%). | 16.4% | 25.24% | 5.9% | - | - |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng) | 6.5 | 7 | 7 | - | - |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống kết thúc bảng này.  B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | A | A | A | - | - |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%). |  |  |  |  | - |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%). |  |  |  |  | - |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%). |  |  |  |  | - |

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

1. **Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: (từ 2015-2016 đến 2019-2020)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại đề tài** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | ***2024*** | ***Tổng (đã quy đổi)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |  | (9) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2,0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 4 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1,0 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 9 |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0,5 | 2 | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 2,5 |
| 4 | Tổng |  | 5 | 2 | 4 | 1 | 4 | 1 | 17 |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

*\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1.46

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| **TT** | **Năm** | **Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)** | **Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)** | **Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu**  **(triệu VNĐ/ người)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2019 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | 2020 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | 2021 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | 2022 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | 2023 | 0 | 0 | 0 |

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| **Số lượng đề tài** | **Số lượng cán bộ tham gia** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Đề tài cấp NN*** | ***Đề tài cấp Bộ\**** | ***Đề tài cấp trường*** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 7 | 12 | 14 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 4 | 0 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số cán bộ tham gia | 7 | 12 | 14 |  |

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại sách** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Sách chuyên khảo | 2.0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  | 10 |
| 2 | Sách giáo trình | 1.5 | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 |  | 27 |
| 3 | Sách tham khảo | 1.0 | 2 | 2 | 3 | 1 | 3 |  | 11 |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0.5 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 |  | 6 |
| **5** | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  | **54** |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 35

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,3

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng sách** | **Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách** | | | |
| ***Sách chuyên khảo*** | ***Sách giáo trình*** | ***Sách tham khảo*** | ***Sách hướng dẫn*** |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách | 4 | 20 | 2 | 3 |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 3 |
| Trên 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 1 |
| **Tổng số cán bộ tham gia** | **4** | **20** | **2** | **7** |

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| **TT** | **Phân loại tạp chí** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Tạp chí khoa học quốc tế | 1.5 | 9 | 13 | 21 | 16 | 21 | 29 | 163,5 |
| 2 | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1.0 | 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 1 | 8 |
| 3 | Tạp chí / tập san của cấp trường | 0.5 | 10 | 6 | 9 | 10 | 11 | 2 | 24 |
|  | Tổng |  | 22 | 21 | 21 | 26 | 33 | 32 | **195,5** |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 195,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 26

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí** | **Nơi đăng** | | |
| **Tạp chí khoa học quốc tế** | **Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước** | **Tạp chí / tập san cấp trường** |
| Từ 1 đến 5 bài báo | 20 | 8 | 20 |
| Từ 6 đến 10 bài báo | 16 | 5 | 20 |
| Từ 11 đến 15 bài báo | 10 | 0 | 12 |
| Trên 15 bài báo | 4 | 0 | 6 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 50 | 13 | 58 |

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại hội thảo** | **Hệ số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Hội thảo quốc tế | 1.0 | 3 | 0 | 11 | 0 | 8 | 0 | **22** |
| 2 | Hội thảo trong nước | 0.5 | 0 | 0 | 0 | 10 | 0 | 4 | **7** |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0.25 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| 4 | Tổng |  | **3** | **0** | **11** | **10** | **8** | **4** | **29** |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 29

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.5

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

| **Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo** | **Cấp hội thảo** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hội thảo quốc tế** | **Hội thảo  trong nước** | **Hội thảo ở trường** |
| Từ 1 đến 5 báo cáo | 20 | 20 | 0 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo | 12 | 10 | 0 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo | 10 | 10 | 0 |
| Trên 15 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 42 | 40 | 0 |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)*

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm học** | **Số bằng phát minh, sáng chế được cấp**  **(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)** |
| 2019-2020 | Số lượng: 01, Nơi cấp: Cụ sở hữu trí tuệ Việt Nam, Thời gian:2019, Người được cấp: Nguyễn thành Công |
| 2020-2021 | 0 |
| 2021-2022 | 0 |
| 2022-2023 | 0 |
| 2023-2024 | 0 |

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng đề tài** | **Số lượng người học tham gia** | | | **Ghi chú** |
| ***Đề tài cấp NN*** | ***Đề tài cấp Bộ\**** | ***Đề tài cấp trường*** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 1 | 24 | 0 |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 2 | 0 |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số người học tham gia | 0 | 1 | 26 | 0 |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

*(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)*

| **TT** | **Thành tích nghiên cứu khoa học** | **Số lượng** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** |
| 1 | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo | 2 | 1 | 1 | 2 | 3 |
| 2 | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 1 | 1 | 1 | 2 | 3 |

**VI. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m2): 441.265

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 81.143.

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 3.266 m2

- Phòng học: 51.054 m2

- Xưởng thực tập, thực hành: 8.368 m2

- Phòng thí nghiệm: 10,143 m2

- Phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ, nhạc họa…: 7,886 m2

- Thư viện: 9,952 m2

- Sân chơi, bãi tập: Diện tích sân tập, thi đấu TDTT 26,823 m2: Diện tích nhà thi đấu đa năng: 2,766 m2

- Ký túc xá: 48,799 m2

59. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m2

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m2/1 SV

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.793 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa Vật lý: 02 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1 người học chính quy.

**VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 11

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100 (11/11)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 90,9 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 9.1 %

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 90

Tỷ số người học chính quy trên GV: 8,2

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): trên 80 %.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 87%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): Trên 90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 10%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7 triệu/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Trên 90%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.73 đề tài/GV

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.18 quyển/người.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 26.1 bài/người.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.95 báo cáo/người.

7. Cơ sở vật chất

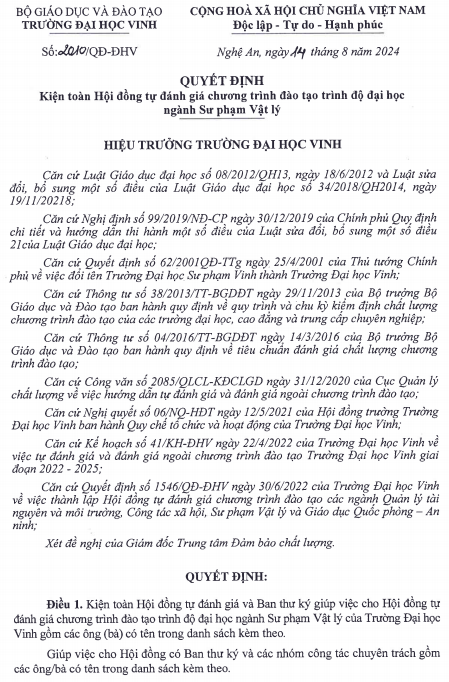
Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

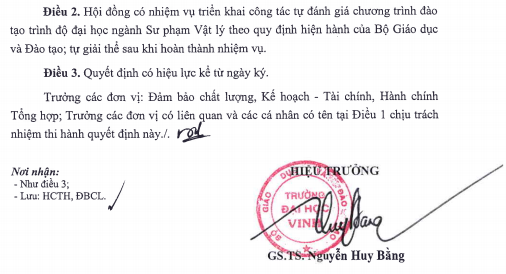
Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,81 m2/1 sv

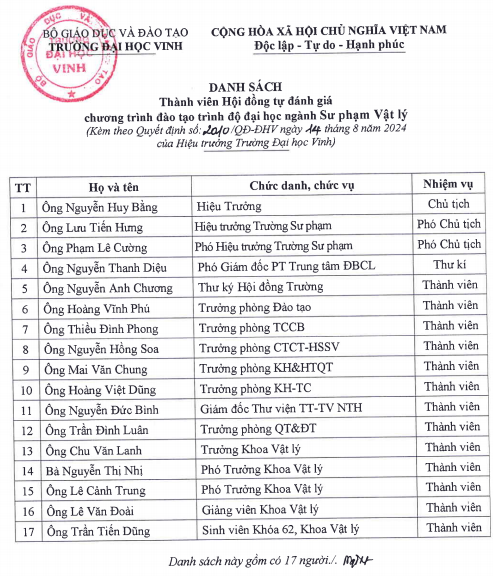
Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 8 m2/1 SV

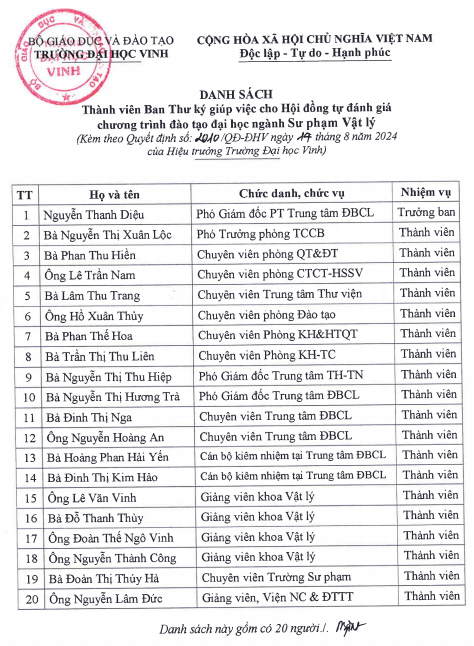
*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)*.

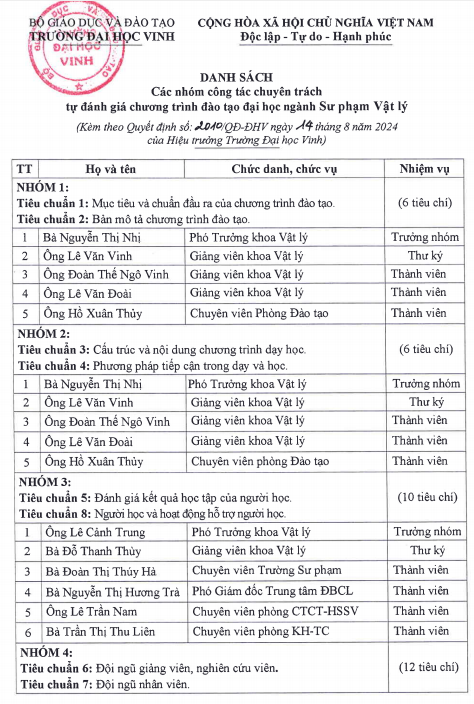
**2. Các tư kiệu liên quan**

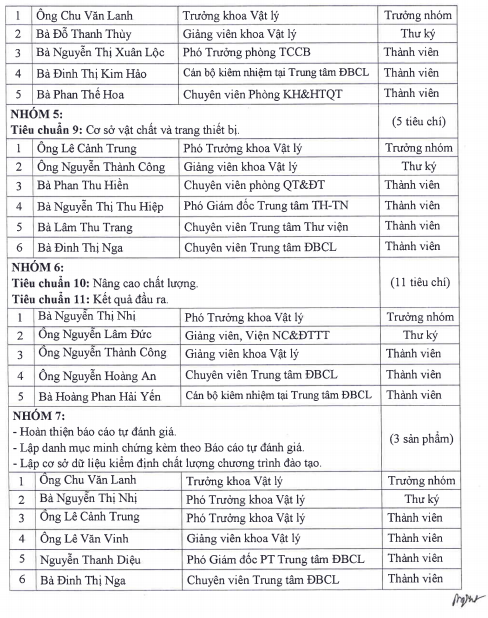


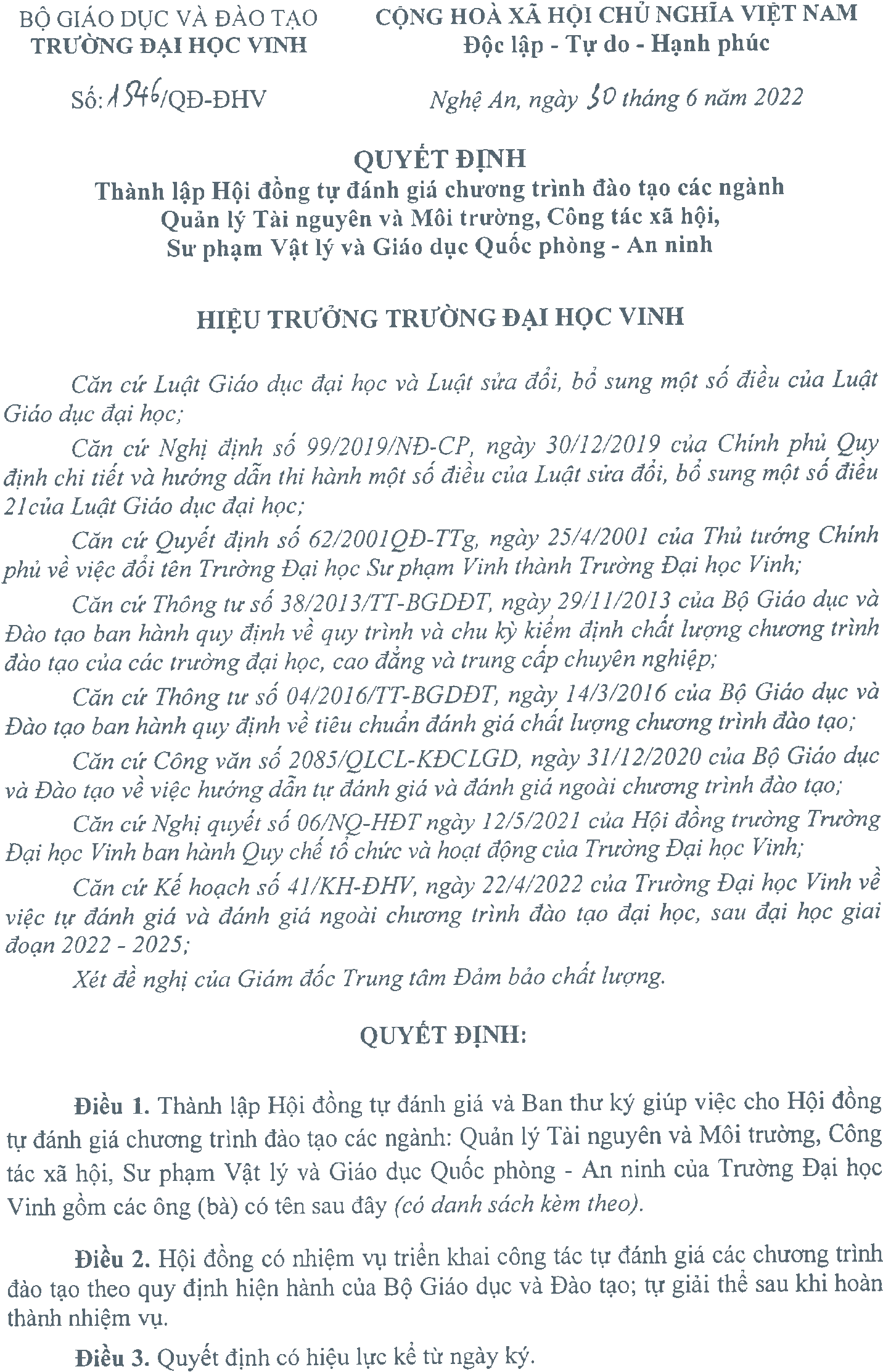
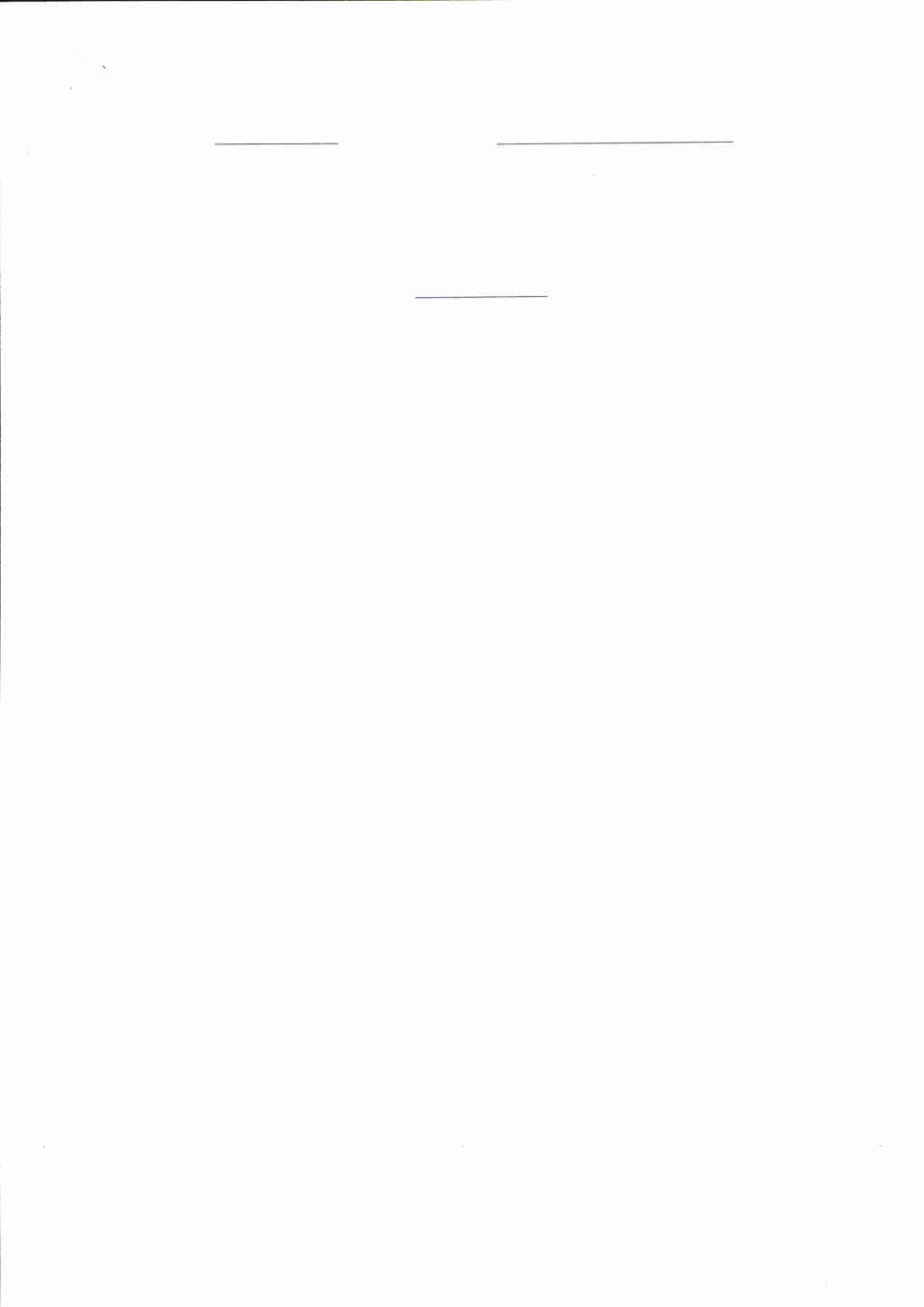


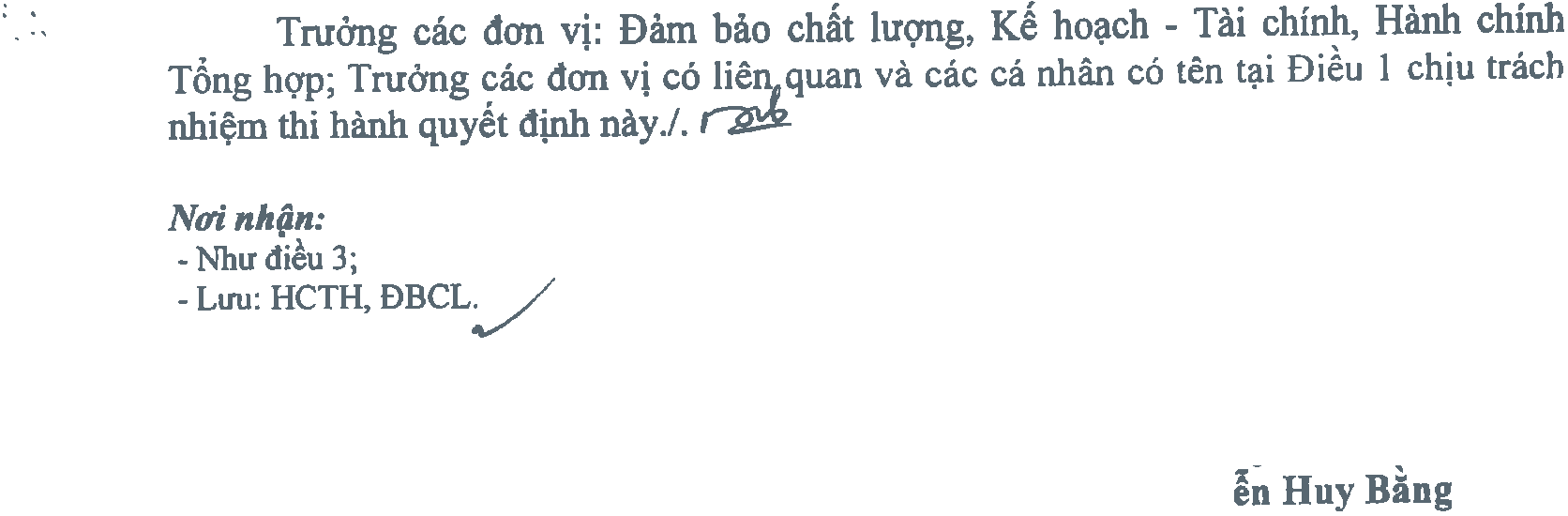
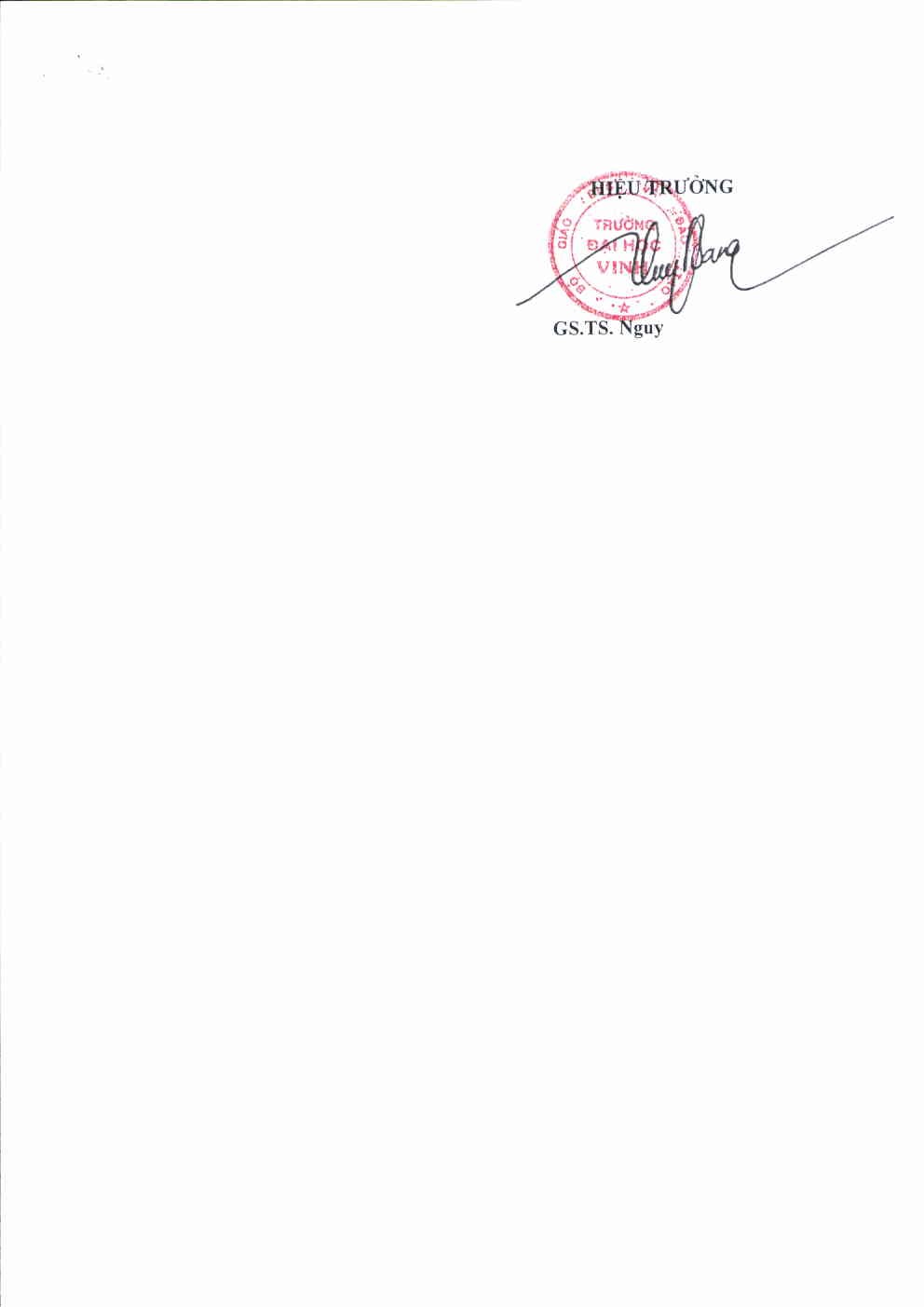


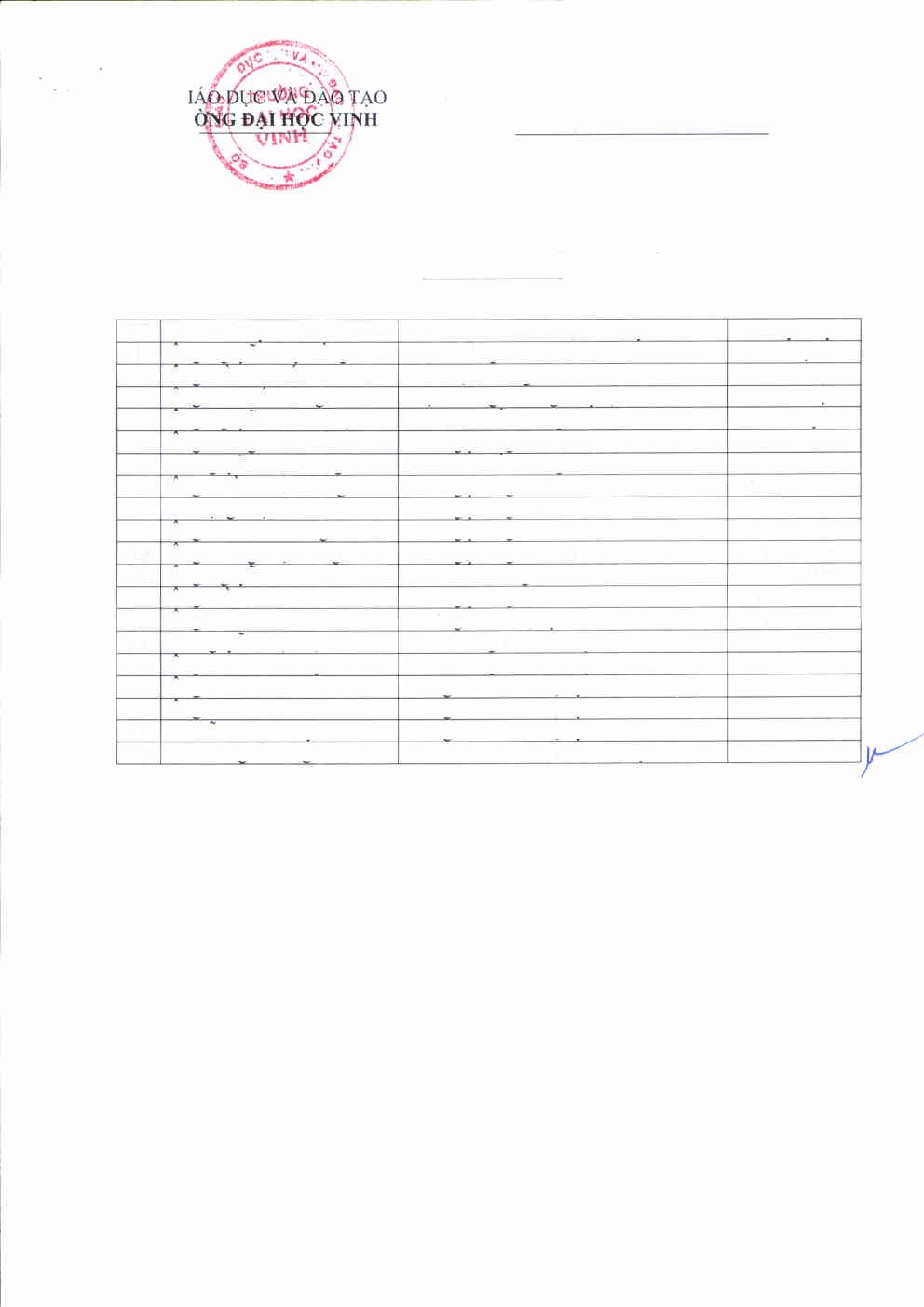


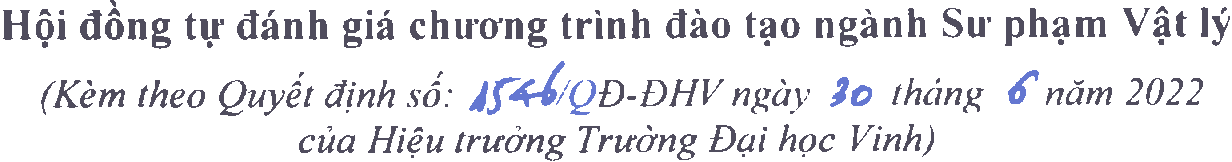
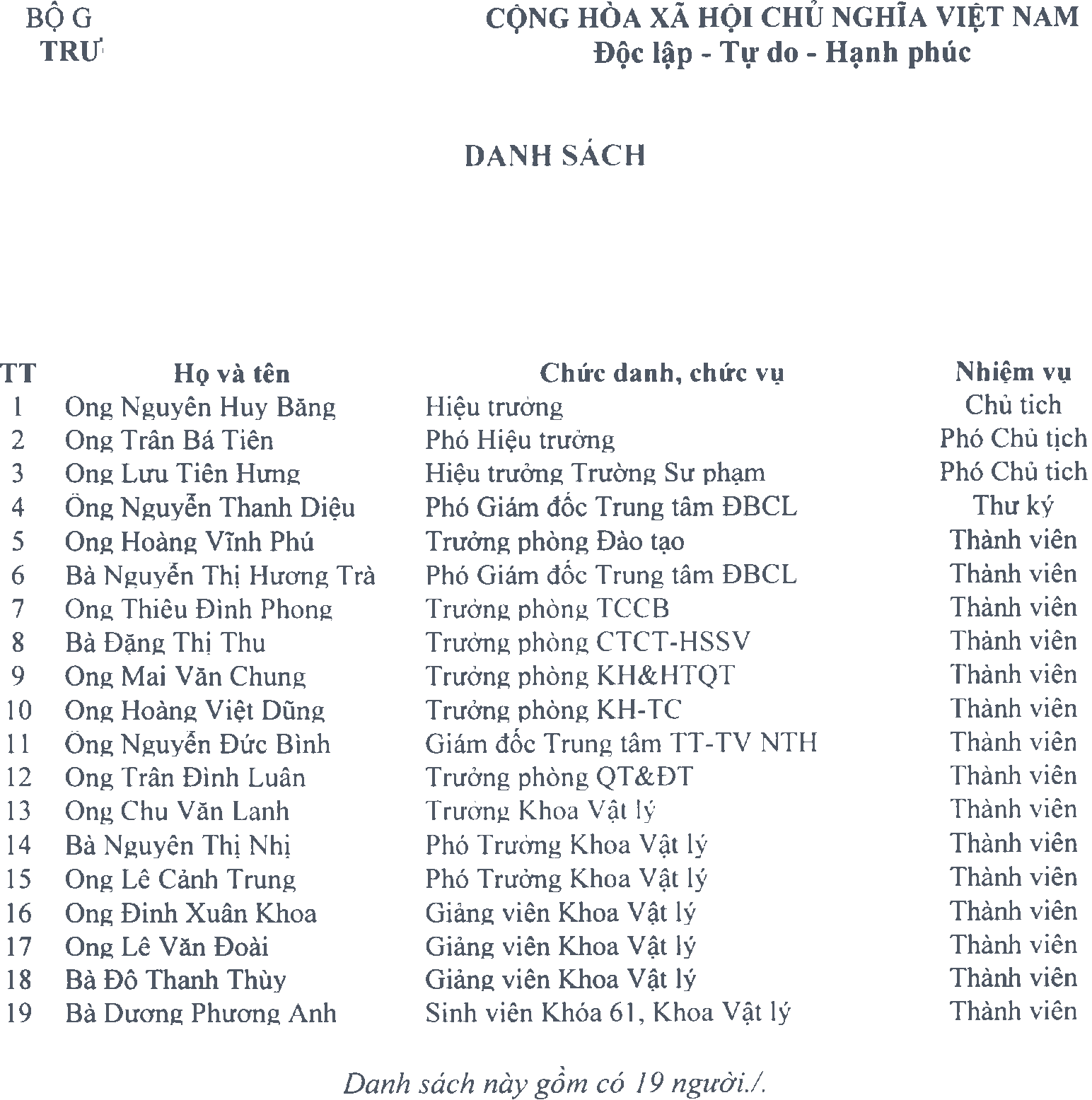


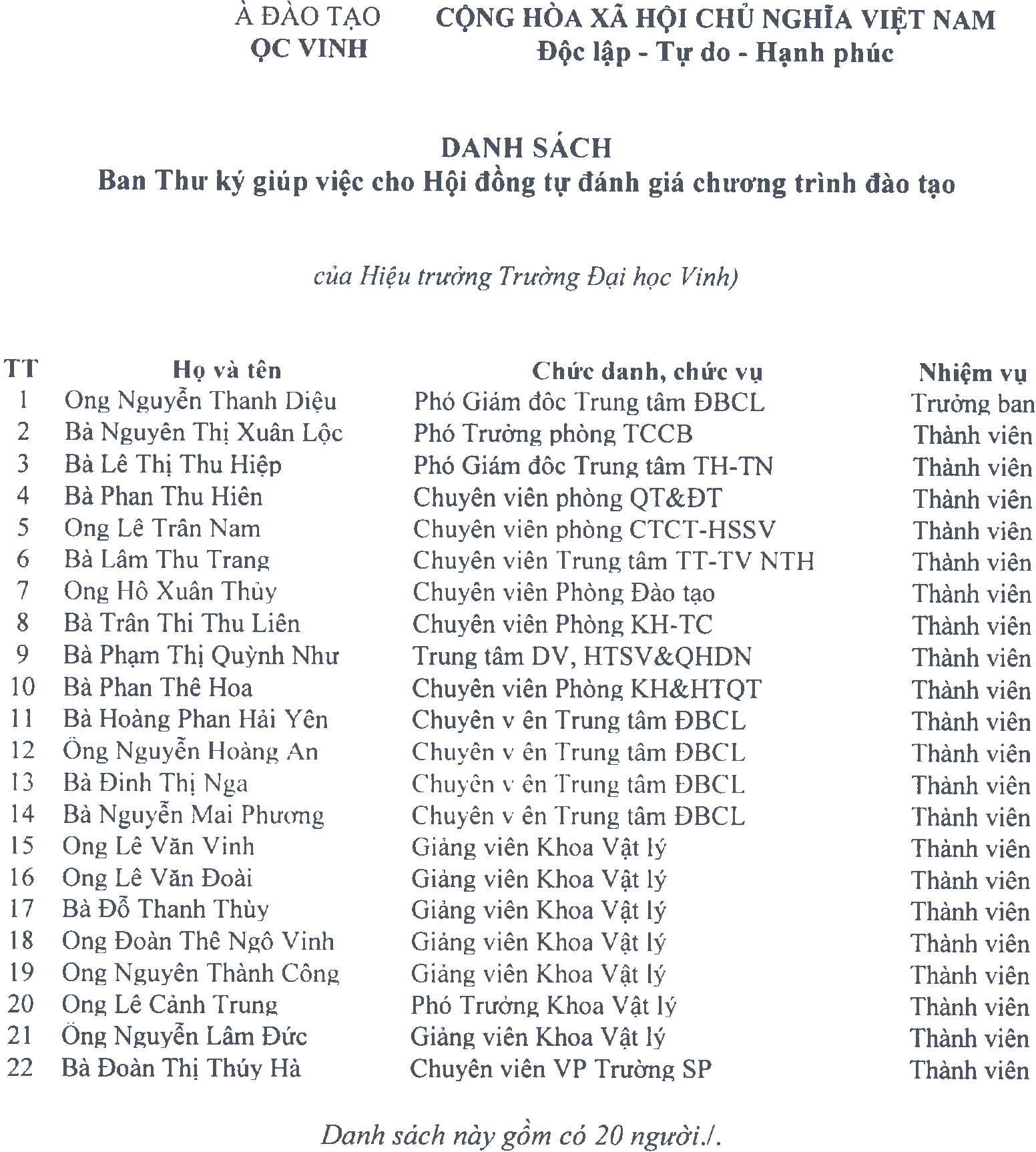
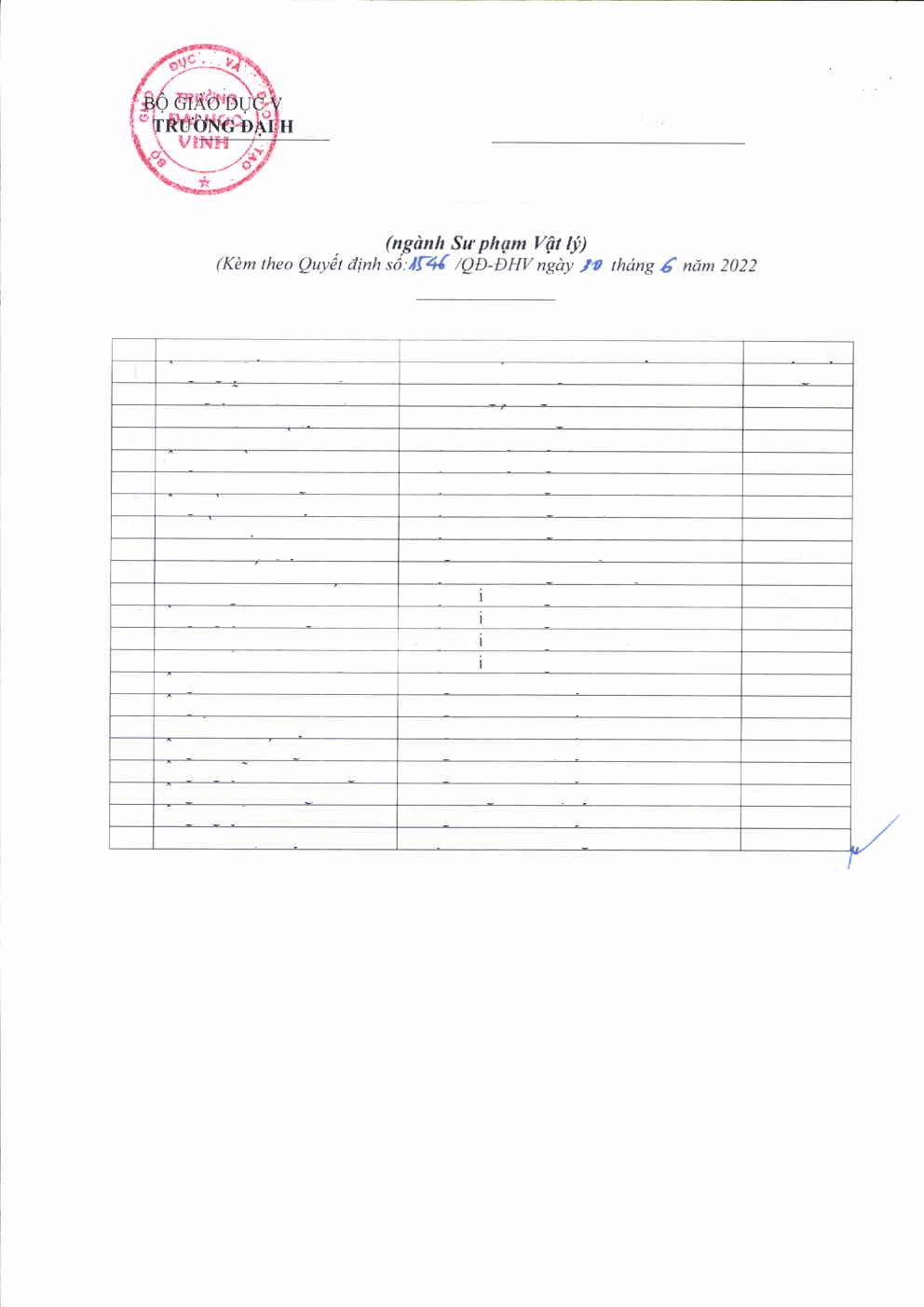


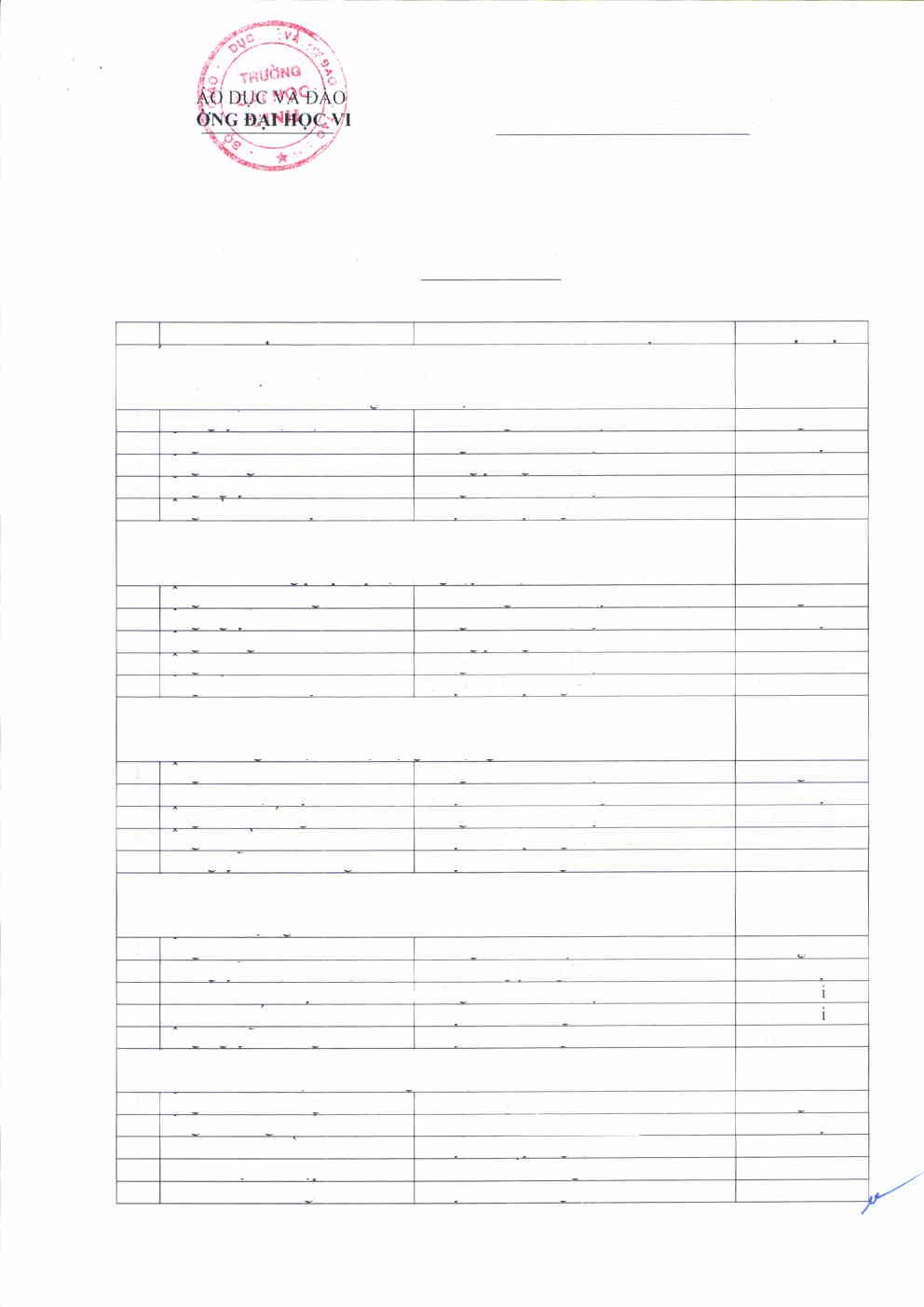


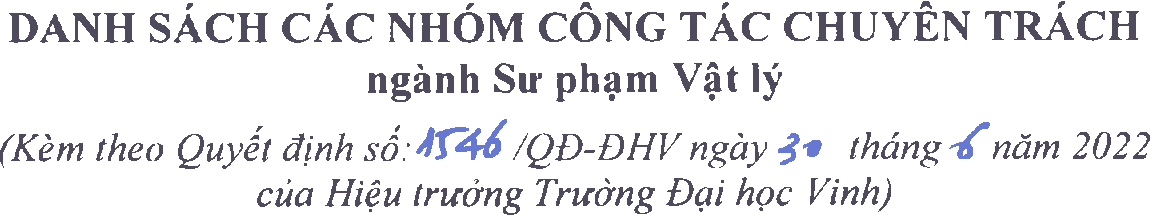
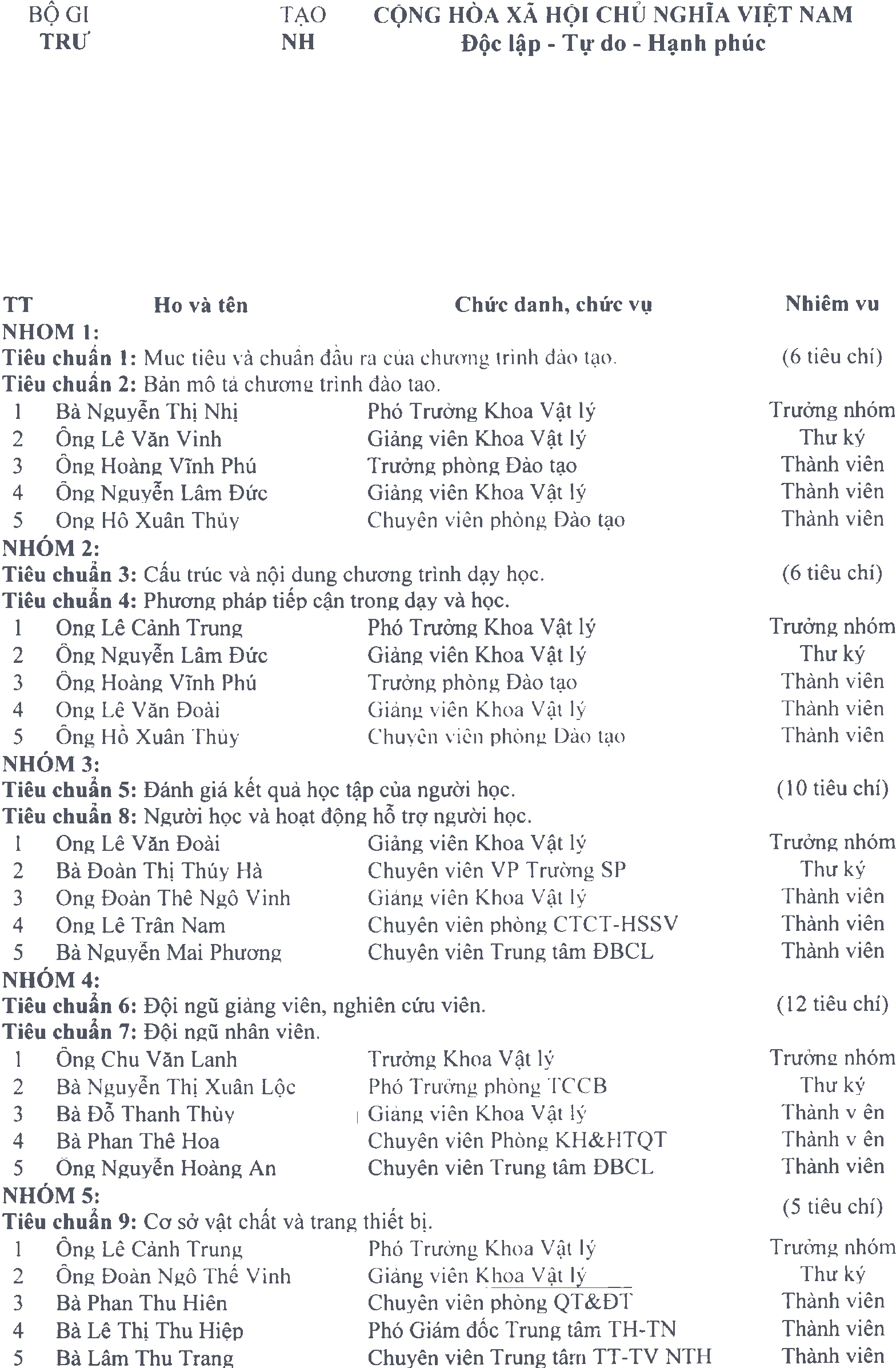


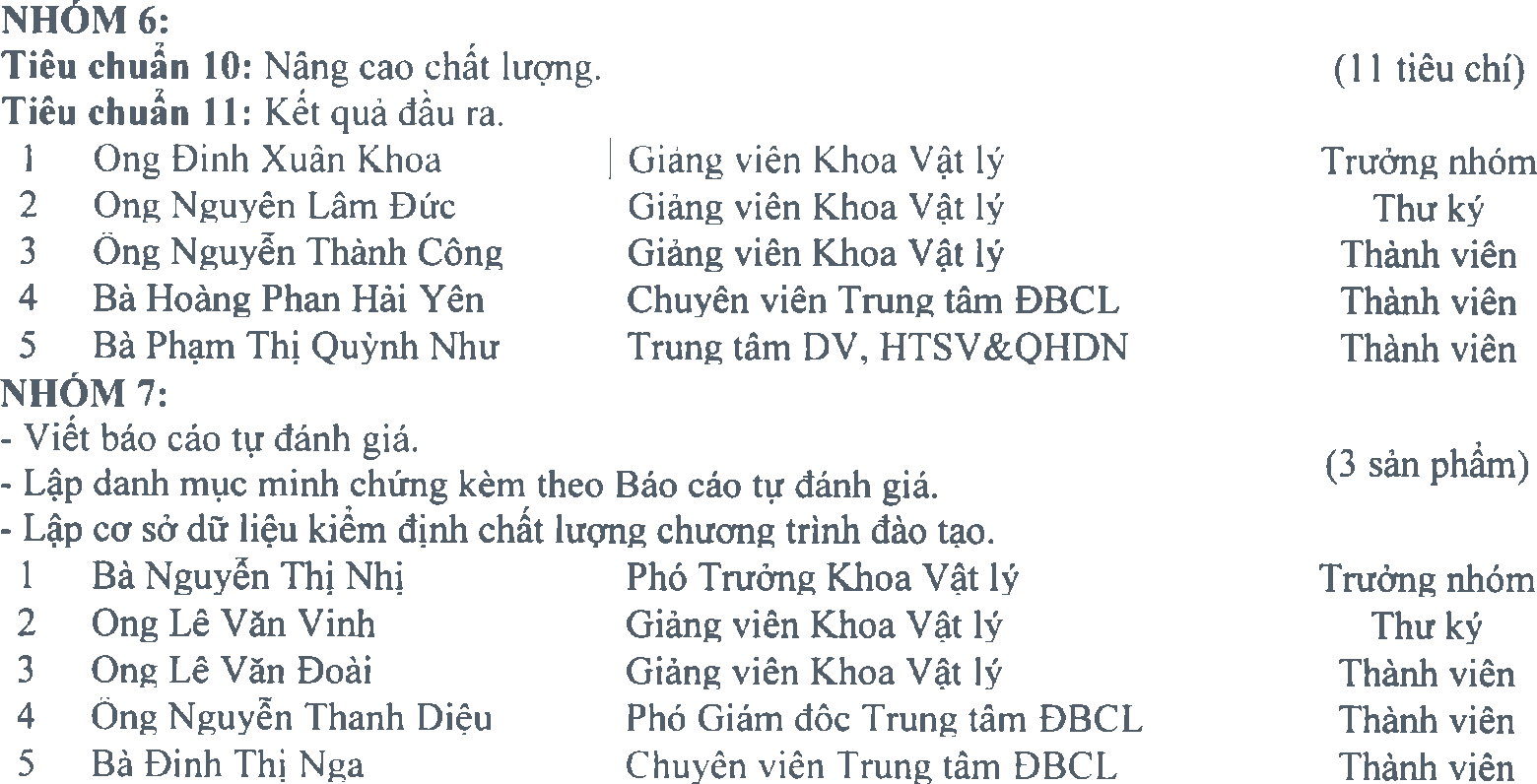


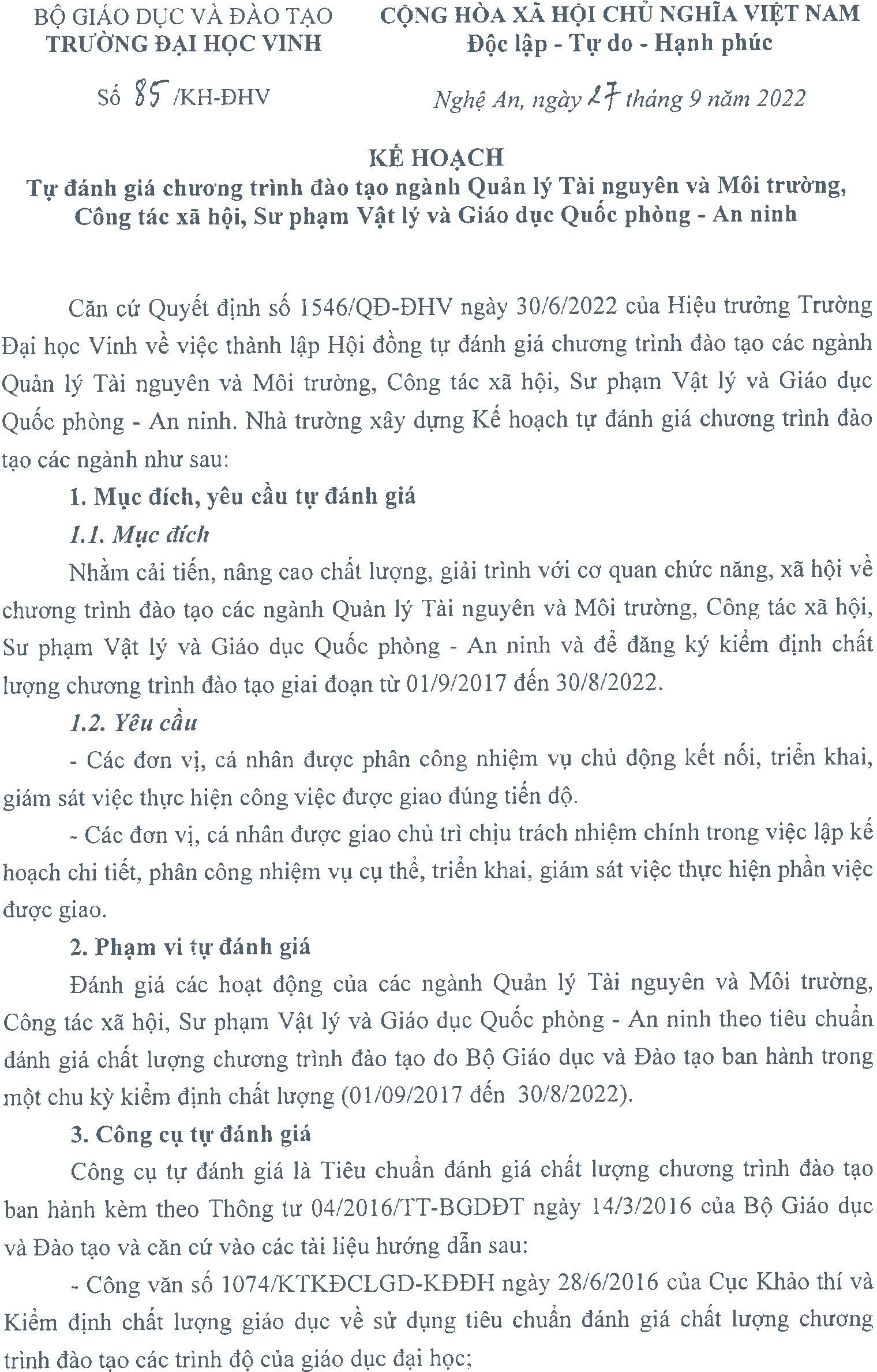


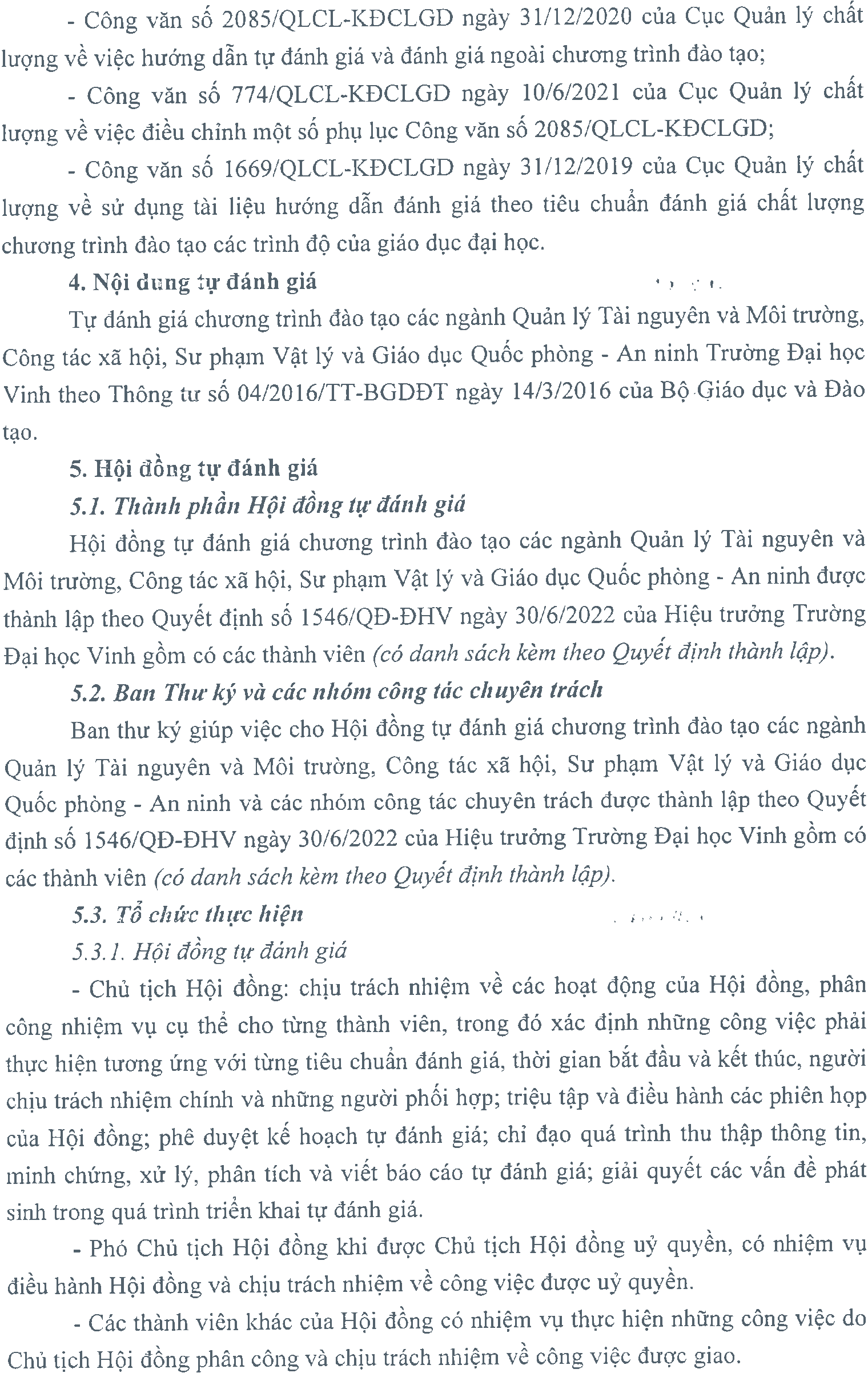


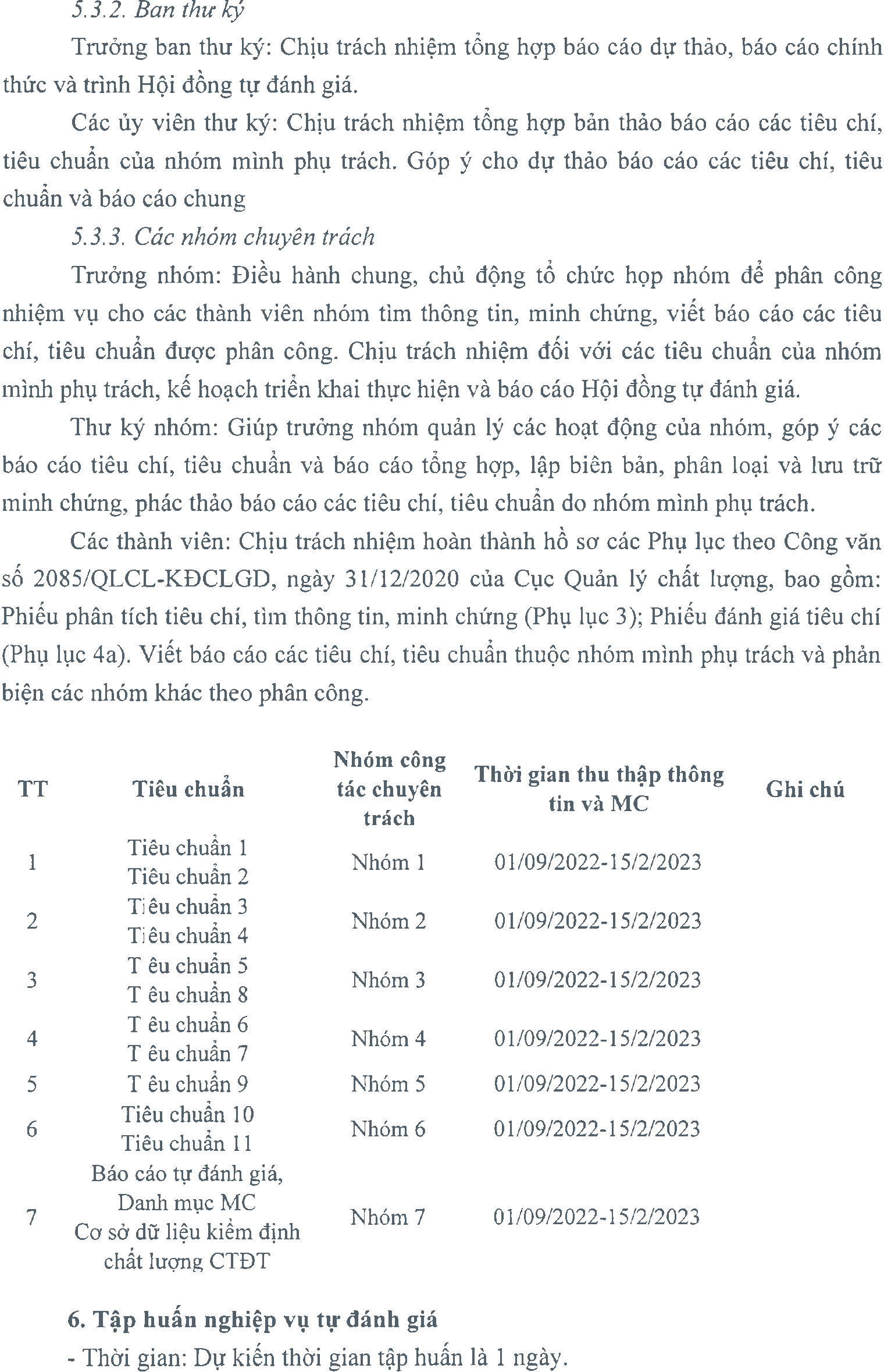
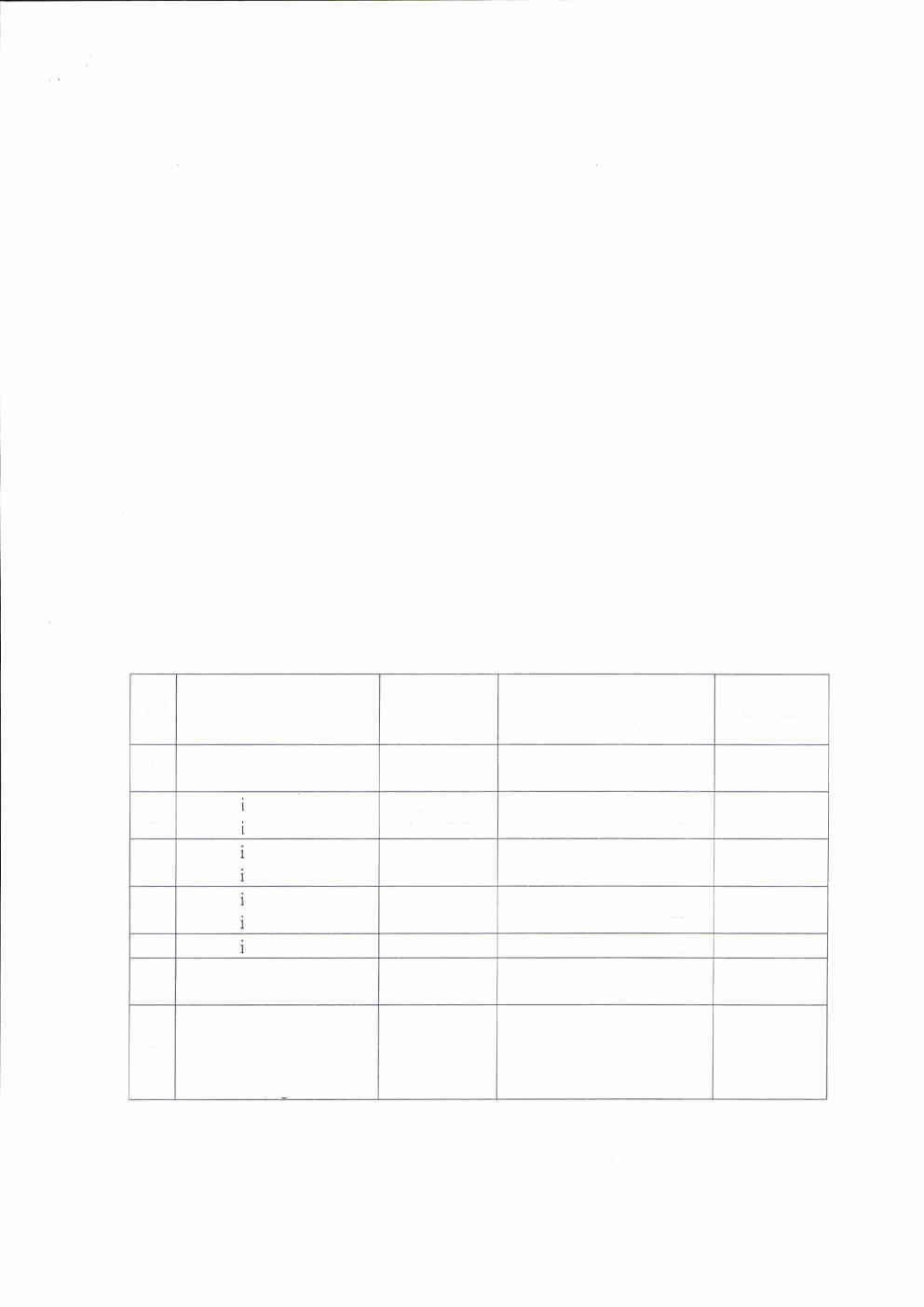


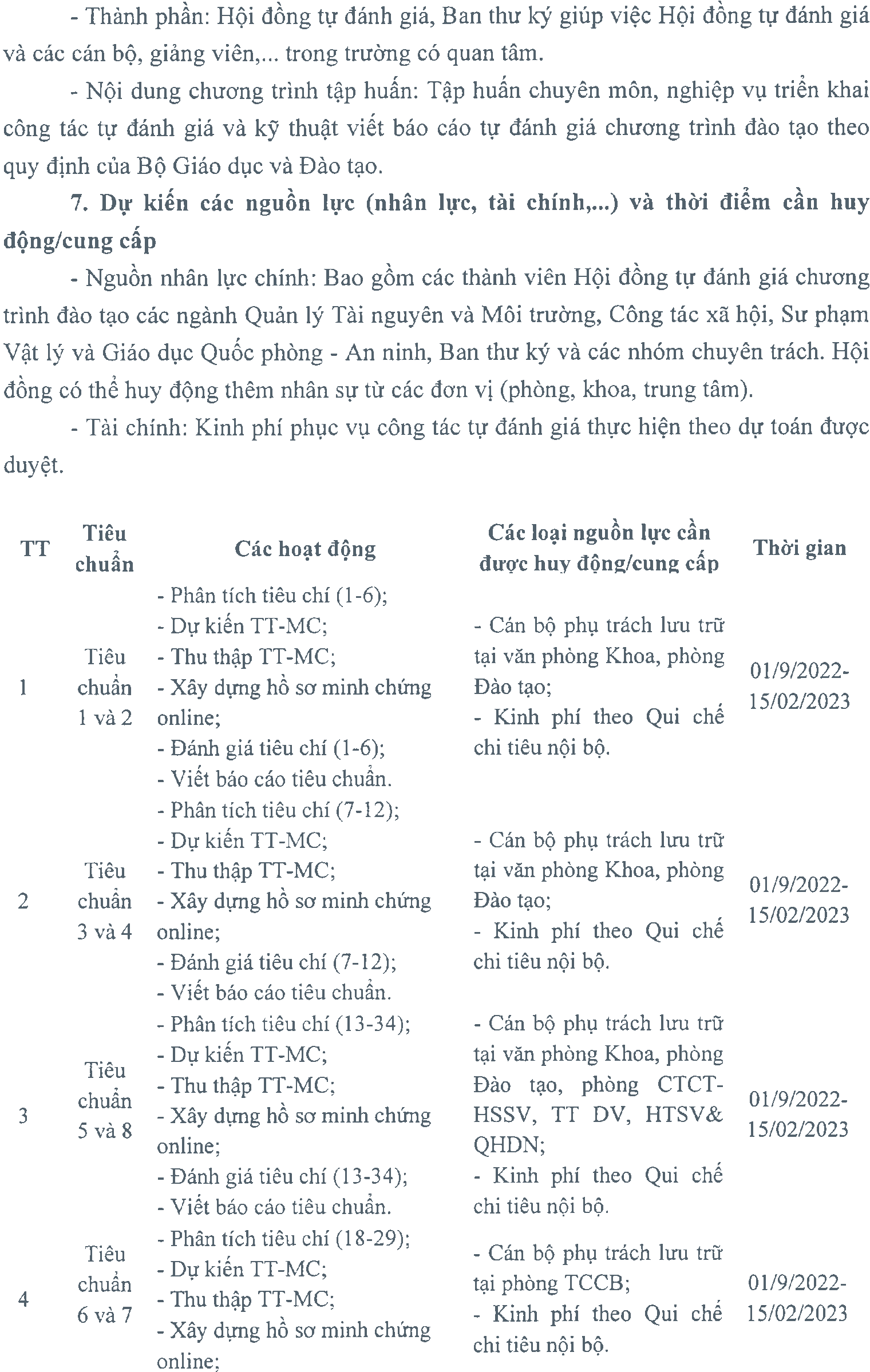
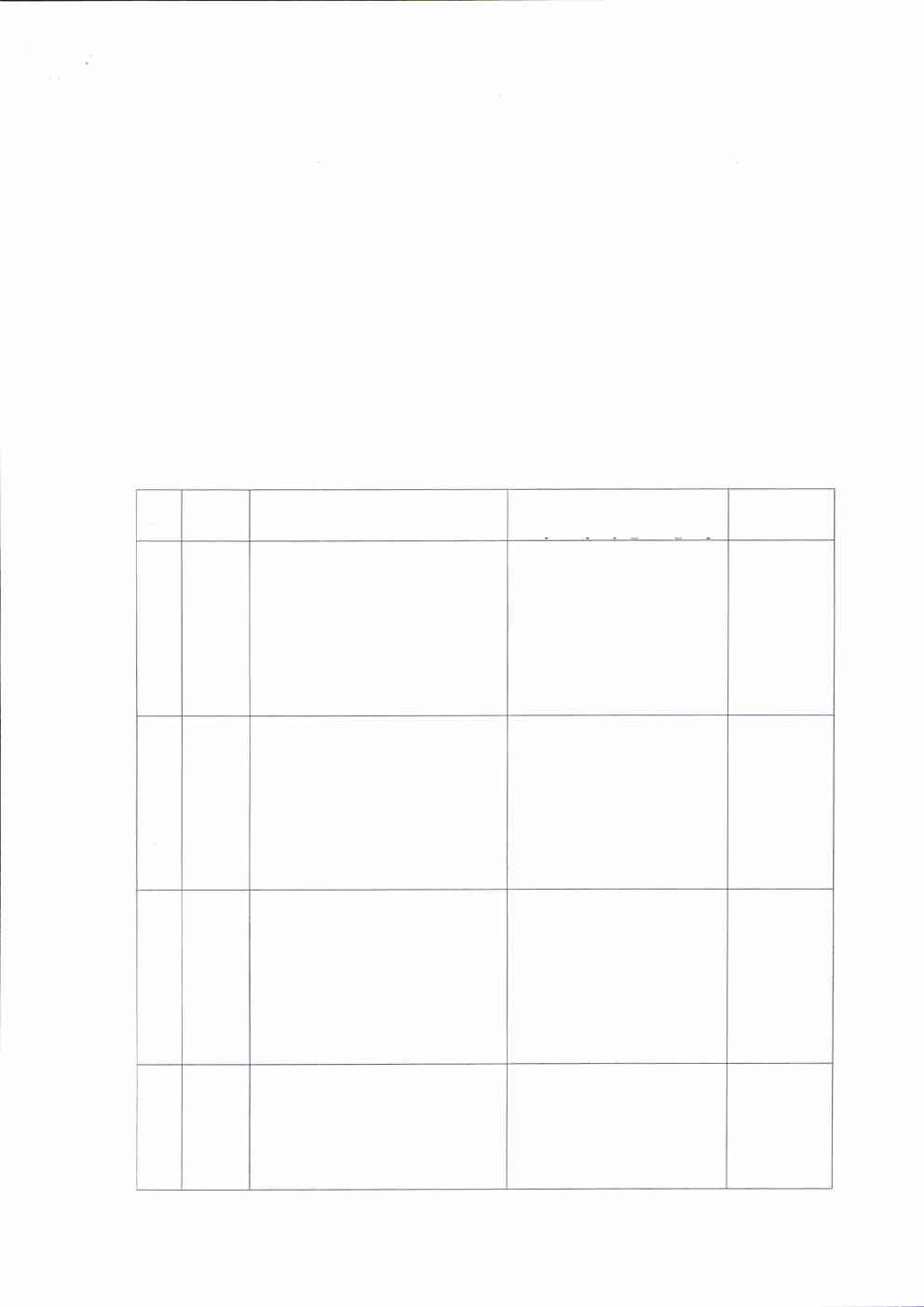


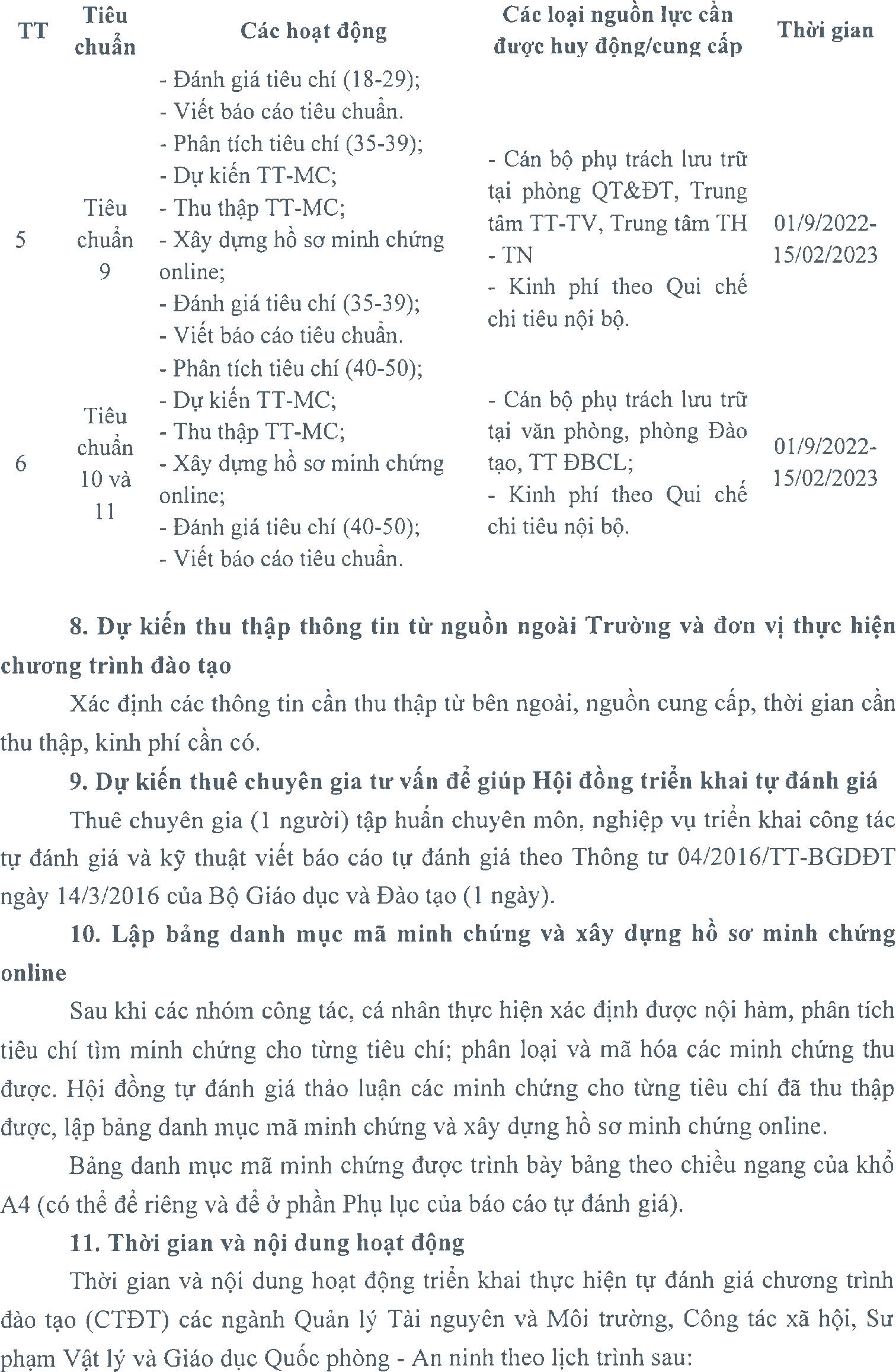


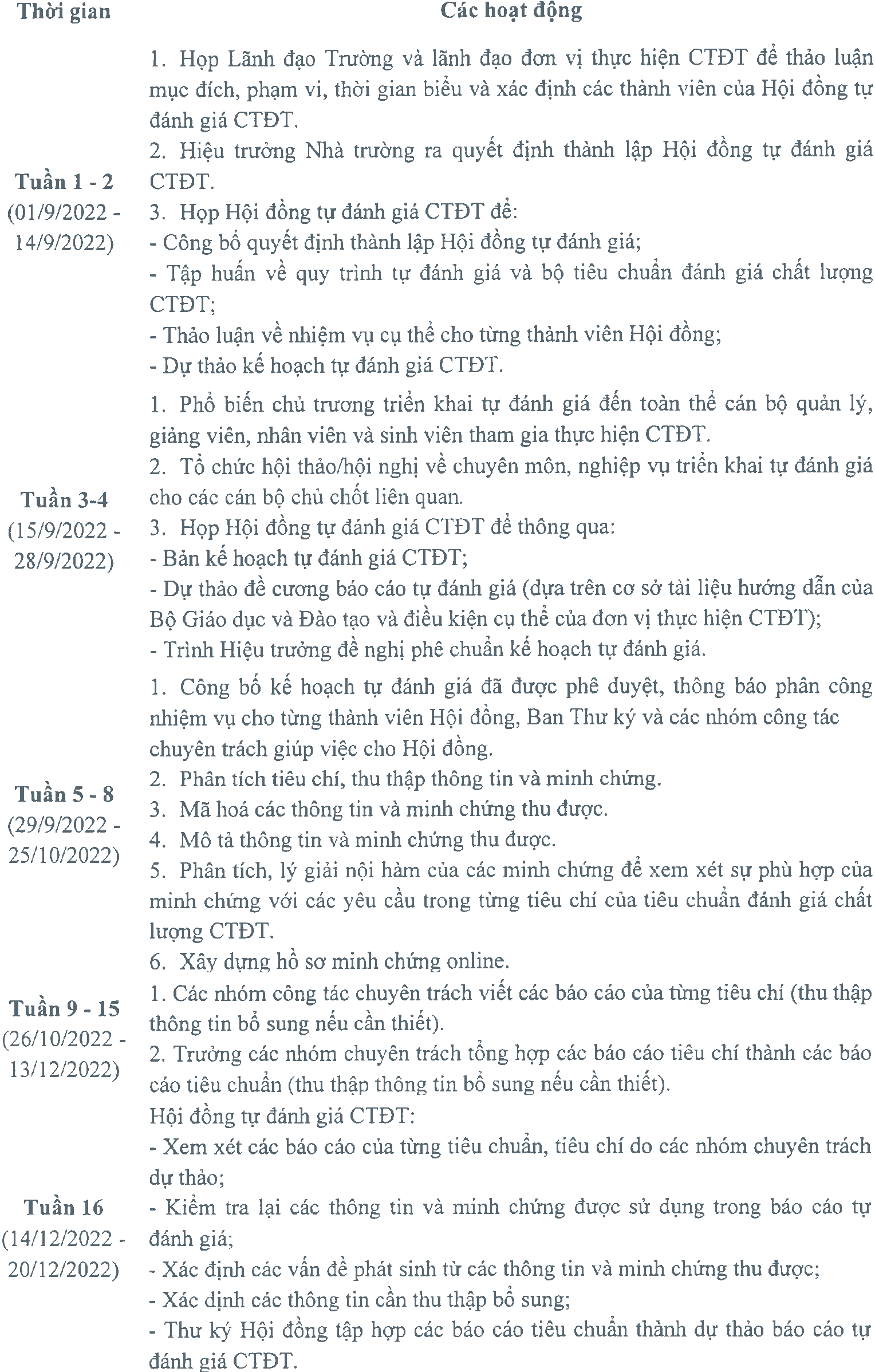


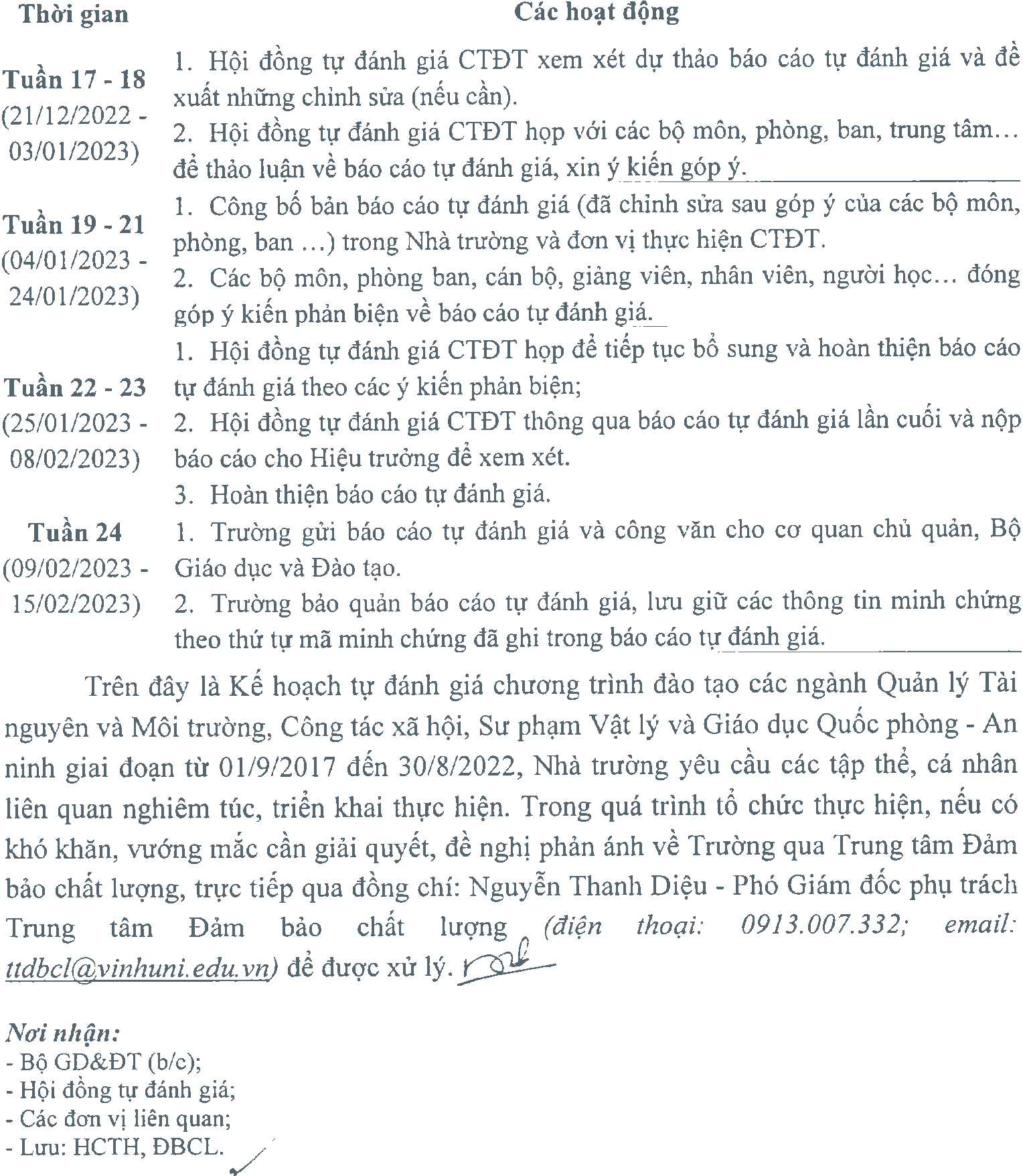


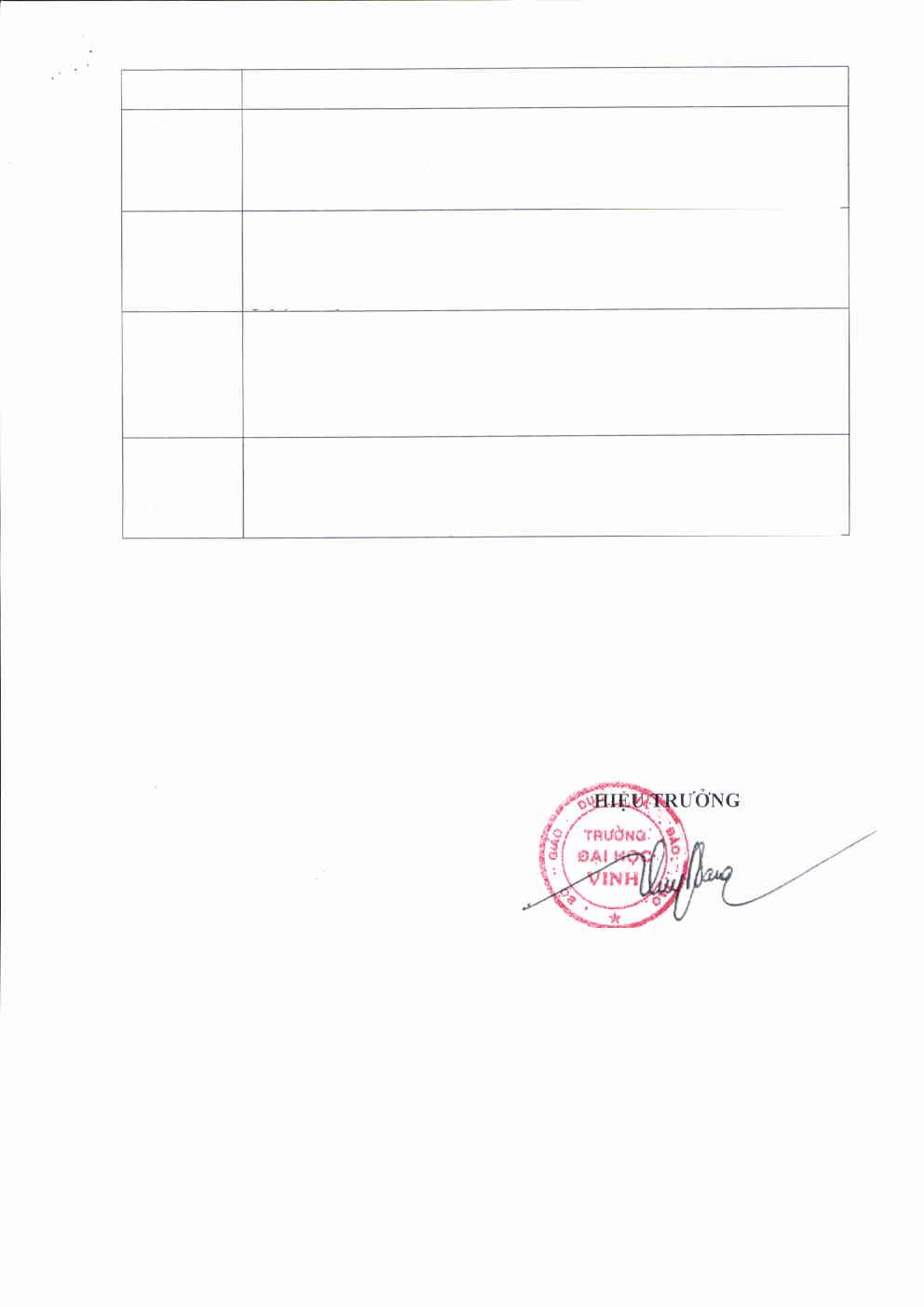












1. Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi. [↑](#footnote-ref-1)
2. Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn. [↑](#footnote-ref-3)